

vương là Moggallāna (Mục-kiền-liên), Thiên chủ Sakka là Anuruddha (A-na-luật-đà), Vua Dhanañjaya là Ānanda (A-nan), Puṇṇaka là Channa (Xa-nặc), hội chúng lúc ấy là hội chúng của Như Lai và bậc Trí giả Vidhura chính là Ta.

§547. CHUYỆN ĐẠI VƯƠNG VESSANTARA

(*Vessantarajātaka*)⁶⁹ (J. VI. 479)

Phusatī, mỹ hậu huy hoàng...

Chuyện này bậc Đạo sư kể về một cơn mưa sen⁷⁰ khi Ngài đang trú trong vườn Nigrodha (Nigrodhārāma) gần thành Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ).

Lúc bậc Đạo sư đến thành Rājagaha (Vương Xá) để từng bước chuyển pháp luân, Ngài trải qua mùa đông ở đó, rồi Ngài đến thành Kapilavatthu trước tiên cùng với hai mươi ngàn vị Thánh đệ tử theo sau, có Trưởng lão Udāyi (Ưu-đà-di) dẫn đường; ngay lập tức, các vương tử dòng Sākya (Thích-ca) tụ tập lại để đón vị Trưởng tộc của họ. Họ quan sát nơi cư trú của đức Thế Tôn và bảo:

– Vườn Nigrodha này thật là một nơi an lạc, xứng đáng với một vị Thích-ca!

Rồi họ làm đủ mọi vật dụng thích hợp để bảo vệ nơi ấy, chuẩn bị sẵn sàng nghênh đón Ngài với những bó hoa thơm ngát trong tay. Trước hết, họ đưa các thiếu nữ, nam nữ trong thành mặc áo quần đẹp nhất, kể đó là các vương tôn, công chúa đến kính lễ đức Thế Tôn với hương hoa thơm ngát và theo hầu đức Thế Tôn đến tận vườn Nigrodha. Tại đó, đức Thế Tôn an tọa, được hai mươi ngàn vị Thánh đệ tử vây quanh bảo tọa dành cho Ngài.

Bấy giờ, dòng họ Thích-ca là một bộ tộc kiêu mạn và cứng đầu, họ nghĩ thầm: “Nam tử Siddhattha trẻ tuổi hơn ta, đó là em ta, cháu gọi ta bằng chú, bằng ông.” Vì thế, họ bảo các vương tử trẻ tuổi:

– Các anh hãy kính lễ đức Thế Tôn, còn chúng ta sẽ ngồi sau các anh!

Trong khi họ ngồi yên đó không muốn làm lễ chào Ngài, đức Thế Tôn biết ý định của họ, nghĩ thầm: “Thân tộc Ta không kính lễ Ta, được rồi, Ta sẽ làm cho hội chúng kính lễ.” Do đó, Ngài nhập tứ thiền làm nền tảng thi triển thần thông, vụt lên không trung thực hiện một phép thần kỳ như thần thông Song hành [nước và lửa đồng thời] dưới gốc cây xoài gaṇḍamba⁷¹ (cây xoài có cục nu) như thể đang làm rơi bụi nơi bàn chân Ngài lên đầu họ.⁷²

Vua cha thấy việc kỳ diệu này liền nói:

– Bạch Thế Tôn, vào ngày Đản sinh của Ngài, khi trầm thấy chân Ngài đặt lên đầu Bà-la-môn Kāladevala đến kính lễ Ngài, trầm đã kính lễ Ngài, đó là lần đầu. Vào ngày lễ Cày ruộng, khi Ngài ngự trên vương tọa dưới bóng cây hồng

⁶⁹ Xem Cp. 78, *Vessantaracariya* (Hạnh của đức Bồ-tát Vessantara).

⁷⁰ Theo *Chú giải, Pokkharavassam*: Mưa sen, là mưa có tính chất như lá sen, ai muốn ướt thì sẽ ướt, ai không muốn ướt thì sẽ như lá sen, không bị thấm ướt.

⁷¹ Bản CST viết gaṇḍamba.

⁷² Xem J. IV. 264, *Sarabhamigajātaka* (Chuyện lạc vương Sarabha), số §483.

đào, trầm thấy bóng cây ấy không lay động, trầm cũng kính lễ dưới chân Ngài và đó là lần thứ hai. Và bây giờ nữa, trầm thấy một phép màu mà trầm chưa từng thấy trước kia nên trầm lại kính lễ chân Ngài, đây là lần thứ ba.

Khi vua cha đã kính lễ như vậy thì không một vị Sākya nào có thể ngồi yên được nữa, tất cả bọn họ đều kính lễ đức Thế Tôn.

Sau khi đã làm cho cả thân tộc kính lễ Ngài như vậy, đức Thế Tôn từ trên không hạ xuống ngồi trên chiếc bảo tọa đã soạn sẵn. Khi đức Thế Tôn đã an tọa, những người thân tộc của Ngài đã được sáng trí và cùng ngồi xuống với tâm an tịnh.

Lúc ấy, một vầng mây lớn nổi lên và trận mưa sen rơi xuống, nước mưa màu hồng đỏ trút xuống âm âm. Những ai muốn ướt đều được ướt sũng, còn ai không muốn thì chẳng có giọt nào rơi trên mình. Mọi người thấy vậy đều rất kinh ngạc trước phép màu và đồng kêu to với nhau:

– Thật kỳ diệu thay, thật hy hữu thay! Hãy nhìn thần lực của chư Phật! Con mưa lớn này đang trút xuống những người thân tộc của Ngài!

Nghe vậy, bậc Đạo sư bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên một trận mưa lớn trút xuống những người thân tộc của Ta.

Và rồi theo lời thỉnh cầu của hội chúng, Ngài kể một chuyện quá khứ.

I. KỆ NGÔN VỀ MƯỜI ĐIỀU ÂN HUỆ⁷³

Một thuở nọ, vị vua có tên là Sivi ngự trị ở kinh thành Jetuttara trong vương quốc Sivi. Ngài có một vương tử là Sañjaya. Khi chàng đến tuổi trưởng thành, vua cha kết duyên cho chàng với Công chúa Phusatī,⁷⁴ con gái vua nước Madda, rồi giao vương quốc cho chàng và phong Phusatī làm chánh hậu.

Mối liên hệ đời trước của nàng với thế giới này như sau:

Cách đây chín mươi một kiếp, có một bậc Đạo sư ở thế gian danh hiệu là Vipassī (Tỳ-bà-thi). Trong lúc Ngài an trú tại vườn nai Khemā (Thái Hòa) gần thành Bandhumatī, một vị vua gởi tặng Vua Bandhumā một chuỗi vàng trị giá một trăm ngàn đồng tiền cùng khúc gỗ quý trầm hương (chiên-đàn).

Bấy giờ, vua ấy có hai con gái, và vì muốn tặng bảo vật cho hai con, vua ban khúc gỗ trầm hương cho cô chị và chuỗi vàng cho cô em. Nhưng cả hai cô đều không muốn dùng các tặng vật này cho mình và có ý định dâng chúng lên bậc Đạo sư để tỏ lòng tôn kính. Họ liền tâu vua cha:

– Tâu Phụ vương, chúng con muốn dâng gỗ trầm hương và chuỗi vàng này lên đấng Thập Lực (Dasabala).

⁷³ Tiêu đề của các phần nhỏ trong câu chuyện này dựa theo bản CST.

⁷⁴ Bản CST là Phussatī.

Vua cha thấp thuận việc này. Vì thế, công chúa chị nghiền bột gỗ trầm hương và đổ bột ấy vào một hộp bằng vàng. Còn công chúa em bảo lấy chuỗi vàng làm thành một vòng hoa che ngực và đặt vào một hộp bằng vàng. Sau đó, hai nàng cùng đi đến thảo am ẩn sĩ trong vườn nai, cô chị kính cẩn rải bột trầm hương lên kim thân của đấng Thập Lực và rắc phần bột còn lại trong hương phòng của Ngài cùng cầu nguyện:

– Bạch Ngài, trong thời vị lai, tiện nữ ước mong được làm mẹ một vị Phật như Ngài!

Công chúa em kính cẩn đặt lên kim thân của đấng Thập Lực vòng hoa che ngực được làm từ chuỗi vàng ấy và phát nguyện:

– Bạch Ngài, tiện nữ ước mong món trang sức này không rời thân mình cho đến ngày tiện nữ đắc Thánh quả (A-la-hán).

Và bậc Đạo sư đã ban các điều nguyện ước ấy. Sau khi mạng chung, cả hai nàng đều tái sinh lên thiên giới. Cô chị từ thiên giới đến thế giới loài người rồi trở lại thiên giới, sau chín mươi mốt kiếp, nàng đã trở thành Vương hậu Māyā, mẹ của đức Phật.

Còn cô em cũng tái sinh liên tiếp như vậy, vào thời đấng Thập Lực Kassapa (Ca-diếp), nàng trở thành con gái Vua Kikī, lúc mới sinh trên ngực đã có phức sức vòng hoa che ngực, dung sắc diễm lệ như tranh vẽ và được đặt tên là Uracchadā. Khi nàng lên mười sáu tuổi, nàng nghe lời thuyết pháp của bậc Đạo sư lúc tùy hỷ công đức cúng dường bữa cơm và đắc Sơ quả (Dự lưu); kể đến cha của nàng cũng nhờ nghe lời thuyết pháp lúc tùy hỷ sự cúng dường này mà đắc Sơ quả; trong cùng ngày đó nàng đắc A-la-hán rồi thọ giới xuất gia và nhập Niết-bàn Vô dư y.

Bấy giờ, Vua Kikī có bảy nàng công chúa nữa tên là Samaṇī, Samaṇā, Tỳ-kheo-ni Guttā, Bhikkhudāsikā, Dhammā, Sudhammā và nàng thứ bảy là Saṃghadāsī. Vào thời đức Phật Gotama xuất hiện bảy chị em này là Khemā, Uppalavaṇṇā, Paṭācārā, Gotamī, Dhammadinnā, Mahāmāyā và thứ bảy là Visākhā. Đây là các nữ đại đệ tử của Ngài.

Bấy giờ trong số này, nàng Phusatī chính là Sudhammā, chuyên làm thiện sự và bố thí. Và nhờ phước báu do cúng dâng gỗ trầm hương lên đức Phật Vipassī, thân nàng như được rải trầm hương thượng hạng. Sau đó, nàng tái sinh qua lại giữa thiên giới và nhân giới, cuối cùng nàng trở thành chánh hậu của Thiên chủ Sakka. Vào thời số phận của nàng ở đây đã mãn, năm tướng suy theo lệ thường hiện ra. Thiên chủ Sakka biết thọ mạng của nàng sắp tận nên tiến đưa nàng vô cùng trọng thể vào thiên lạc viên Nandana. Trong khi nàng ngự trên bảo tọa được trang hoàng long lẫy, ngài ngự bên cạnh nàng và bảo:

– Này Ái hậu Phusatī, trăm ban nàng mười điều ước, hãy chọn đi!

Cùng với những lời trên, ngài ngâm vãn kệ đầu trong *Chuyện Đại vương Vessantara* này với gần một ngàn bài kệ:

- 1655.** Phusatī, mỹ hậu huy hoàng,
Mười ước nguyện nay trăm tặng nàng,
Hãy chọn điều gì nàng nhận thấy,
Được nàng quý báu giữa trần gian!

Như vậy, nàng đã được an trú trên thiên giới theo lời thuyết giáo Đại vương Vessantara. Nhưng nàng không biết cảnh giới sắp tái sinh của mình nên nàng hốt hoảng ngâm vãn kệ thứ hai:

- 1656.** Vạn tuế Sakka, đấng Ngọc hoàng,
Tội gì thần thiếp lỡ tay làm,
Khiến ngài đầy thiếp xa thiên giới,
Như gió thổi cây nọ nát tan?

Thiên chủ nhận thấy vẻ thất vọng của nàng liền ngâm hai vãn kệ:

- 1657.** Nàng luôn được sủng ái từ xưa,
Tội lỗi nàng đâu có tạo ra,
Trăm bảo phước trời nàng đã tận,
Bây giờ đến lúc phải chia xa.
- 1658.** Tống biệt nàng nay đã đến thì,
Tử thân đang đến phút phân kỳ,
Trăm ban Ái hậu mười điều ước,
Lâm mạng chung thời, hãy chọn đi!

Nghe những lời Thiên chủ nói, nàng tin mình sắp phải tận số nên nàng chọn các ước nguyện này:

- 1659.** Thiên chủ Sakka, chúa chúng sanh,
Ban cho điều ước, thiếp tri ân,
Mong rằng thần thiếp đời sau sẽ,
Ở xứ Sivi được trú thân.
- 1660.** Đôi mắt huyền mơ tựa mắt nai,
Như nhung đen nháy, cặp mày ngài,
Phusatī ấy là tên thiếp,
Thánh thượng, thiếp mong ước nguyện này.
- 1661.** Thiếp mong có được một hoàng nam,
Vua chúa kiên oai, tiếng lẫy lừng,
Hòa nhã, nhân từ, tâm rộng lượng,
Sẵn sàng đáp ứng mọi cầu ân.
- 1662.** Trong khoảng thời gian thiếp có thai,
Ước mong giữ trọn tám hình hài,
Bụng, eo thon thả luôn kiều diễm,
Như thể cành cung uốn mảnh mai.

1663. Đê-thích, thiếp mong ngực gọi tình,
Xin không nhuộm bạc mái đầu xanh,
Tắm thân bồ liễu luôn hoàn hảo,
Mong cứu tù nhân thoát tử hình.

1664. Giữa tiếng hạc rền, không tước vang,
Cung tần, hầu cận đẹp vây quanh,
Thi nhân, ca sĩ đồng xưng tụng,
Magadha dân khen ngợi nàng.

1665. Khi gõ cửa hoa tiếng nhẹ nhàng,
Lời mời mỹ tửu, cao lương vang,
Tâu ngài, thiếp ước mong nơi ấy,
Thiếp được ở ngôi chánh hậu hoàng.

Thiên chủ Sakka đáp:

1666. Mười ước nguyện kia, hỡi nữ hoàng,
Phải biết rằng ta đã tặng nàng,
Mỹ nương đến xứ Sivi nọ,
Mười ước nguyện kia sẽ thập toàn.

1667. Phán vầy Chúa tể các thiên thần,
Phu tướng Sujā,⁷⁵ Đại đế vương,
Được gọi Vāsava mỹ hiệu,
Hân hoan ban nguyện ước cho nàng.

Chấm dứt phần *Kệ ngôn về mười điều ân huệ*.

II. CA TỤNG CẢNH TUYẾT SƠN

Khi đã chọn xong mười ước nguyện như vậy, nàng từ giã thiên giới và nhập vào mẫu thai hoàng hậu của vua xứ Madda. Lúc nàng ra đời, thân thể nàng tỏa mùi thơm như được rải phấn trầm hương nên nàng được đặt tên là Phusatī (được rải hương). Nàng lớn lên giữa đông đảo cung tần, cho đến năm mười sáu tuổi, dung sắc nàng vượt hẳn lên tất cả.

Lúc bấy giờ, Vương tử Sañjaya, con vua xứ Sivi, được phong vương với chiếc lọng trắng; công chúa này được phong làm chánh hậu đứng đầu mười sáu ngàn cung phi. Do vậy, có chuyện kể:

Nơi ấy qua đời, nàng tái sinh,
Lọng giương, họ rước Phusatī,
Về thành tên Jetuttara,
Cùng Sañjaya kết mối tình.

⁷⁵ *Sujampati*: Phu quân của nàng Sujā, một danh hiệu của Thiên chủ Sakka.

Vua Sañjaya vô cùng sủng ái nàng. Bấy giờ, Thiên chủ Sakka nhớ lại thấy chín điều ước nguyện ngài ban cho Phusatī đã trọn vẹn, ngài nghĩ thầm: “Chỉ còn một điều ước chưa trọn đó là một thiện nam tử. Ta sẽ ban nguyện ước này cho nàng.” Thời ấy, bậc Đại sĩ đang ở trên cõi trời Ba Mươi Ba và thọ mạng ngài đã tận, nhận thấy điều này, Thiên chủ đến gần ngài và bảo:

– Thưa Tôn giả, ngài phải sinh vào thế giới loài người, ngài phải nhập mẫu thai chánh hậu của vua xứ Sivi!

Cùng với những lời này, ngài yêu cầu bậc Đại sĩ chấp thuận và sáu mươi ngàn vị thiên tử cũng sắp được tái sinh, Thiên chủ trở về cung của ngài. Bậc Đại sĩ giáng trần và tái sinh tại đó, sáu mươi ngàn vị thiên tử tái sinh vào gia đình của sáu mươi ngàn triệu thần. Khi bậc Đại sĩ nhập mẫu thai, Hoàng hậu Phusatī biết mình đã có thai liền ước nguyện xây sáu bố thí đường, mỗi nhà ở một trong bốn cửa thành, một nhà ở giữa kinh thành và một nhà ở ngay cửa cung của nàng. Mỗi ngày nàng muốn đại thí, phát sáu trăm ngàn đồng tiền. Vua biết được việc làm ấy của nàng liền cho mời các vị Bà-la-môn xem tướng số đến hỏi ý, họ đáp:

– Tâu Đại vương, chánh hậu đang mang thai một bậc chuyên tâm bố thí, ngài sẽ không bao giờ thỏa mãn với việc bố thí cả.

Nghe vậy, vua hoan hỷ, lệnh cho xây sáu bố thí đường và thực hành hạnh bố thí như trên. Từ lúc Bồ-tát nhập mẫu thai, phước lộc của nhà vua có thể nói là vô cùng tận; nhờ lòng nhân từ của vua ảnh hưởng lan rộng khắp nơi, các quốc vương ở toàn cõi Diêm-phù-đề đều dâng ngài công vật.

Bấy giờ, lúc chánh hậu mang thai, nàng vẫn ở chung cùng các thị nữ hầu cận nàng. Sau mười tháng tròn, nàng muốn đi thăm kinh thành. Nàng tâu trình với vua, ngài truyền trang hoàng kinh thành như kinh thành chư thiên rồi đưa hoàng hậu ngự lên vương xa sang trọng và cử hành đám rước quanh kinh thành về phía hữu. Khi xe đến giữa khu phố Vessa (Vệ-xá, thương nhân), nàng thấy giờ lâm bồn chợt đến. Thị nữ liền trình vua và ngài truyền làm ngay một phòng bảo sinh tại đó và đưa nàng đến nơi, nàng liền sinh hạ một nam tử và vì thế có chuyện kể:

Trong lòng mười tháng mẹ mang con,
Đám rước ngày kia khắp phố phường,
Khi đến khu dân cư Vessa,
Vì con, mẫu hậu phải lâm bồn.

Bậc Đại sĩ từ lòng mẹ sinh ra không bị cấu uế, mở to mắt và một lát sau đưa tay cho mẹ, ngài nói:

– Thưa mẫu hậu, con muốn bố thí, có của cái gì cho họ không?

Bà mẹ đáp:

– Nay vương nhi, con hãy bố thí như ý!

Rồi bà đặt túi tiền một ngàn đồng vào bàn tay đang đưa tới của con.

Có ba lần bậc Đại sĩ nói ngay khi mới sinh ra, đó là trong *Chuyện đường hầm vĩ đại*,⁷⁶ trong câu chuyện này và trong đời cuối cùng của ngài.

Vào ngày lễ đặt tên, vì ngài sinh ra ở phố Vessa, ngài được đặt tên là Vessantara. Do đó có chuyện kể:

Tên ta chẳng phải mẹ đưa ra,
Cũng chẳng phát từ quý tộc cha,
Vì được sinh trên đường Vessa,
Nên tên ta gọi Vessantara.

Vào đúng ngày ngài ra đời, một con voi cái từ trên không trung mang một voi con toàn thân màu trắng được xem là có điềm lành vào chuồng voi của nhà vua và đặt con vào đó. Vì con voi này ra đời đáp ứng nhu cầu của bậc Đại sĩ, nó được đặt tên là Paccaya (phương tiện). Cũng trong ngày này, sáu mươi ngàn hài nhi cũng được sinh ra tại nhà của các vị triều thần.

Vua cha ban cho ngài sáu mươi bốn nhũ mẫu không quá cao cũng không quá thấp, không bệnh tật gì và có bầu ngực căng đầy sữa ngọt. Ngài cũng ban cho sáu mươi ngàn hài nhi kia mỗi hài nhi một nhũ mẫu. Vương tử lớn lên giữa đám sáu mươi ngàn ấu nhi vây quanh mình. Vua cha truyền làm cho vương tử một chiếc vòng đeo cổ trị giá một trăm ngàn đồng tiền. Nhưng khi vừa lên bốn lên năm, ngài đã đem nó cho các nhũ mẫu và khi họ muốn đưa trả nó lại, ngài không muốn nhận. Họ tâu trình vua, ngài phán:

– Vật gì vương tử đã ban đều xứng đáng được ban cả dù đó là tặng vật dành cho một vị Bà-la-môn.

Và vua truyền làm chiếc vòng cổ khác. Nhưng trong thời thơ ấu, vương tử vẫn đem vòng ấy cho các nhũ mẫu cả đến chín lần như vậy.

Khi lên tám, ngài đi vào hoàng cung, trong lúc ngồi trên vương sàng, vương tử suy nghĩ: “Tất cả các vật ta cho đều có từ bên ngoài. Điều này không làm ta hài lòng. Ta muốn cho cái gì của chính thân ta. Nếu có người xin đầu ta, ta sẽ cắt đầu cho. Nếu ai xin quả tim ta, ta sẽ cắt lòng ngực và xé tim ra cho. Nếu ai xin đôi mắt, ta sẽ móc mắt ra cho. Nếu ai xin thịt, ta sẽ lóc hết thịt trên thân ta và cho họ. Nếu ai xin máu ta, ta sẽ lấy máu mà cho. Hoặc có ai nói: ‘Mong kẻ tội tớ là của tôi’, ta sẽ tuyên bố làm kẻ tội tớ cho họ.” Ngài suy nghĩ như vậy với tất cả tâm hồn lẫn thể xác mình. Khi ngài đang suy nghĩ chân thành như vậy thì quả đất sâu hai trăm bốn mươi ngàn do-tuần này rung động âm âm như một con voi khổng lồ điên loạn. Ngọn núi Sineru, chúa tể núi non, cúi rạp xuống như một mục mẫn trúc bị nấu sôi trong dòng nước nóng rồi đứng nghiêng mình về phía kinh thành Jetuttara. Giữa lúc quả đất rung động, bầu trời sấm sét vang dội

⁷⁶ Xem J. VI. 330, *Mahāummaggajātaka* (*Chuyện đường hầm vĩ đại*). Chuyện này trong bản PTS là số 546. Bản Tích Lan viết *Ummaggajātaka*, số 546. Bản CST viết *Umaṅgajātaka*, số 542. Bản Thái Lan và Campuchia viết *Mahosadhajātaka*, số 542.

và đổ mưa, tia chớp sáng lòe, đại dương sôi sục lên. Thiên chủ Sakka vỗ tay, Đại Phạm thiên tán đồng, toàn thể chấn động lên đến Phạm thiên giới. Vì thế, có chuyện kể:

Khi ta còn trẻ, tuổi còn thơ,
Chỉ khoảng chừng lên tám tuổi dư,
Ta thượng vương tòa trong nội điện,
Nhân từ bố thí vẫn suy tư,
Nếu người nào đến hỏi xin cho,
Máu, thịt, tim và con mắt ta,
Ta sẽ cho thân, tim, máu, mắt,
Sẵn sàng ta cất tiếng kêu to.
Trong khi ta nghĩ ngợi trầm ngâm,
Như vậy cùng toàn thể bản thân,
Quả đất vững bền kia rung động,
Chuyển cùng Sineru sơn lâm.

Vào năm mười sáu tuổi, Bồ-tát đã tinh thông mọi môn học thuật. Lúc ấy, phụ vương muốn cho ngài lên ngôi liền hỏi ý kiến hoàng hậu. Từ hoàng gia Madda tiên dâng Công chúa Maddī, em họ ngoại của ngài cùng mười sáu ngàn thị nữ. Vua phong nàng làm chánh hậu và cử hành lễ Quán đảnh phong vương cho ngài. Từ lúc lên ngôi, ngài vẫn thực hành đại bố thí, mỗi ngày phân phát sáu trăm ngàn đồng tiền. Sau đó, Chánh hậu Maddī sinh một vương tử, được đặt vào một chiếc vồng bằng vàng vì thế vương tộc đặt tên là Vương tử Jāli. Vào thời vương tử chập chững biết đi, chánh hậu lại sinh một công chúa, được đặt vào một tấm da đen nên họ gọi tên cô là Kanhājina. Mỗi tháng, bậc Đại sĩ ngự đến sáu bố thí đường sáu lần trên con voi lông lấy của ngài.

Lúc bấy giờ, ở quốc độ Kālīnga có hạn hán, lúa không mọc được, nạn đói tràn lan, dân chúng không sống nổi sinh ra trộm cướp. Bị con túng quẫn bức bách, dân chúng tụ tập trước sân châu và phỉ báng vua. Nghe vậy, vua hỏi:

– Có chuyện gì vậy các con?

Họ trình vua, ngài đáp:

– Được rồi, các con. Ta sẽ làm mưa xuống.

Rồi vua bảo họ ra về. Ngài phát nguyện sống đức hạnh và giữ ngày trai giới (*Upasatha*) nhưng vẫn không thể làm mưa xuống. Vì vậy, vua triệu tập dân chúng lại và bảo họ:

– Ta đã phát nguyện sống đức hạnh và giữ bảy ngày trai giới, tuy nhiên vẫn không làm mưa rơi. Vậy phải làm gì bây giờ?

Họ đáp:

– Tâu Chúa thượng, nếu ngài không thể làm mưa rơi thì có Đại vương Vessantara ở kinh thành Jetuttara, thái tử của Vua Sañjaya, chuyên tâm bố thí.

Ngài ấy có một vương tượng toàn trắng. Hễ nơi nào ngài ngự đến, mưa liền rơi xuống. Chúa thượng hãy phái các Bà-la-môn đến xin con voi ấy và đem nó về đây.

Vua chấp thuận, triệu các vị Bà-la-môn đến, chọn tám người trong số đó, ban lương thực cho họ đi đường và bảo:

– Các khanh hãy đi tìm voi báu của Vua Vessantara!

Họ đi dần đến đến thành Jetuttara, tại bố thí đường, họ được tiếp đãi ân cần. Rồi rảy bụi bặm và phết bùn dơ khắp thân mình, vào ngày trăng rằm, họ đi xin voi báu của vua và đến bố thí đường của vua tại cổng phía Đông. Từ sáng sớm, vua định đi đến bố thí đường nên đã tắm rửa bằng mười sáu bình nước hoa thơm và dùng điểm tâm đủ loại thượng vị rồi ngự lên lưng bảo tượng được trang hoàng rực rỡ tiến về cổng phía Đông. Các Bà-la-môn không tìm được cơ hội ở đó liền đi về cổng phía Nam, đứng trên một mô đất cao nhìn vua bố thí ở cổng phía Đông. Khi ngài đến cổng phía Nam, họ đưa tay ra và tung hô ba lần:

– Đại vương Vessantara vạn tuế!

Khi thấy các Bà-la-môn, bậc Đại sĩ thúc voi về phía họ đứng và ngâm vãn kệ:

1668. Các đạo sĩ lông tóc rậm này,
Răng dơ, phủ bụi trên đầu đầy,
Cớ sao giờ các cánh tay phải,
Có ước mong gì ở trăm đây?

Các Bà-la-môn đáp:

1669. Bảo vật chúng thần vẫn khát khao,
Bậc hưng thịnh Sivi, muôn tau!
Con voi tối thượng xin ban tặng,
Ngà trắng to như cày gong xa.

Bậc Đại sĩ nghe vậy, nghĩ thầm: “Ta đang muốn bố thí bất cứ vật gì của chính ta từ đầu trở xuống, thế mà họ đòi một vật ở ngoài thân ta. Thôi ta sẽ cho họ thỏa nguyện.” Và từ lưng voi, ngài ngâm vãn kệ thứ ba:

1670. Bố thí, ta không hề chối từ,
Vật kia đạo sĩ muốn ta cho,
Cao sang bảo vật phò vua ngự,
Dững mãnh con voi có bộ ngà.

Và ngài chấp thuận.

1671. Xả thí tâm cao cả tuyệt vời,
Sivi chúa thượng xuống lưng voi,
Đức vua bố thí, lòng hoan hỷ,
Ban tặng La-môn vật họ đòi.

Các vật trang hoàng bốn chân voi trị giá bốn trăm ngàn đồng, các vật hai bên hông trị giá hai trăm ngàn, tám vải che dưới bụng trị giá một trăm ngàn,

trên lưng là những tấm lưới đầy ngọc vàng, châu báu, ba tấm mạng trị giá ba trăm ngàn, hai tấm trên hai lỗ tai trị giá hai trăm ngàn, trên lưng có tấm thảm trị giá một trăm ngàn, các món trang hoàng trên mắt trị giá một trăm ngàn, ba tấm phủ đầu trị giá ba trăm ngàn, các vật nhỏ trang hoàng lỗ tai trị giá hai trăm ngàn, các vật trang hoàng đôi ngà trị giá hai trăm ngàn, các món trang hoàng biểu hiện điềm lành trên vòi trị giá một trăm ngàn, bảo vật trang trí nơi đuôi trị giá một trăm ngàn, bàn đạp bước lên trị giá một trăm ngàn, máng thức ăn trị giá một trăm ngàn, ngoài ra còn các món trang hoàng quý báu đặt trên thân trị giá hai trăm hai mươi vạn đồng; tất cả trị giá nhiều như vậy, không dưới hai trăm bốn mươi vạn đồng.

Hơn nữa, các châu ngọc lớn trên lưng, trên vòng đội đầu, trên chuỗi đeo cổ, châu báu trong chiếc gậy thúc, châu báu trong chiếc vòng quanh cổ, châu báu trên mắt voi, tất cả sáu món này đều vô giá, con voi cũng vô giá, hợp lại thành thất bảo vô giá. Tất cả các vật này, ngài đều bố thí cho các Bà-la-môn. Ngoài ra còn có năm trăm quân hầu cùng nhiều quần tượng và người quét chuồng voi. Một cuộc tài thí lớn như vậy khiến quả đất rung động cùng với các điềm hy hữu như đã kể trên.

Để diễn tả việc này, bậc Đạo sư ngâm kệ:

- 1672.** Lúc ấy khắp nơi thật hãi hùng,
Người người cảm thấy rợn da lông,
Khi ngài bố thí con voi báu,
Quả đất kinh hoàng phải chuyển rung.⁷⁷
- 1673.** Lúc ấy khắp nơi thật hãi hùng,
Người người cảm thấy rợn da lông,
Khi ngài bố thí con voi báu,
Tất cả kinh thành bị rối tung.
- 1674.** Tiếng kêu gào thét thật kinh hoàng,
Toàn thể kinh thành bỗng dậy vang,
Chúa tể Sivi nuôi đất nước,
Ngài đem thí cả tượng vương luôn.

Chuyện kể rằng các Bà-la-môn ở cổng phía Nam nhận được voi báu xong liền cưỡi voi chen lấn trong đám người đông đúc đi qua giữa kinh thành. Đám dân chúng nhìn thấy họ liền la lớn:

– Này các Bà-la-môn ngất ngưỡng trên lưng voi, tại sao các ông lấy voi của nước ta?

⁷⁷ Xem câu kệ 1807, 2119, 2280 trong câu chuyện này; D. II, 72, *Mahāparinibbānasutta* (Kinh Đại Bát-niết-bàn), số 16; S. I. 157, *Parinibbānasutta* (Kinh Bát-niết-bàn); Thag. v. 1018, *Ānandattheragāthā* (Kệ ngôn của Trưởng lão Ānanda).

Bọn họ đáp:

– Đại vương Vessantara đã ban voi cho chúng ta. Còn các người là ai?

Bộ điều họ hồng hách với quần chúng như vậy, rồi họ băng qua kinh thành và ra khỏi cổng phía Bắc nhờ sự hỗ trợ của chư thần. Dân chúng kinh thành tụ tập tại cung môn, phần nộ với Bồ-tát, cất tiếng trách móc âm ỉ. Do đó, có chuyện kể rằng:

Tiếng kêu gào thét thật kinh hoàng,
Toàn thể kinh thành bỗng dậy vang,
Chúa tể Sivi nuôi đất nước,
Ngài đem thí cả tượng vương luôn.
Tiếng thét lớn kia cứ vọng vang,
Tai nghe như vậy thật kinh hoàng,
Khi vua bố thí con voi báu,
Dân chúng kinh thành thấy rối tung.
Tiếng thét lớn kia cứ vọng vang,
Tai nghe thật khủng khiếp bàng hoàng,
Sivi chúa thượng nuôi dân chúng,
Đem bố thí luôn đại tượng vương.

Tất cả dân chúng kinh thành rung động trong lòng vì đại sự bố thí này liền đến trình vua cha. Do đó, có chuyện kể rằng:

- 1675.** Các vương tử với các con quan,
Cùng các thương nhân, Bà-la-môn,
Các kỵ mã và nhiều quân tượng,
Lại thêm các bộ binh, điều xa.
- 1676.** Hết thấy người dân ở thị thành,
Và toàn xứ sở tụ vào nhanh,
Nhìn vương tượng bị dẫn đi mất,
Họ yết kiến vua để tâu trình.
- 1677.** “Quốc độ tàn rồi, tấu đức vua!
Sao con ngài Vessantara,
Nỡ đem thí tượng chúng ta quý,
Bảo tượng mà dân chúng kính yêu?
- 1678.** Sao nữ đem cho vương tượng đi?
Tượng to ngà lớn như cày xe,
Toàn thân màu trắng thật ưu tú,
Trên mọi đấu trường thắng thế ngay.
- 1679.** Thân tượng được choàng tấm sắc cam
Cao to, giẫm nát kẻ địch quân,

Cặp ngà điểm quạt lông bò mìn,
Trắng tuyết tựa Kelāsa sơn.

- 1680.** Có che lọng trắng, có yên êm,
Có quân tượng, người chăm sóc thêm,
Phương tiện tối cao Bệ hạ ngự,
Lại mang tặng các Bà-la-môn.”

Sau đó, dân chúng còn nói thêm:

- 1681.** Chỉ cần ban thức uống, đồ ăn,
Y phục và nơi chốn trú thân,
Như vậy là dâng tặng thích hợp,
Là xứng đáng cho Bà-la-môn.
- 1682.** Vị này là dòng dõi nhà vua,
Là vị làm hưng thịnh quốc gia,
Vậy lý nào Vessantara,
Lại ban tặng tượng ấy, tâu vua?
- 1683.** Nếu như ngài chẳng muốn làm gì,
Theo những lời từ dân Sivi,
Thì đức vua cùng thái tử ấy,
Bị toàn dân chống đối ngay đây!

Nghe vậy, vua cha nghi ngờ họ muốn giết Vessantara nên ngài phán:

- 1684.** Cho dù dân chúng không còn chi,
Hay quốc độ này bị mất đi,
Ta chẳng tự đày con khỏi xứ,
Theo lời của chúng dân Sivi,
Bởi vì thái tử chẳng hư đồn,
Chàng đúng là dòng chính thống này.
- 1685.** Cho dù dân chúng không còn chi,
Hay quốc độ này bị mất đi,
Ta chẳng tự đày con khỏi xứ,
Theo lời của chúng dân Sivi,
Bởi vì thái tử chẳng hư đồn,
Chàng đúng là con của trẫm đây.
- 1686.** Ta quyết không làm gì hại con,
Bởi chàng có giới đức thanh trong,
Việc này đối với ta ô nhục,
Có rất nhiều điều ác tạo cùng,
Làm thế nào ta cầm kiếm ấy,
Giết đi Vessantara vương?

Dân chúng Sivi đáp:

- 1687.** Ngài đừng dùng kiếm, trượng hành hình,
Cũng chẳng đáng giam vào ngục chi,
Đày ải vị này ra khỏi xứ,
Sống nơi ngọn núi Vamka đi!

Vua phán:

- 1688.** Nếu đây ý nguyện dân Sivi,
Trẫm sẽ không sao bỏ nguyện gì,
Hãy để chàng vui sống một tối,
Hưởng thêm dục lạc cõi trần này.
- 1689.** Liên sau khi mãn tối đêm nay,
Và ánh bình minh rạng buổi mai,
Toàn thể dân Sivi tập hợp,
Rồi đày thái tử xa quê ngay!

Dân chúng đồng ý lời vua đề nghị chỉ một đêm thôi. Sau đó, vua bảo họ lui về và nghĩ đến việc gửi thông điệp cho con. Ngài giao trọng trách cho một sứ giả, người này liền đi đến cung của Thái tử Vessantara và trình mọi việc đã xảy ra.

Bậc Đạo sư diễn tả việc ấy rằng:

- 1690.** Hỡi sứ giả! Người hãy vội đi,
Gặp Vessantara vương nhi
Tâu rằng người Sivi căm phẫn,
Các thị dân đang tập hợp đây.
- 1691.** Các vương tử với các con quan,
Cùng các thương nhân, Bà-la-môn,
Các kỵ mã và nhiều quân tượng,
Lại thêm các bộ binh, điều xa,
Và dân Sivi toàn thành phố,
Họ đã cùng nhau tập hợp đông.
- 1692.** Từ sau khi mãn tối đêm nay,
Và ánh bình minh rạng buổi mai,
Toàn thể dân Sivi tập hợp,
Rồi đày thái tử xa quê ngay!
- 1693.** Sứ giả này theo lệnh đức vua,
Vội vàng đem sứ mạng đi ra,
Thoa đàn hương bột, áo y đẹp,
Tô điểm ngọc ngà nơi cánh tay.

1694. Sứ giả gọi đầu bằng nước xong,
Tai trang sức ngọc ma-ni vòng,
Người lên đường đến thành xinh đẹp,
Và đến Vessantara cung.
1695. Sứ giả ngấm vương tử lạc an,
Tại đây, ngài ngự riêng kinh thành,
Quần thần hầu hạ quanh đông đúc,
Tương tự Thiên chủ Tam Thập Tam.
1696. Sứ giả đến nơi ấy vội vàng,
Tâu Vương tử Vessantara,
“Đức vua! Ngài có tin buồn khổ,
Xin chớ phiền sân với hạ thần!”
1697. Sứ giả bèn thi lễ, khóc thương,
Thưa trình cung kính đấng quân vương:
“Với thần, Bệ hạ chính là chủ,
Ban tặng dục trần mọi vị hương.
1698. Thần tâu Thái tử tin buồn đau,
Xin hãy bình tâm nghe việc sau,
Thái tử! Người Sivi phẫn nộ,
Thị dân đang tập hợp cùng nhau.
1699. Các vương tử với các con quan,
Cùng các thương nhân, Bà-la-môn,
Các kỵ mã và nhiều quân tượng,
Lại thêm các bộ binh, điều xa,
Và dân Sivi toàn thành phố,
Họ đã cùng nhau tập hợp đông.
1700. Từ sau khi mãn tối đêm nay,
Và ánh bình minh rạng buổi mai,
Toàn thể dân Sivi tập hợp,
Rồi đầy thái tử xa quê ngay!”

Bậc Đại sĩ nói:

1701. Dân Sivi giận ta điều gì?
Ta thấy mình không phạm lỗi chi,
Sứ giả hãy tâu cho trẫm rõ,
Vì sao họ muốn đầy ta đi?

Sứ giả đáp:

1702. Các vương tử với các con quan,
Cùng các thương nhân, Bà-la-môn

Các kỵ mã và nhiều quân tượng,
Lại thêm các bộ binh, điều xa,
Họ căm phẫn việc đem voi tặng,
Vì thế họ đòi trục xuất vương.

Nghe vậy, bậc Đại sĩ đầy hân hoan đáp:

1703. Ta có thể cho cả mắt, tim,
Sá chi của ở ngoài thân kia,
Dẫu là kho báu, vàng ròng quý,
Hay ngọc trai, lam ngọc, ma-ni!

1704. Nếu có người nào đến hỏi ta,
Ta cho luôn cả tứ chi mà,
Lòng không chút ngập ngừng gì cả,
Tâm ý ta hoan hỷ phát ban!

1705. Nếu muốn, toàn dân chúng Sivi,
Cứ đày, cứ giết hại ta đi,
Hoặc mang thân trầm chặt làm bầy,
Trầm cũng không dừng bố thí này!

Khi nghe vậy, sứ giả lại nói lên thông điệp không phải của vua cha hay của thần dân mà chính là ý riêng của mình:

1706. Thị dân Sivi hội bàn rằng:
“Vị đức hạnh này hãy khởi hành,
Đến cạnh dòng Kontimārā,
Sông bên núi Ārañjara,
Là nơi các kẻ lưu đày ấy,
Bị trục khỏi quê đến ở quanh.”

Tương truyền, ông nói điều này theo sự tác động của một vị thần. Nghe vậy, Bồ-tát đáp:

– Được, ta sẽ đi theo con đường mà những kẻ phạm tội phải đi. Nhưng dân chúng không đuổi ta vì một tội nào cả mà họ đuổi ta vì sự bố thí voi báu. Do vậy, ta muốn làm lễ Đại bố thí bảy trăm món nữa và ta xin dân chúng gia hạn cho ta một ngày vì việc ấy. Ngày mai ta sẽ bố thí và ngày kế ta sẽ đi.

1707. Vậy ta sẽ chọn đi đường ấy,
Như những kẻ hay làm trái sai,
Nhưng hãy cho ta đêm tối nữa,
Đến khi ta bố thí xong ngay.

Vị sứ giả đáp:

– Tâu vâng, thần sẽ trình việc này với dân chúng.

Khi người ấy đi rồi, bậc Đại sĩ triệu một tùy tướng của ngài đến và bảo:

– Ngày mai ta sẽ làm lễ gọi là lễ Đại bố thí bảy trăm món. Khanh hãy sắp đặt sẵn sàng bảy trăm voi, bảy trăm ngựa, bảy trăm xe, bảy trăm con gái, bảy trăm bò cái, bảy trăm nô tỳ gái, bảy trăm nô tỳ trai và đủ mọi thức ăn uống ngay cả rượu nồng, đủ mọi vật xứng đáng đem bố thí.

Như vậy, sau khi đã chuẩn bị lễ Đại bố thí bảy trăm món, ngài bảo quần thần lui về rồi một mình ngài đi đến cung thất Vương hậu Maddī, tại đó trong lúc ngồi trên vương tọa, ngài tiếp tục nói chuyện với nàng.

Bậc Đạo sư diễn tả việc ấy như sau:

1708. Đức vua bèn phán bảo Maddī
Vương hậu tuyệt xinh, đáng mỹ miều:

“Những thứ gì ta đã tặng hậu,
Các tài sản và lúa gạo còn kia.

1709. Nào là kho báu hoặc nhiều vàng,
Nào ngọc trai hay là ngọc lam,
Cả của hồi môn cha đã tặng,
Hãy tìm cách cất hết đi nàng!”

1710. Rồi Maddī công chúa tuyệt trần,
Tâu trình đến đại vương lời rằng:
“Nơi nào thiếp sẽ cất tài sản?
Bệ hạ chỉ cho thiếp rõ ràng!”

Vua Vessantara đáp:

1711. Của cải này nàng đem cúng dâng,
Đến người giới đức xứng công hành,
Bởi vì đối với mọi sanh chúng,
Chẳng hộ trì nào hơn cúng dâng.

Nàng chấp thuận và ngài còn khuyên giáo nàng thêm theo hướng này:

1712. Maddī hãy quý yêu thương con,
Luôn cả cha và mẹ của chồng,
Với kẻ định là chồng sắp tới,
Nàng tôn kính phục vụ cho tròn.

1713. Nếu chẳng có ai theo cưới nàng,
Khi ta đã khuất bóng trên đường,
Hãy tìm chồng khác cho nàng nữa,
Đừng bởi vắng ta nàng úa tàn.

Lúc ấy, Maddī nghĩ thầm: “Ta tự hỏi tại sao Vessantara lại nói một điều như vậy với ta.” Và nàng hỏi ngài:

– Tâu Chúa thượng, tại sao ngài nói với thần thiếp những điều không nên nói?

Bậc Đại sĩ đáp:

– Này Vương hậu, dân chúng Sivi phần nộ vì ta đã bỏ thí con voi báu nên muốn đuổi ta ra khỏi đất nước. Vậy ngày mai ta sẽ làm lễ Đại bố thí bảy trăm món và ngày kế đó ta sẽ rời khỏi kinh thành.

Và ngài ngâm kệ:

1714. Ta phải đi vào một cánh rừng,
Có đàn thú dữ vây kinh hoàng,
Một mình ta giữa rừng to lớn,
Không biết ta còn sống được chăng?
1715. Nàng Maddī công chúa tuyệt trần,
Tâu trình đến đại vương lời rằng:
“Sao ngài lại nói lời vô lý?
Ngài đã nói lời thật bạo tàn!
1716. Việc ngài cất bước một mình đi,
Bệ hạ, điều này không đúng chi!
Bất cứ nơi nào chàng phải đến,
Thiếp đây cũng sẽ nguyện theo y.
1717. Nếu được cùng ngài mà chết chung,
Hoặc là sống cách xa nghìn trùng,
Thà cho thiếp chọn chết chung ấy,
Hơn phải xa ngài được sống còn.
1718. Lửa kia đã được thắp lên rồi,
Đến lúc lửa bùng cháy rực thôi,
Thà thiếp chết trong ngọn lửa đỏ,
Hơn xa ngài phải sống đơn côi.
1719. Như phía sau voi đực có ngà,
Là voi cái bước trong rừng già,
Lang thang qua núi khe nguy hiểm,
Giữa dốc gồ ghề lẫn đất bằng.
1720. Cứ như vậy thiếp sẽ theo hầu,
Và cũng mang con đi phía sau,
Thiếp sẽ dễ nuôi, chàng khỏi ngại,
Sẽ không khó chuyện uống ăn đâu!”

Sau những lời này, nàng bắt đầu ca tụng miền Tuyết Sơn như thể nàng đã từng thấy cảnh ấy:

1721. Khi ngài thấy các con xinh ngoan,
Nghe chúng chuyện trò tíu tít vang,
Trong cụm rừng xanh ngồi thích thú,
Ngài không nhớ thuở đã làm vương.

1722. Khi ngài thấy các con xinh ngoan,
Nghe chúng chuyện trò tíu tít vang,
Trong cụm rừng đùa vui chạy nhảy,
Ngài không nhớ thuở đã làm vương.
1723. Khi ngài thấy các con xinh ngoan,
Nghe chúng chuyện trò tíu tít vang,
Trong chỗ ẩn cư thật tuyệt đẹp,
Ngài không nhớ thuở đã làm vương.
1724. Khi ngài thấy các con xinh ngoan,
Nghe chúng chuyện trò tíu tít vang,
Đùa giỡn tại nơi ẩn dật đẹp,
Ngài không nhớ thuở đã làm vương.
1725. Khi thấy các con được điểm trang,
Kết hoa xinh xắn mang từng tràng,
Ở nơi ẩn dật đẹp tươi ấy,
Ngài chẳng nhớ thời làm đại vương.
1726. Khi thấy các con được điểm trang,
Kết hoa xinh xắn mang từng tràng,
Đùa chơi ở chốn ẩn cư đẹp,
Ngài chẳng nhớ thời làm đại vương.
1727. Khi thấy các con nhảy múa vui,
Vai mang, đầu đội tràng hoa tươi,
Ở nơi ẩn dật đẹp tươi ấy,
Ngài chẳng nhớ thời làm đức vua.
1728. Khi thấy các con nhảy múa vui,
Vai mang, đầu đội tràng hoa tươi,
Đùa chơi ở chốn ẩn cư đẹp,
Ngài chẳng nhớ thời làm đức vua.
1729. Khi ngài trông thấy một con voi,
Voi cỡ tuổi chừng sáu chục thôi,
Đang bước đi trong rừng rậm ấy,
Ngài không nhớ thuở làm vua rồi.
1730. Khi ngài trông thấy một con voi,
Voi cỡ tuổi chừng sáu chục thôi,
Phiêu bạt lang thang chiều sáng ấy,
Ngài không nhớ thuở làm vua rồi.
1731. Khi ngài trông thấy một con voi,
Voi cỡ tuổi chừng sáu chục thôi,

- Đi trước đàn voi cái lũ lượt,
 Nó kêu tiếng rống thét vang to,
 Ngài nghe tiếng rống của voi ấy,
 Sẽ chẳng nhớ thời làm đức vua.
1732. Khi thấy rừng hai bên mở rộng,
 Có đầy đủ mọi thứ mình mong,
 Trong rừng nhiều thú hoang phong phú,
 Ngài sẽ quên thời làm đại vương.
1733. Có cả hươu nai vào buổi chiều,
 Đến sông Pañcamālina,
 Lại thêm nhân điều đang vui múa,
 Chẳng sẽ quên thời vua giữa triều.
1734. Khi nghe thấy tiếng reo lao xao,
 Từ khúc sông kia vỗ rạt rào,
 Và biết bao nhân điều hát nữa,
 Ngài không nhớ thuở mặc hoàng bào.
1735. Khi nghe tiếng cú hú xa vang,
 Từ tận khe núi, vách đá, hang,
 Giữa những âm thanh vang vọng ấy,
 Ngài không nhớ thuở vua, ngài vàng.
1736. Khi nghe gầm rú thú rừng hoang,
 Nào cọp, nào sư tử chúa lâm,
 Nào các bò rừng, tê giác lớn,
 Ngài không nhớ thuở vua, ngài vàng.
1737. Thấy chim công trống trên non cao,
 Đang múa xòe đuôi rực rỡ màu,
 Đứng giữa bầy chim công mái ấy,
 Ngài quên một thuở đã làm vua.
1738. Thấy chim công trống noãn sanh kia,
 Đang múa xòe đôi cánh đẹp xinh,
 Đứng giữa bầy chim công mái ấy,
 Ngài quên quyền tối cao triều đình.
1739. Trong lúc thấy chim công trống kia,
 Cổ chim xanh thắm và mào xinh,
 Đang vui múa giữa bầy công mái,
 Ngài quên quyền tối cao triều đình.
1740. Khi ngắm các cây đơm trổ hoa,
 Tỏa hương ngào ngạt nhẹ đưa xa,

Giữa mùa đông đến nơi rừng núi,
Ngài sẽ quên thời làm đức vua.

1741. Khi thấy đất màu mỡ phủ xanh,
Các côn trùng, bọ cánh đỏ chung quanh,
Giữa mùa đông đến nơi rừng núi,
Ngài sẽ quên thời vua rạng danh.

1742. Khi ngắm các cây đơm trổ hoa,
Trắng mai chiếu thủy, đỏ tần bà,
Cây chè dung rợp bông ngà tím,
Hương tỏa ngọt ngào, thoảng nhẹ đưa,
Trong lúc mùa đông đang đến ấy,
Ngài quên một thuở đã làm vua.

1743. Khi thấy khu rừng rợp sắc hoa,
Rồi hoa kia rũ, lộc xanh ra,
Trong vòng tháng lập đông băng giá,
Ngài sẽ quên thời làm đức vua.

Như vậy, Maddī đã ca tụng vùng Tuyết Sơn qua các vần kệ này như thể nàng đang sống ở đó.

Chấm dứt *Lời ca tụng cảnh Tuyết Sơn*.

III. CHUYỆN BỐ THÍ

Lúc bấy giờ, Thái hậu Phusatī suy nghĩ: “Một bản án nặng nề đã áp đặt lên vai vương nhi. Con ta sẽ làm gì đây? Ta muốn đi xem sao.” Bà liền ngự lên một chiếc xe được phủ kín, khi bà dừng trước cửa cung thất của con bà, bà nghe lọt câu chuyện ấy và bật tiếng than khóc thảm thiết.

Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả việc này:

1744. Khi nghe vương tử và vương phi,
Hai vị đang tâm sự hàn huyên,
Công chúa Phusa danh tiếng ấy,
Bật lên tiếng khóc lóc sầu bi.

1745. “Sao họ đày Vessantara?
Con ta chẳng phạm lỗi lầm nào,
Ta thà dùng độc được mà chết,
Hay nhảy lao từ dốc núi cao,
Hoặc thắt dây thòng lọng tự tử,
Điều này sẽ tốt hơn cho ta!

1746. Sao họ đày Vessantara?
Con ta chẳng phạm lỗi lầm nào,

Tuệ thông, lại hết lòng dâng thí,
 Không bòn xén mà cứ phát ban,
 Được các địch vương đều kính phục,
 Vang danh tiếng tốt khắp gần xa.

- 1747.** Sao họ đầy Vessantara?
 Con ta chẳng phạm lỗi lầm nào,
 Chăm lo phụ mẫu luôn chu đáo,
 Kính trọng hoàng thân trưởng lão cao.
- 1748.** Vì lợi ích cho phụ mẫu vương,
 Cùng bà con quyến thuộc thân bằng,
 Vì quê hương, tất cả dân chúng,
 Vô tội sao đầy khỏi nước non?”

Sau lời khóc than bi thảm này, bà an ủi vương nhi và vương hậu, sau đó bà yết kiến nhà vua và tâu:

- 1749.** Giống các tổ ong bị bỏ đi,
 Như xoài rơi xuống đất ngoài kia,
 Quê hương rồi cũng sẽ như vậy,
 Khi khiến người vô tội bị đầy!
- 1750.** Tương tự thiên nga cánh gãy ngang,
 Ở nơi hồ nhỏ nước khô cạn,
 Khi quần thần bỏ rơi, xa cách,
 Ngài sẽ một mình gặp khó khăn.
- 1751.** Đại vương, thiếp tâu mọi điều rồi,
 Đừng để phúc của ngài vượt trôi,
 Đừng có theo lời dân Sivi,
 Đầy con vô tội phải chia phôi!

Nghe vậy, vua đáp:

- 1752.** Ta tôn quân pháp ấy mà tuân,
 So với mạng ta, pháp quý hơn,
 Ta đã lệnh đầy con thế đó,
 Đánh bỏ ngọn cỏ của chúng dân!

Nghe lời này, thái hậu lại khóc than:

- 1753.** Xưa các ngọn cỏ kia của con,
 Tựa muông hoàng yến trở đầy bông,
 Con đi cò cũng theo lòng lộng,
 Nay lại một mình bước lạnh lòng!
- 1754.** Xưa kia nhiều ngọn cỏ bên con,
 Tương tự muông hoàng yến cả rừng,

- Con bước các cò theo phát phối,
Nay con đi chỉ trong cô đơn!
- 1755.** Xưa các đoàn binh chũng của con,
Tựa muông hoàng yển trở đầy bông,
Con đi họ cũng theo đông đúc,
Nay lại một mình bước lạnh lòng!
- 1756.** Xưa nhiều binh chũng thuộc về con,
Tương tự muông hoàng yển cả rừng,
Con bước đoàn binh theo tất cả,
Nay con đi chỉ trong cô đơn!
- 1757.** Xưa khoác hoàng bào Gandhāra,
Sắc vàng cam óng ánh huy hoàng,
Con đi họ cũng theo đông đúc,
Nay lại một mình bước chốn xa!
- 1758.** Ngày xưa con ngự trên voi riêng,
Lại có vương xa hoặc kiệu khiêng,
Nay đức Vua Vessantara,
Bộ hành tiến bước thế nào đây?
- 1759.** Ngày xưa con được tắm chiên-đàn,
Được đánh thức bằng ca múa vang,
Nay khoác tấm da dê cứng nhám,
Lại mang giỏ, gậy, thế sao làm?
- 1760.** Sao không dâng chiếc hoàng y nào,
Chẳng có da hươu quý bởi sao?
Con bước vào khu rừng rộng lớn,
Không mang y vỏ cây vì sao?
- 1761.** Đức vua đang bị trục đi này,
Làm cách nào dùng y vỏ cây?
Rồi thế nào Công chúa Maddī,
Khoác y bằng cỏ cát tường đây?
- 1762.** Xưa lựa Kāsi, len Khoma,
Thêm hàng gấm Kodumbara,
Nay sao có thể Maddī ấy,
Lấy cỏ cát tường y mặc vào?
- 1763.** Xưa đi đây đó nhiều phương tiện,
Bước xuống xe và lên kiệu riêng,
Giờ thế nào công chúa tuyệt mỹ,
Trên đường khó nhọc bước chân lê?

1764. Nàng này chân yếu với tay mềm,
Được dưỡng nuôi trong nhung lụa êm,
Giờ thế nào công chúa tuyệt mỹ,
Lên đường khó nhọc bước chân lê?
1765. Nàng này chân yếu với tay mềm,
Được dưỡng nuôi trong nhung lụa êm,
Mang loại hải vàng đẹp rực rỡ,
Tới lui nhè nhẹ, dáng yêu kiều,
Giờ sao công chúa tuyệt xinh ấy,
Cất bước bộ hành trên lối quê?
1766. Xưa có cả ngàn nhi nữ theo,
Nàng đi phía trước, vòng hoa đeo,
Giờ sao công chúa tuyệt xinh ấy,
Bước một mình vào rừng hút heo?
1767. Xưa kia nàng ở chốn an toàn,
Nghe tiếng chó rừng hú, hoảng hồn,
Giờ thế nào công chúa tuyệt mỹ,
Tánh tình nhút nhát vào rừng hoang?
1768. Nàng đây dòng dõi bậc cao sang,
Khi tiếng cú kêu la dội vang,
Nghe rú rên kia liên khiếp đảm,
Người run như bị thần, ma vào,
Giờ sao công chúa tuyệt xinh ấy,
Tánh nhút nhát vào rừng vắng hoang?
1769. Chim mẹ lúc nhìn tổ trống trơn,
Người ta đã giết các chim non,
Mỗi khi đến thấy thành này vắng,
Thiếp bị đốt thiêu mãi khổ lòng!
1770. Chim mẹ lúc nhìn tổ trống trơn,
Người ta đã giết các chim non,
Thiếp đây sẽ võ vàng, gầy yếu,
Con dẫu yêu kia giờ chẳng còn!
1771. Chim mẹ lúc nhìn tổ trống trơn,
Người ta đã giết các chim non,
Thiếp đây sẽ chạy tìm cùng khắp,
Con dẫu yêu kia giờ chẳng còn!
1772. Như ó mẹ nhìn tổ trống trơn,
Người ta đã giết các chim non,

Mỗi khi đến thấy thành này vắng,
Thiếp bị đốt thiêu mãi khổ lòng!

1773. Như ó mẹ nhìn tổ trống trơn,
Người ta đã giết các chim non,
Thiếp đây sẽ vỡ vàng, gãy yếu,
Con dẫu yêu kia giờ chẳng còn!

1774. Như ó mẹ nhìn tổ trống trơn,
Người ta đã giết các chim non,
Thiếp đây sẽ chạy tìm cùng khắp,
Con dẫu yêu kia giờ chẳng còn!

1775. Như hồng nga mẹ đứng bên hồ,
Bao nước hôm nay đã cạn khô,
Mỗi lúc đến nhìn thành vắng vẻ,
Thiếp đây mãi bị đốt thiêu sào!

1776. Như hồng nga mẹ đứng bên hồ,
Bao nước hôm nay đã cạn khô,
Thiếp sẽ vỡ vàng, gãy yếu hẳn,
Con yêu dẫu hơi giờ còn đâu!

1777. Như hồng nga mẹ đứng bên hồ,
Bao nước hôm nay đã cạn khô,
Thiếp sẽ chạy đi tìm khắp chốn,
Con yêu dẫu hơi giờ còn đâu!

1778. Thiếp đã buồn như vậy khóc than,
Vua đày con biệt xứ vào rừng,
Đời vương nhi quả thật vô tội,
Thiếp nghĩ sẽ buông bỏ mạng đành!

Khi nghe mẫu hoàng than khóc, tất cả các cung phi xứ Sivi của Vua Sañjaya đã tề tựu lại và đồng khóc than. Nghe tiếng kêu khóc của họ, Bò-tát đang ở trong cung cũng khóc than theo. Như vậy không một ai trong hai cung này có thể gắng gượng được, họ ngã xuống, lăn lộn, than khóc tựa như những cây sālā bị quật ngã, vùi dập bởi sức mạnh của gió bão.

Bậc Đạo sư diễn tả sự việc này:

1779. Nghe mẫu hoàng than khóc thảm thương,
Nhiều phi tần ở trong cung vương,
Các nhi nữ Sivi tề tựu,
Họ cũng dang tay lên khóc than.

1780. Trong cung của Vessantara,
Thê tử quy nằm dài liệt la,

- Nhìn tựa vườn sālā ngã đổ,
Tả toi trong bão táp phong ba.
- 1781.** Các vương tử với các phi tần,
Có những thương gia, Bà-la-môn,
Họ thấy dang tay kêu khóc suốt,
Trong cung của Vessantara.
- 1782.** Các quan điều tượng lẫn điều xa,
Các bộ binh và vệ sĩ vua,
Họ thấy dang tay kêu khóc suốt,
Trong cung của Vessantara.
- 1783.** Và khi đêm ấy đã gần tàn,
Ngày rạng, mặt trời đã phát quang,
Khi ấy Vua Vessantara,
Bắt đầu ngự đến để dâng ban.
- 1784.** Hãy ban y phục cho người cần,
Cho kẻ nghiện say phân rượu nồng,
Đem thức ăn cho người thiếu đói,
Hãy ban phát đúng, thỏa lòng mong!
- 1785.** Những người xin đã đến nơi đây,
Đừng để họ thất vọng thứ gì,
Hãy cấp đồ ăn uống đủ cả,
Để người nể trọng khi ra đi.
- 1786.** Và rồi ở đó các âm thanh,
Quần chúng rất đông náo nhiệt kinh,
“Do phát ban mà họ trực xuất,
Ngài đem tiếp vật phẩm dâng ban!”
- 1787.** Giống như kẻ mệt mỏi, say sưa,
Người đến xin liền quy ngã dài,
Khi đại vương rời đi biệt xứ,
Bạc làm thịnh xứ Sivi này.
- 1788.** Họ đón cây đi thật, bạn này!
Cây đơm nhiều loại trái trên cành,
Giống khi họ trực khỏi quê ấy,
Vua vô tội Vessantara.
- 1789.** Họ đón cây đi thật, bạn này!
Cây ban mọi ước nguyện tràn đầy,
Giống khi họ trực khỏi quê ấy,
Vua vô tội Vessantara.

1790. Họ đồn cây đi thật, bạn này!
Cây mang mọi vị dục trần gian,
Giống khi họ trục khỏi quê ấy,
Vua vô tội Vessantara.
1791. Người già, người trẻ, kẻ trung niên,
Họ thấy giờ tay lên khóc than,
Khi đại vương đang rời khỏi chỗ,
Bạc làm hưng thịnh xứ Sivi.⁷⁸
1792. Người bói toán và các hoạn quan,
Phi tần cung nữ của triều hoàng,
Đều giờ các cánh tay than khóc,
Khi họ thấy nhìn thấy đại vương,
Bạc khiến thịnh hưng Sivi xứ,
Đang rời đi khuất dạng dần dần.
1793. Tất cả nữ nhi ở thị thành,
Đều giờ các cánh tay than van,
Khi trông thấy đại vương đi khỏi,
Bạc khiến xứ Sivi thịnh hưng.
1794. Sa-môn cùng với Bà-la-môn,
Tất cả những hành khát rất đông,
Họ thấy giờ tay lên khóc lóc,
Than rằng: “Người hỡi, chẳng công bằng!”
1795. Như khi Vua Vessantara,
Dâng phát trong thành của chính vua,
Mà bởi vì lời dân Sivi,
Ngài đành biệt xứ, đến phương xa.
1796. Sau khi ban phát bảy trăm voi,
Rực rỡ nhờ nhiều thứ điểm tô,
Lại có dây đai vàng óng ánh,
Yên vàng, khăn đẹp phủ thêm vô.
1797. Mỗi một voi đều chở chú nài,
Vớ đồ móc, giáo ở trong tay,
Rời Vua Vessantara ấy,
Phải biệt quê mình, chịu án đầy.
1798. Bảy trăm ngựa được ngài ban dâng,
Rực rỡ nhờ nhiều thứ phục trang,

⁷⁸ Tham chiếu: *Xuất diệu kinh* “Vô thường phẩm” 出曜經無常品 (T.04. 0212.1. 0609b22); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Hữu vi phẩm” 法集要頌經有為品 (T.04. 0213.1. 0777a02).

Là giống ngựa Sindh, thuần chủng rất,
Chở mang được nặng phi nhanh chân.

1799. Mỗi ngựa chở người kỵ mã quân,
Trong tay cầm sẵn kiếm và cung,
Rồi Vua Vessantara ấy,
Phải chịu lưu đày, biệt cố hương.
1800. Bảy trăm xe được ngài dâng ban,
Đầy đủ quân trang, cờ xí giăng,
Được trải trên xe da hổ, báo,
Đẹp xinh nhờ mọi thứ trang hoàng.
1801. Trên mỗi xe đều có quân xa,
Thân mang áo giáp, cung trong tay,
Rồi Vua Vessantara ấy,
Phải biệt quê mình, chịu án đày.
1802. Bảy trăm nữ ngài dâng ban,
Trên mỗi cỗ xe đứng một nàng,
Nai nịt dây vàng thân lấp lánh,
Lại tô điểm các món kim hoàn.
1803. Với nữ trang và y phục vàng,
Đeo nhiều phục sức cũng màu vàng,
Đôi mi cong vút, cười tươi sáng,
Đầy đặn mỡm, vòng eo nhỏ thanh.
Rồi Chúa thượng Vessantara,
Bị đày trục xuất khỏi giang san.
1804. Bảy trăm bò cái ngài dâng xong,
Tất cả các thùng sữa bạc ròng,
Rồi Chúa thượng Vessantara,
Bị đày trục xuất khỏi giang sơn.
1805. Bảy trăm tỳ nữ ngài đem cho,
Và bảy trăm nam bộc phát luôn,
Rồi Chúa thượng Vessantara,
Bị đày trục xuất khỏi giang sơn.
1806. Ngài đem cho ngựa, cỗ xe, voi,
Ban nữ nhân trang điểm tuyệt vời,
Rồi Chúa thượng Vessantara,
Bị đày biệt xứ, phải di dời.
1807. Việc này thật sự khiến bàng hoàng!
Và việc này làm dựng tóc lông!

Vào lúc tiến hành lễ đại thí,
Đất bằng bỗng rung động âm vang!⁷⁹

- 1808.** Việc này thật sự khiến bàng hoàng!
Và việc này làm rụng tóc lông!
Khi Chúa thượng Vessantara,
Chấp tay từ biệt rời quê hương!

Như vậy, ngài đã làm lễ Đại bố thí bảy trăm voi có trang sức vàng, cò vàng giương, lưới vàng phủ; bảy trăm ngựa cũng tương tự; bảy trăm xe rọp cò vàng, đỉnh nhiều loại châu báu, trái da sư tử và các da thú khác; bảy trăm nữ quý tộc có dáng vẻ cao sang mang đủ các nữ trang đẹp; bảy trăm nô bộc nam được huấn luyện thuần thục; bảy trăm nô tỳ nữ cũng tương tự; bảy trăm bò cái đầy sữa và bảy trăm đồ ăn thức uống vô hạn lượng. Khi ngài đang phân phát vật phẩm thì các Sát-đế-ly (quý tộc), Bà-la-môn (đạo sĩ), Vệ-xá (thương nhân), Thủ-đà (công nhân), v.v... đang sống ở thành Jetuttara đều khóc than: “Chúa thượng Vessantara ở xứ Sivi vì thí vật mà bị trục xuất, thế nhưng ngài vẫn cứ tiếp tục bố thí!” Việc này được kể rằng:

- 1809.** Và rồi ở đó các âm thanh,
Quần chúng rất đông, náo nhiệt kinh,
Do phát ban mà họ trục xuất,
Ngài đem tiếp vật phẩm dâng ban!

Những người thọ thí nhận xong các vật phẩm thì ngã khuỵu xuống như bị chặt chân, rồi lăn lộn rên la lớn tiếng: “Giờ đây, Vua Vessantara không còn là nơi nương tựa cho chúng ta, ngài sẽ vào rừng và từ nay trở đi, chúng ta không thể diện kiến ngài được nữa!”

Bậc Đạo sư diễn tả rằng:

- 1810.** Giống như kẻ mệt mỏi, say sưa,
Người đến xin liền quy ngã dài,
Khi đại vương rời đi biệt xứ,
Bậc làm thịnh xứ Sivi này.

Ngài vẫn đang phân phát thí vật thì trời tối, vì thế ngài trở về cung thất của mình. Ngài ngự trên chiếc vương xa lộng lẫy đến cung của cha mẹ để từ giả song thân rồi hôm sau lên đường. Nàng Maddī cũng đi cùng, đến xin phép hai vị cho nàng đi theo ngài. Bậc Đại sĩ kính lễ vua cha và thưa trình về việc ra đi của mình.

Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả việc này:

- 1811.** Xin trình Minh chúa Sañjaya,
Một đại vương công chính, quý cao,

⁷⁹ Xem câu kệ 1672, 2119, 2280 trong câu chuyện này; D. II, 72, *Mahāparinibbānasutta* (Kinh Đại Bát-niết-bàn), số 16; S. I, 157, *Parinibbānasutta* (Kinh Bát-niết-bàn); Thag. v. 1018, *Ānandattheragāthā* (Kệ ngôn của Trưởng lão Ānanda).

“Bệ hạ đã đày con biệt xứ,
Thì con sẽ đến núi Vamka.

- 1812.** Bệ hạ, những ai đã được sanh,
Và luôn ai sẽ được sanh thành,
Khi không thỏa mãn với lòng dục,
Sẽ bị rơi vào lực tử thân.
- 1813.** Vì con nên tội với thần dân,
Khi tại thành mình con cúng ban,
Nên bởi lời dân Sivi tấu,
Nay con bị trục khỏi giang san.
- 1814.** Con sẽ đền ngay tội ấy đây,
Vào rừng thú dữ, hồ beo đầy,
Con làm các thiện sự, công đức,
Cha đắm bùn nhơ, nhiễm dục hoài!”

Bậc Đại sĩ ngâm bốn vần kệ này với vua cha rồi ngài đến gần mẹ kính chào từ giả và xin phép ra đi với các lời này:

- 1815.** Xin phép mẹ hiền con xuất cung,
Ly gia xa xứ con hân hoan,
Vì con nên tội với dân chúng,
Khi tại thành mình con cúng ban,
Nên bởi lời dân Sivi tấu,
Nay con bị trục khỏi giang san.
- 1816.** Con sẽ đền ngay tội ấy đây,
Vào rừng thú dữ, hồ beo đầy,
Con làm các thiện sự, công đức,
Mẹ đắm bùn nhơ, nhiễm dục hoài!

Mẫu hậu Phusatī đáp:

- 1817.** Mẹ giờ cho phép con ly gia,
Cầu chúc con thành tựu, vạn an,
Còn Maddī công nương mỹ lệ,
Tay mềm chân yếu, dáng thon thanh,
Với con thơ trẻ đang yên ấm,
Phải ở rừng làm gì, được chăng?

Vessantara đáp:

- 1818.** Nào phải đâu con muốn dẫn ai,
Dù là tỳ nữ, vào rừng này,
Nếu như nàng muốn thì theo bước,
Còn chẳng muốn thì ở lại đây!

Nghe lời thái tử nói, vua cha tìm cách thuyết phục nàng.

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

- 1819.** Lúc này chúa thượng hướng công nương,
Tìm cách khuyên lơn, chỉ bảo nàng:
“Đừng để bụi dơ ẩm ướt lấm,
Tắm thân được tắm ướt đàn hương!
- 1820.** Đã mặc lụa tơ xứ Kāsi,
Con đừng đắp áo cỏ tranh chi,
Ở nơi rừng rất là gian khổ,
Con có phúc phần, đừng bước đi!”
- 1821.** Maddī công chúa đẹp toàn thân,
Liên tấu lời này với phụ hoàng:
“Con cũng chẳng màng được điểm phúc,
Nếu không có Vessantara.”
- 1822.** Vua làm hưng thịnh xứ Sivi,
Lại nói với nàng nữa thế này:
“Này hãy lắng nghe hỡi Maddī,
Gian nan rừng thẳm sẽ như vậy,
- 1823.** Nào những bọ sâu, gián, muỗi mòng,
Nào ruồi, nào bướm đêm và ong,
Chúng gây hại, đốt con nơi đó,
Có thể làm con khổ sở hơn.
- 1824.** Lại nhiều tai họa khác đau thương,
Khi đến trú gần nơi bến sông,
Có loại rắn to không có độc,
Gọi là trăn, sức mạnh vô cùng,
- 1825.** Hễ có người hay con thú rừng,
Nó đang phát hiện đến gần bên,
Thì liền quấn lấy nhiều vòng chặt,
Rồi tự nó mang kéo đến hang.
- 1826.** Còn loài dã thú khác hung nguy,
Là gấu có lông đen phủ đầy,
Khi chúng thấy người là bắt lấy,
Dù cho người đã trèo lên cây.
- 1827.** Dọc theo sông Sotumbarā,
Có những trâu rừng lui tới hoài,
Với cặp sừng to nhọn húc điếng,
Lại thường đến tấn công không ngờ.

1828. Trong những bầy đàn thú dữ này,
Có con bò lớn quanh rừng đây,
Như bò mẹ ngóng bê tìm kiếm,
Khi ấy con làm gì, Maddī?
1829. Thấy các con khi trên ngọn cây,
Chúng đang nhảy nhót trông ghê thay,
Maddī Công chúa sẽ kinh sợ,
Vì chẳng hề rành chốn dị kỳ.
1830. Xưa kia con ở chốn an toàn,
Nghe tiếng chó rừng hú, hoảng hồn,
Giờ thế nào Công chúa Maddī,
Đến mà trú tại Vamka sơn?
1831. Sao con muốn vào chốn như vậy?
Ngay cả lúc trời đang giữa ngày,
Khi các loài chim nghỉ lặng lẽ,
Mà khu rừng lớn vẫn ồn đây.”⁸⁰
1832. Maddī Công chúa đẹp toàn thân,
Liền tấu lời này đáp phụ vương:
“Về những điều cha đã chỉ rõ,
Thật là đáng sợ ở trong rừng,
Tuy nhiên con chịu mọi gian khó,
Và sẽ ra đi, tâu Phụ vương!
1833. Con băng lau, sậy, cỏ kusa,
Dải cỏ hương bài, may, cối bàng,
Uốn ngực vươn mình con tiến bước,
Sẽ không là gánh nặng cho chàng!
1834. Nữ nhân giữ được một người chồng,
Thật sự nhờ công dung hạnh ngôn,
Phải chịu được kiêng ăn, thiếu đói,
Lại thêm đáng vẻ cần chăm luôn.
1835. Nàng lo ngọn lửa thật siêng năng,
Và lọc sạch trong nước bản thân,
Song phải xa chồng đời khổ sở,
Thừa cha, con quyết đi theo chàng!
1836. Dù kẻ kéo tay ép buộc ngang,
Cũng không thể tận hưởng cùng nàng,

⁸⁰ Tham chiếu: S. I. 7, *Saṇamānasutta* (Kinh Tiếng động rừng sâu); S. I. 203, *Majjhanhikasutta* (Kinh Giữa trưa); *Tạp. 雜* (T.02. 0099.1335. 0368b22); *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.355. 0490b03).

- Cuộc đời quả phụ thật đau khổ,
Con quyết ra đi, tâu Đại vương!
- 1837.** Có khi bị nắm tóc lôi lên,
Rồi bị đẩy xô xuống đất nền,
Lúc đã gây ra nhiều khốn khổ,
Gã này cứ bỏ đi, bâng quan,
Cuộc đời quả phụ thật đau khổ,
Con quyết ra đi, tâu Đại vương!
- 1838.** Nàng da trắng bọn họ mong cầu,
Những kẻ thấy may mắn, tự cao,
Họ kéo lấy nàng và ép uống,
Nhu bầy quạ kéo cú rên đau,
Cuộc đời quả phụ thật đau khổ,
Con quyết ra đi, tâu đức Vua!
- 1839.** Ngay cả trong nhà giàu có sang,
Bạc vàng sáng rỡ vẻ huy hoàng,
Không sao tránh khỏi lời cay đắng,
Từ các anh em hoặc bạn thân,
Khi góa phụ là đời khổ sở,
Thừa cha, con quyết đi theo chàng!
- 1840.** Chẳng khác sông trôi trôi, cạn dòng,
Thiếu vua, quốc độ thành trôi không,
Dù sương phụ có mười anh ruột,
Cũng chỉ thân trôi trôi, trống lòng,
Khi góa phụ là đời khổ sở,
Thừa cha, con quyết đi theo chồng!
- 1841.** Thấy cò là biết cỗ xe ngay,
Thấy khói xông lên biết lửa đây,
Thấy đức vua là biết quốc độ,
Thấy chồng là biết vợ người này,
Cuộc đời quả phụ thật đau khổ,
Bệ hạ, lòng con đã quyết đi!⁸¹
- 1842.** Người vợ chia chung phận với chồng,
Dù giàu sang hoặc chịu bần cùng,
Danh nàng được các thần ca ngợi,
Quả thật nàng làm việc khó khăn!
- 1843.** Con quyết tâm luôn nối gót chàng,
Dù mang y nhuộm màu cam vàng,

⁸¹ Xem S. I. 41, *Rathasutta* (Kinh Cỗ xe).

- Và khi trái đất chưa tan nát,
 Đòi quả phụ than ôi, trái ngang!
- 1844.** Dù bờ biển chứa nhiều tài nguyên,
 Các loại báu châu trên đất liền,
 Con chỉ cần Vessantara,
 Chẳng khi nào muốn xa chồng hiền!
- 1845.** Quả thật là tàn nhẫn nữ nhân,
 Khi lang quân khổ cực, gian nan,
 Lại mong vui hưởng cảnh sung sướng,
 Sao có thể là kẻ nhẫn tâm?
- 1846.** Khi đại vương kia buộc phải đi,
 Vị làm hưng thịnh xứ Sivi,
 Con đây cất bước cùng chàng ấy,
 Vì chàng ban mọi lạc tràn đầy!”
- 1847.** Đại vương liền phán bảo lời này,
 Với nữ nhân toàn mỹ Maddī:
 “Hãy để lại đây hai đứa trẻ,
 Kaphājīnā với Jālī,
 Khi nàng phước đức rời xa xứ,
 Ta sẽ chăm nom chẳng thiếu chi!”
- 1848.** Maddī công chúa đẹp toàn thân,
 Liền tấu lời này với phụ hoàng:
 “Bệ hạ, hai con yêu quý đó,
 Jālī với Kaphājīnā,
 Khiến chúng con vui tại chốn vắng,
 Nơi rừng rậm sống không buồn than.”
- 1849.** Vua làm hưng thịnh xứ Sivi,
 Lại nói với nàng nữ thế này:
 “Chúng đã quen cao lương mỹ vị,
 Thịt thơm ngon với cơm sālī,
 Giờ dùng các quả cây rừng dại,
 Bọn trẻ thơ kia ăn kiêu gì?
- 1850.** Chúng đã dùng tô bạc, chén vàng,
 Giờ đây chỉ lá cây rừng hoang,
 Thì làm sao bọn trẻ thơ đó,
 Biết cách nào đâu để chúng ăn?
- 1851.** Xưa lựa Kāsi, len Khoma,
 Thêm hàng gấm Kodumbara,

Nay làm sao bọn trẻ thơ đó,
Mặc áo làm bằng cỏ kusa?

1852. Xưa đi đây đó nhiều phương tiện,
Bước xuống xe và lên kiệu riêng,
Giờ phải làm sao bọn trẻ đó,
Chân trần đi chạy các vùng miền?

1853. Trước giờ chúng ngủ trong cung hoàng,
Cửa khóa then cài thật ôn an,
Nay đến cây rừng ngủ dưới gốc,
Thế nào trẻ ngủ được hay chăng?

1854. Trước giờ nằm ngủ trên giường cao,
Phủ thảm lông dài đủ sắc màu,
Nay phải ngả lưng trên thảm cỏ,
Thế thì bọn trẻ phải làm sao?

1855. Trước được tắm thoa các nước thơm,
Bột chiên-đàn với bột trầm hương,
Nay bùn nhơ, bụi bặm lem luốc,
Làm được gì đây, bọn trẻ thơ?

1856. Xưa được dưỡng nuôi rất kỹ càng,
Đuôi trâu làm quạt, cả lông công,
Nay mòng và muỗi đốt cắn chúng,
Bọn trẻ thơ làm gì được chăng?”

Trong khi các vị bàn luận như vậy thì đêm tàn, mặt trời lên. Quân hầu mang một cỗ xe lộng lẫy cùng một đoàn bốn ngựa Sindh thuần chủng đến cho bậc Đại sĩ và đặt ở cửa. Maddī kính lễ song thân của Vessantara và chào từ biệt các bà phu nhân kia rồi ra đi cùng với hai con, chúng đến trước Vessantara và lên ngồi trong xe ấy.

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích vấn đề này:

1857. Rồi Maddī diễm lệ công nương,
Liền nói lên vầy đáp phụ vương:
“Xin đừng than khóc nữa, cha hỡi,
Đừng nói lời ưu não, Phụ vương,
Hai trẻ đi theo cha mẹ chúng,
Dù cho sướng, khổ cũng đồng chung.”

1858. Và Maddī công nương tuyệt xinh,
Thưa lời xong cất bước đăng trình,
Công nương phước đức mang con trẻ,
Tất cả theo đường Vua Sivi.

1859. Rồi Vessantara quốc vương,
 Vị Khattiya cúng dường xong,
 Ngài bèn đánh lễ cha và mẹ,
 Hữu nhiều một vòng, chào kính cung.

1860. Ngài ngự lên xa giá lệ làng,
 Vương xa tứ mã kéo đi nhanh,
 Ngài mang theo vợ con cùng tiến,
 Đi đến tận vùng núi Vamka.

1861. Và đức Vua Vessantara,
 Tới nơi có rất nhiều thần dân,
 Ngài kêu: “Giờ chúng tôi đi nhé,
 Cầu chúc bà con được khỏe an!”

Khi nói các lời này với quần chúng, bậc Đại sĩ khuyên nhủ họ tinh cần bố thí và làm các thiện sự. Khi ngài đã đi xa, mẹ Bồ-tát nói:

– Nếu vương tử muốn bố thí, hãy để con bố thí!

Rồi bà gửi cho ngài hai xe nhỏ đi kèm mỗi bên xe ngựa chứa đầy nữ trang gồm bảy báu vật. Trong mười tám lần ban phát, ngài phân chia cho đám hành khát mà ngài gặp trên đường đi tất cả những gì ngài có, luôn cả số đồ trang sức trên chính thân ngài.

Khi ngài đã rời kinh thành, ngài quay lại và muốn nhìn lui, vì thế thuận theo ý ngài, mặt đất nứt ra theo chiều chiếc xe và quay lại khiến cho xe đối diện với kinh thành, ngài liền chiêm ngưỡng nơi song thân ngài đang cư ngụ. Tiếp theo đó là đất chấn động và nhiều việc kỳ diệu khác. Vì vậy, có chuyện kể:

Khi ngài ra khỏi chốn kinh thành,
 Ngài đã quay đầu lại ngắm nhìn,
 Khi ấy đất bằng liền rung động,
 Cả rừng núi Tu-di rung rinh.

Trong lúc ngắm cảnh, ngài ngâm kệ thúc giục Maddī cũng nhìn lui:

1862. Này Maddī, nàng hãy ngắm nhìn!
 Nơi thân yêu đó trông xinh xinh,
 Có cung điện Đại vương Sivi,
 Cũng chính quê cha đất tổ mình.

Sau đó, ngài nhìn về phía sáu mươi ngàn triệu thần, những người sinh ra cùng lúc với ngài, nhìn quần chúng còn đó và ra hiệu cho họ lui về. Rồi trong khi tiếp tục lái xe đi, ngài bảo Maddī:

– Này Công nương, nàng hãy nhìn xem thử có kẻ cầu xin nào đang đi phía sau chăng?

Nàng liền nhìn ra. Bấy giờ, bốn Bà-la-môn không thể có mặt kịp trong lễ

Đại bố thí bảy trăm báu vật đã đến kinh thành, và thấy lễ phân phát đã xong, biết chắc là vương tử đã ra đi. Họ hỏi:

– Thế ngài có đem theo vật gì không?

– Vâng, có cỗ xe.

Vì thế họ quyết định đi xin bầy ngựa. Maddī thấy những người này đang tiến lại gần. Nàng nói:

– Tâu Chúa công, có các vị hành khát.

Bậc Đại sĩ dừng xe lại. Họ tiến đến xin bầy ngựa và bậc Đại sĩ cho ngựa.

Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả vấn đề này:

1863. Khi bắt kịp ngài, bốn La-môn,
Muốn xin bầy ngựa, họ van lơn,
Ngài ban bốn ngựa ngay nơi đó,
Hành khát mỗi người được một con.

Bầy ngựa được lấy đi rồi, dây cương của cỗ xe vẫn còn treo lơ lửng trên xe. Nhưng chẳng bao lâu sau khi các Bà-la-môn vừa đi thì bốn vị thần giả dạng bầy hươu đỏ tía đến kéo xe đi. Bậc Đại sĩ biết họ là thần linh liên ngâm kệ này:

1864. Này Maddī, hãy ngắm nhìn đi,
Nàng có thấy kia việc diệu kỳ,
Những con ngựa này tài ba quá,
Đội lột hồng dương để kéo xe!

Nhưng khi ngài tiến lên thì một Bà-la-môn khác đến xin cỗ xe. Bậc Đại sĩ đưa vợ con xuống và cho ông ta cỗ xe. Khi ngài cho xe xong, các vị thần cũng biến mất.

Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả việc tặng cỗ xe này:

1865. Rồi kẻ thứ năm tiến đến đây,
Nói lời mong muốn cỗ xe này,
Ngài cho người ấy cỗ xe ngựa,
Chẳng chút bận tâm, ban phát ngay!

1866 Lúc đó, Vua Vessantara,
Phải đưa hết vợ con rời xe,
Ngài vui vẻ lấy cỗ xe ngựa,
Ban tặng Bà-la-môn muốn cần.

Sau đó, cả đoàn đều đi bộ. Bậc Đại sĩ bảo Maddī:

1867. Này Maddī, nàng bé Kanhā,
Vì nó là em gái, nhẹ hơn,
Jāli là anh trai nặng đấy,
Cho nên bồng nó để phần ta.

Sau đó, hai vị bé con lên và mang chúng bên hông.

Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả việc này:

1868. Đức vua thì bế con trai ngoan,
Con gái kia thì phần của nàng,
Tất cả họ hoan hỷ bước tiếp,
Cùng nhau trò chuyện đầy yêu thương.
Chấm dứt *Chuyện bố thí*.

IV. ĐI VÀO RỪNG

Khi gặp người nào trên đường, hai vị hỏi đường đi đến núi Vamka⁸² và được biết còn rất xa. Vì thế, có chuyện kể:

1869. Bất cứ khi nào gặp được ai,
Dù đi xuôi hoặc ngược chiều ngải,
Họ đều có hỏi thăm phương hướng,
“Nơi chốn nào là núi Vamka?”

1870. Du khách nơi đây nghe hỏi han,
Ai nhìn cũng xót thương, than van,
Và cho biết rằng thật gian khổ,
Đường đến núi Vamka rất xa!

Đôi trẻ reo lên khi thấy đủ loại trái cây mọc hai bên đường. Nhờ thần lực của bậc Đại sĩ, cây cối rạp mình xuống đưa trái đến tầm tay họ hái được và hai vị hái những quả chín nhất đưa cho các con. Lúc ấy, Maddi reo lên:

– Thật kỳ diệu quá!

Vì thế, chuyện kể lại:

1871. Mỗi khi trẻ thấy giữa rừng xanh,
Có những trái cây ngon trầu cành,
Hai trẻ liền kêu đòi khóc lóc,
Bởi vì chúng muốn trái ăn nhanh.

1872. Cây rừng cao vút cành sum suê,
Nhìn thấy trẻ thơ đang khóc kêu,
Bèn tự nghiêng mình cúi rạp xuống,
Vươn cành tới chỗ trẻ thơ liền.

1873. Khi nhìn điều diệu kỳ này xong,
Điều rất phi thường, dựng tóc lông!
Nàng Maddi công nương mỹ lệ,
Nói lên lời tán thưởng hài lòng.

⁸² Bản CST và Tích Lan viết Vamka.

1874. “Quả là tuyệt diệu ở đời này,
Điều dựng tóc lông, rất lạ kỳ!
Nhờ lực của Vessantara,
Cây cao bỗng cúi rạp nghiêng dài.”

Kể từ kinh thành Jetuttara, núi Suvannagiritāla cách đó năm do-tuần, sông Kontimārā lại cách đó năm do-tuần, núi Ārañjara lại cách đó năm do-tuần, ngôi làng Bà-la-môn Dunnivīṭṭha lại cách đó năm do-tuần nữa và kinh thành của quốc cứu ngài cách đó mười do-tuần; như vậy tính từ thành Jetuttara, hành trình dài ba mươi do-tuần. Các vị thần rút ngắn quãng đường ấy, vì vậy chỉ trong một ngày, họ đã đến kinh thành của vị quốc cứu. Do đó, chuyện kể rằng:

1875. Thần dạ-xoa thấu ngắn dặm trường,
Vì thương con trẻ gặp tai ương,
Ceta quốc độ nay vừa đến,
Trước buổi hoàng hôn kịp bước đường.

Bấy giờ, các vị rời thành Jetuttara lúc rạng đông, buổi chiều đã đến vương quốc Ceta và vào thành của vị quốc cứu.

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

1876. Cả đoàn đi đến xứ Ceta,
Gian khổ lộ trình quả thật xa,
Vương quốc tràn trề đồ ẩm thực,
Phú cường, thịnh vượng cõi sơn hà.

Bấy giờ, trong kinh thành của vị quốc cứu ấy có sáu mươi ngàn vị võ tướng Sát-đế-lỵ cư trú. Bậc Đại sĩ không vào thành mà chỉ ngồi trong sảnh đường ở cổng thành. Maddī phủ bụi trên chân bậc Đại sĩ và xoa bóp chân ngài, rồi với ý định thông báo việc ngài đến, nâng đi ra khỏi sảnh đường và đứng nơi cửa để người ta nhìn thấy. Vì thế, những phụ nữ vào ra thành trông thấy nàng và đến vây quanh.

Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả việc này:

1877. Nhìn thấy vương phi đáng tốt lành,
Đàn bà Ceta đứng vây quanh,
“Vị phu nhân quả thật hiền dịu,
Sao phải đi chân suốt lộ trình?”

1878. Xưa đi đây đó nhiều phương tiện,
Bước xuống xe và lên kiệu riêng,
Maddī nay ở rừng rậm vắng,
Bộ hành đây đó bước chân lê.

Quần chúng lúc ấy vừa thấy Maddī và Vessantara cùng hai con đến trông khổ sở liền đi trình vua. Rồi sáu mươi ngàn vị vương hầu đến gặp ngài và than khóc.

Bạc Đạo sư ngâm kệ diễn tả việc này:

1879. Vương tộc Ceta đến chỗ ngài,
Họ nhìn rồi khóc lóc, than dài:
“Đức vua được cát tường muôn sự?
Long thể an khang không, đức ngài?
Và thái hoàng giờ vô bệnh chứ?
Toàn dân Sivi ôn an hoàì?”

1880. Quân sĩ ngài đâu, tâu Bệ hạ?
Và đâu chẳng thấy chiếc vương xa?
Không xe, không ngựa, đi như thế,
Nhọc mệt đường dài ngài trải qua?
Có phải quân thù gây chiến sự,
Khiến ngài phải đến tận phương xa?

Lúc ấy, bậc Đại sĩ nói cho các vương tử biết nguyên nhân ngài đến đây:

1881. Các thân vương hỡi, ta an khang,
Muôn sự cũng đều được cát tường,
Và thái hoàng giờ vô bệnh cả,
Toàn dân Sivi vẫn bình an.

1882. Ta tặng tượng vương quý báu này,
Tượng to ngà lớn như cày xe,
Toàn thân màu trắng thật ưu tú,
Trên mọi đấu trường thắng thế ngay.

1883. Thân tượng được choàng tấm sắc cam
Cao to, giẫm nát rất nhiều quân,
Cặp ngà điểm quạt lông bò mìn,
Trắng tuyết tựa Kelāsa sơn.

1884. Có che lọng trắng, có yên êm,
Có quân tượng, người chăm sóc thêm,
Phương tiện tối cao chúa thượng ngự,
Ta mang tặng các Bà-la-môn.

1885. Vì thế toàn dân đã hận sâu,
Phụ vương xem đó là sai lầm,
Và ngài ra án lệnh đầy đọa,
Ta phải đi đến núi Vamka,
Này các thân vương, cho biết rõ,
Trong rừng đâu chỗ nấu nướng thân?

Các vương hầu đáp:

1886. Cung nghênh Chúa thượng đến nơi đây,
Ngài gặp an lành trong chuyến đi!

Tâu Bệ hạ, xin ngài cứ ngự,
Bất kỳ nơi thuận tiện, tùy nghi!

- 1887.** Ngài tới đây rồi, ngài khách thượng!
Đại vương cứ thưởng thức cao lương,
Ngó sen, thịt, mật ong, rau củ,
Cơm nấu gạo sālī quý thơm.

Vessantara nói:

- 1888.** Ta nhận quà trao từ các vị,
Kính thành dâng đủ món tràn đầy,
Thái hoàng ra án lệnh đầy đọa,
Nay núi Vamka ta phải đi,
Xin các thân vương cho biết rõ,
Trong rừng đâu chỗ nấu nướng đây?

Các vương hầu đáp:

- 1889.** Đại vương cứ ở lại nơi này,
Tại quốc độ Ceta, tâu ngài,
Đến lúc dân Ceta khởi sự,
Gặp vua thưa hỏi và trình bày!
- 1890.** Giải thích cho vua mọi sự tình,
Bậc làm hưng thịnh nước Sivi,
Dân Ceta tỏ lòng thành kính,
Hoan hỷ được nhân duyên hộ trì,
Họ nổi gót ngài cùng tiến bước,
Xin trình Sát-đế-ly tin vậy.

Bậc Đại sĩ nói:

- 1891.** Ta không muốn các vị lên đường,
Đến diện kiến, van xin phụ vương,
Lại giải bày cho chúa thượng rõ,
Đức vua cũng chẳng có quyền hơn.
- 1892.** Triều thần, thành thị, dân Sivi,
Tất cả mọi người phần nộ đây,
Họ muốn hạ luôn cả chúa thượng,
Bởi vì có sự mà ta gây.

Các vương hầu đáp:

- 1893.** Nếu xứ sở kia có xảy ra,
Việc như thế ấy thì tâu Vua,
Xin ngài ở lại làm hoàng thượng,
Được hộ bởi dân xứ Ceta.

- 1894.** Đất nước phú cường và thịnh hưng,
Với dân chúng vĩ đại, hào hùng,
Cầu xin ngài hãy quyết tâm trụ,
Cai trị quốc gia, dạy chúng thần!

Vessantara nói:

- 1895.** Thân dân Ceta, hãy nghe ta!
Vì bị lưu đày biệt xứ xa,
Ta chẳng mong cầu, chẳng quyết định,
Ở đây cai trị quốc an dân.
- 1896.** Triều thần, thành thị, dân Sivi,
Tất cả họ đều sẽ bất bình,
Khi các vị tôn ta trị quốc,
Trong khi ta bị án lưu đày.
- 1897.** Rồi đây các vị bất đồng nhiều,
Chỉ bởi vì ta có sự khêu,
Dân chúng Sivi lại cự cãi,
Ta không thích rẽ chia, tranh trâu!
- 1898.** Sự gây cãi nọ ngày kinh ghê,
Không ít chiến tranh sẽ nổ thêm,
Chỉ bởi một mình ta tạo tác,
Mà nhiều người bị tổn thương theo.
- 1899.** Ta nhận quà trao từ các vị,
Kính thành dâng đủ món tràn đầy,
Thái hoàng ra án lệnh đày đọa,
Nay núi Vamka ta phải đi,
Xin các thân vương cho biết rõ,
Trong rừng đâu chỗ nấu nướng đây?

Như vậy, dù có nhiều lời thỉnh cầu, bậc Đại sĩ vẫn chối từ vương quốc. Sau đó, các vương hầu ấy tiếp đón ngài trọng thể. Nhưng ngài không muốn đi vào thành, vì thế họ trang hoàng sảnh đường mà ngài đang ở, giăng màn quanh đó và soạn một chiếc sàng tọa lớn rồi họ canh phòng cẩn mật xung quanh.

Ngài cư trú trong sảnh đường ấy một đêm, được canh phòng cẩn mật. Đến hôm sau vào lúc tảng sáng, sau khi tắm rửa và dùng một bữa cơm đầy cao lương thượng vị, được các vị vương hầu hộ tống, ngài rời đi. Sáu mươi ngàn vị Sát-đế-ly ấy đưa tiễn ngài suốt hành trình dài mười lăm do-tuần rồi dừng lại ở lối vào khu rừng, họ nói về quãng đường mười lăm do-tuần còn lại của cuộc hành trình:

1900. “Vâng, chúng thần xin tâu đức Vua,
Trình bày rành rẽ mọi đường qua,
Nơi nào vua xuất thế cư trú,
Có lửa thiêng thờ, được tịnh an.
1901. Tâu Đại vương, kia là núi đá,
Gọi tên Gandhamādana,
Chính nơi Bệ hạ và con trẻ,
Cùng với hậu vương tạm gọi nhà!”
1902. Dân Ceta khuôn mặt thâm sâu,
Mắt người tuôn chảy những dòng châu,
Họ khuyên đại vương cứ đi thẳng,
Theo hướng Bắc mà đến núi cao:
1903. Rồi ngài thấy núi Vipula,
Đủ các loại cây tươi thắm xanh,
Phủ xuống bao nhiêu là bóng mát,
Nơi này thật đẹp xinh, trong lành!
1904. Khi vượt qua khỏi vùng núi non,
Thì ngài sẽ gặp một con sông,
Chính là dòng Ketumatī,
Nguồn bắt từ khe sâu núi tuôn.
1905. Nước đầy, nhiều cá lội nơi nơi,
Sông rất nên thơ cảnh dọc bờ,
Ngài có thể dùng uống, tắm mát,
Nô đùa, chơi giỡn với con thơ.
1906. Và rồi Chúa thượng sẽ tìm ra,
Trái chín ngọt nhiều trên cội đa,
Nơi đỉnh núi xinh đa đã mọc,
Tán che mát rượi, cảnh la đà.
1907. Và rồi Chúa thượng cũng tìm ra,
Một ngọn núi tên Nālīka,
Đủ loại chim từng đàn khắp chốn,
Và vùng núi lắm khăn-na-la.
1908. Đi tiếp miền Đông Bắc núi này,
Đến hồ tên Mucalinda,
Mặt hồ bao phủ đầy sen trắng,
Thêm súng trắng xen lẫn đỏ đây.
1909. Cánh rừng dày tựa mây vây quanh,
Cỏ mọc thường xuyên như thảm xanh,

Tương tự chúa sơn lâm kiếm thịt,
Ngài vào rừng ấy tìm dân dân,
Có cây đang trở bông xinh xắn,
Lần các cây đơm trái trĩu cành.

1910. Nơi đó nhiều chim đủ sắc màu,
Hội về khi rừng rộ ngàn hoa,
Tiếng chim hót líu lo đây đó,
Rộn rã âm thanh ngọt dịu hòa.

1911. Nếu ngài theo lối loanh quanh non,
Cho đến khi lên tận suối nguồn,
Ngài sẽ thấy hồ sen phủ kín,
Cây sồi Ấn với kha tử bên hồ.

1912. Nước đầy, nhiều cá lội nơi nơi,
Cảnh rất nên thơ dọc các bờ,
Hồ có bốn bên đều đặn cả,
Thoảng đưa dễ chịu, dịu mùi thơm.

1913. Hướng Đông Bắc của vùng miền này,
Ngài sẽ dựng lên một thảo am,
Khi đã có am ngài cố gắng,
Dạo tìm vật thực sống qua ngày!

Như vậy, các vương tử báo cho ngài biết về cuộc hành trình dài mười lăm do-tuần ấy và tiễn ngài ra đi. Nhưng đề đề phòng mọi hiểm nguy đối với Vua Vessantara và dự trù không để bất cứ địch thủ nào có thể lợi dụng tấn công, họ ra lệnh cho một người trong xứ Ceta, khôn ngoan và khéo léo, theo dõi bước đi của ngài cho đến tận lối vào rừng, rồi họ trở về kinh thành của mình.

Còn Vua Vessantara cùng vợ con tiến lên đỉnh Gandhamādana (Hương Sơn), ở lại đó ngày hôm ấy, sau đó hướng về phía Bắc đi qua chân núi Vipula, nghỉ chân tại bờ sông Ketumatī để dùng một bữa ăn ngon do người thợ rừng thiết đãi xong cả đoàn tắm rửa và uống nước rồi tặng người dẫn đường một cây trâm vàng.

Với tâm thanh thản, ngài vượt qua dòng sông, nghỉ chân một lát dưới gốc đa mọc trên đỉnh núi Sānupabbata. Sau khi ăn trái đa xong, ngài đứng lên và đi tiếp đến đồi Nālīka. Vẫn tiếp tục tiến lên, ngài đi dọc theo bờ hồ Mucalinda về phía Đông Bắc. Từ đó nhờ con đường mòn hẹp, ngài đi sâu vào rừng rậm và xuyên suốt con đường quanh co trong núi cho đến đầu nguồn của dòng suối, rồi ngài gặp cái hồ tứ giác.

Lúc bấy giờ, Thiên chủ Sakka nhìn xuống cõi trần và xem xét những việc đã xảy ra. Ngài suy nghĩ: “Bậc Đại sĩ đã vào Tuyết Sơn, người phải có nơi để cư trú.” Vì thế, ngài ra lệnh cho Vissakamma (thần xây dựng):

– Hiền hữu hãy đi vào vùng thung lũng núi Vamka và xây ẩn am trên một địa điểm an lạc!

Vissakamma ra đi làm hai am tranh với hai lối đi có mái che, có phòng ban đêm và phòng ban ngày. Dọc các lối đi, vị ấy trồng các loại cây ăn trái và khóm chuối cùng sắp đặt mọi vật dụng cần thiết cho các ẩn sĩ. Rồi vị ấy ghi một câu: “Các vật này dành cho ai muốn làm ẩn sĩ.” Và xua đuổi các loài phi nhân (ma quỷ) cùng các loài chim thú có tiếng kêu đáng sợ đi nơi khác, sau đó vị ấy trở về cõi của mình.

Khi nhìn thấy con đường mòn, bậc Đại sĩ biết chắc chắn nó phải dẫn đến khu vực của các ẩn sĩ cư trú. Ngài liền để Maddī và hai con ở trước cổng vào am tranh và tự bước vào. Khi thấy câu ghi chú kia, ngài nhận ra Thiên chủ Sakka đang để mắt đến ngài. Ngài mở cửa bước vào, đặt cung kiếm cùng xiêm áo mà ngài đang mặc xuống, khoác bộ áo tu hành của ẩn sĩ, ngài cầm cây gậy đi ra mái hiên đi kinh hành với vẻ thanh tịnh của một vị Độc Giác Phật và đến gần vợ con. Maddī quỳ xuống dưới chân ngài, mắt đầm lệ rồi cùng ngài đi vào am, nàng đến am thất riêng của mình và khoác áo ẩn sĩ. Sau đó, hai vị bảo các con cùng làm như vậy. Thế là cả bốn vị Sát-đế-lỵ kia ở lại trong vùng thung lũng của núi Vamka. Bấy giờ, Maddī thỉnh cầu bậc Đại sĩ:

– Tâu Chúa thượng, xin chàng ở lại đây với các con, đừng ra ngoài hái quả dại, xin để thiếp đi thế!

Từ đó, nàng thường tìm các thứ quả rừng về nuôi cả ba. Bò-tát cũng thỉnh cầu nàng:

– Nay Maddī, bây giờ chúng ta là ẩn sĩ, và nữ nhân là mối bất tịnh. Vậy từ nay về sau xin nàng đừng đến gần ta phi thời!

Nàng ưng thuận ngay. Nhờ uy lực lòng từ bi của bậc Đại sĩ, ngay cả thú rừng trong vòng khoảng ba do-tuần đều có lòng thương xót lẫn nhau. Hằng ngày vào lúc rạng đông, Maddī thức dậy, đem nước uống, thức ăn cùng nước rửa và đồ chải răng để súc miệng, sau đó quét sạch thảo am. Rồi để hai con ở lại với cha chúng, nàng cầm thúng, xẻng, cây móc, đi vào rừng kiếm củ quả dại và chất đầy thúng. Buổi chiều, nàng trở về đặt quả rừng vào am, tắm xong liền tắm rửa các con và cả bốn người ngồi ở cửa am ăn trái cây. Sau đó, Maddī đem hai con lui vào trong nội thất của nàng. Theo cách này, họ sống trong vùng thung lũng của núi rừng được bảy tháng.

Chấm dứt phần *Đi vào rừng*.

V. BÀ-LA-MÔN JŪJAKA

Thời ấy, trong vương quốc Kālīṅga, tại làng Bà-la-môn Dunnivīṭṭha có một người Bà-la-môn gọi là Jūjaka. Nhờ khát thực, lão đã kiếm được một trăm đồng tiền và gửi một gia đình Bà-la-môn kia giữ giùm rồi lại đi kiếm tiền thêm.

Trong khi lão đi xa, gia đình ấy tiêu hết số tiền. Khi lão trở lại liền mắng nhiếc họ, nhưng họ không thể trả nổi số tiền ấy, vì thế họ gả cô con gái tên Amittatāpanā cho lão. Lão đem cô gái cùng về làng Dunnivīṭṭha ở Kāliṅga và sống tại đó. Cô gái Amittatāpanā săn sóc lão Bà-la-môn thật chu đáo. Một số thanh niên Bà-la-môn thấy nàng tận tụy như thế liền trách móc các bà vợ của họ:

– Hãy xem cô ta săn sóc lão già chu đáo thế kia, trong khi các bà thật vô tình đối với các anh chồng trẻ của mình!

Việc này khiến các bà vợ ấy quyết định đuổi nàng ra khỏi làng. Vì thế, họ tụ tập bên bờ sông và nhiều nơi khác để phỉ báng nàng.

Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả việc này:

- 1914.** Bà-la-môn Jūjaka,
Trước đây ngụ tại quê Kāliṅga,
Vợ ông trẻ đẹp mặn mà,
Amittatāpanā danh xưng.
- 1915.** Những đàn bà nọ ra sông,
Mang bình lấy nước lại mong luận bàn,
Cố làm ô nhục hồng nhan,
Nhiều người tụ tập, dọc ngang quây quần.
- 1916.** “Mẹ cô quả thật cừ nhân,
Và cha cô nữa cũng oan gia mà,
Để cho một lão đã già,
Cưới xin vợ trẻ nồn nà như đây!
- 1917.** Người thân cô chẳng tốt chi,
Âm mưu đen tối, tính vi luận bàn,
Để cho một lão đã già,
Cưới cô vợ trẻ nồn nà đang xuân!
- 1918.** Người thân quả thật cừ nhân,
Âm mưu đen tối, luận bàn gần xa,
Để cho một lão đã già,
Cưới cô vợ trẻ nồn nà đang xuân!
- 1919.** Người thân cô thật sai lầm,
Đến đi chỗ vắng rắp tâm tính bầy,
Để cho một lão đã già,
Cưới xin vợ trẻ nồn nà như đây!
- 1920.** Người thân cô độc ác thay,
Âm mưu đen tối, tính bầy gần xa,
Để cho một lão đã già,
Cưới cô vợ trẻ nồn nà xinh tươi!

1921. Người thân cô thật chẳng vừa,
Âm mưu đen tối, luận bừa gần xa,
Để cho một lão đã già,
Cưới cô vợ trẻ nồn nà như bông!
1922. Đòi cô thật chẳng toại lòng,
Khi cô sống với người chồng già nua,
Kết duyên với một lão già,
Ôi thôi, chết quách cũng là tốt hơn!
1923. Hỡi cô xinh xắn, đẹp tươi,
Sao cha mẹ chẳng tìm người khác đi,
Trong khi con độ xuân thì,
Họ đành đem gả chồng chi già khòm!
1924. Lễ dâng mừng chín không tròn,
Và ngày tế lửa không còn được dâng,
Trong khi con gái đang xuân,
Họ đành đem gả lang quân già khòm!
1925. Chắc cô phỉ báng chẳng tôn,
Bà-la-môn với Sa-môn tu hành,
Những người Phạm hạnh đa văn,
Thọ trì giới luật ở trần gian đây,
Nên khi cô tuổi xuân thì,
Phải theo chung sống ông chi già khòm!
1926. Không đau như bị dao đâm,
Không đau như rắn cắn nhằm nơi thân,
Thật là đau buốt tâm can,
Khi nhìn ông lão lang quân lỗi đời!
1927. Với chồng đã quá già rồi,
Còn gì thích thú tươi cười nữa đâu?
Chuyện trò chẳng chút vui nào,
Khi cười, lão cũng nhăn nheo khó nhìn!
1928. Gái trai độ tuổi thanh niên,
Sống cùng nhau chốn tư riêng thắm nồng,
Dứt ngay mọi nỗi đau buồn,
Những gì tiềm ẩn trong lòng vẫn vương.
1929. Cô là con gái còn xuân,
Xinh tươi, được đám đàn ông mơ hoài,
Thế sao ông lão già rồi,
Làm cô thích thú? Hãy lui về nhà!”

Khi nàng nghe họ nhạo báng, nàng liền mang bình nước về nhà và khóc.

– Tại sao nàng khóc?

Ông chồng hỏi và nàng trả lời qua vắn kệ:

1930. Tôi không đi nữa, thưa ông!
 Khi đi lấy nước nơi sông về nhà,
 Đàn bà chế giễu tôi là,
 Ông đây già quá, thưa Bà-la-môn!

Jūjaka đáp:

1931. Xin đừng làm nữa nàng ơi,
 Không cần lấy nước cho tôi thế này,
 Nàng ôi, đừng giận đối vầy,
 Vì tôi sẽ lấy nước thay cho nàng!

Cô vợ đáp:

1932. Chàng đi lấy nước về nhà,
 Đó không phải cách tộc gia tôi làm,
 Tôi xin nói thật rõ ràng,
 Nếu chàng làm vậy, tôi, chàng chia tay.

1933. Ngoại trừ mua một nô tài,
 Hoặc là tỳ nữ làm ngay việc này,
 Tôi xin nói rõ chàng hay,
 Tôi thề không ở lại đây với chàng.

Jūjaka đáp:

1934. Làm sao mua nổi tiểu đồng?
 Tôi không nghề ngỗng, bạc vàng, thóc ngô.
 Thôi đừng giận đối, liễu bỏ!
 Tôi đi làm việc gia nô của nàng.

Cô vợ bảo:

1935. Giờ tôi muốn nói với chàng,
 Những lời nghe được dân làng nói ra:
 “Đằng kia trên đỉnh Vamka,
 Có vì Vua Vessantara lưu đây.”

1936. Giờ chàng hãy vội đi ngay,
 Xin ngài cho được một tay tiểu đồng,
 Vương gia chắc chắn bằng lòng,
 Ban chàng những thứ chàng mong ước mà.

Jūjaka đáp:

1937. Tôi đây lụ khụ quá già,
 Lòng e lấm nổi đường xa gập ghềnh,

Xin đừng than khóc buồn tình,
Nay tôi chẳng có thân mình dẻo dai,
Nhưng đừng giận dỗi, nàng ôi,
Tôi nguyện làm việc chính tôi sẵn lòng.

Cô vợ bảo:

- 1938.** Y như một kẻ ra quân,
Chưa vô trận chiến đã toan đầu hàng,
Chàng đây cũng vậy, La-môn,
Chưa đi mà đã bại vong chạy dài.
- 1939.** Ngoại trừ mua một nô tài,
Hoặc là tỳ nữ làm ngay việc này,
Tôi xin nói rõ chàng hay,
Tôi thề không ở lại đây với chàng,
Chuyện này quả thật đáng buồn,
Đó là một chuyện đau thương cho chàng.
- 1940.** Nhìn tôi hạnh phúc ngập tràn,
Trong tay của một tình lang khác rồi,
Áo quần lộng lẫy thắm tươi,
Theo mùa thay đổi, trăng trời chuyển luân.
- 1941.** Khi chàng năm tháng tàn dần,
Còn tôi vắng bóng, chàng buồn khóc than,
Tóc chàng sẽ bạc trắng ngàn,
Lưng còng thêm nữa, bội phần khổ đau!

Lão Bà-la-môn nghe nói vậy nên sợ hãi. Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả việc này:

- 1942.** Và bây giờ lão La-môn,
Lòng đây sợ hãi phục tuân ý nàng,
Cuống cuống theo lực ái tham,
Lão ta hồi đáp phu nhân lời rằng.
- 1943.** “Cho tôi thực phẩm đi đường,
Làm cho tôi bánh mật ngon ngọt ngào,
Làm thêm lương thực khô nào,
Bánh mì lúa mạch nướng mau trên lò.
- 1944.** Ta đây sẽ dẫn về cho,
Được hai đứa trẻ hầu lo đêm ngày,
Chúng cùng cấp với nàng đây,
Cần cù phục vụ nàng hoài chẳng than!”

Nàng nhanh chóng chuẩn bị lương thực và báo cho lão mọi sự đã xong. Trong lúc ấy, lão sửa lại các chỗ xiêu vẹo quanh túp lều, làm cửa ngõ chắc chắn, mang củi từ rừng về, kéo nước vào cái lu lớn và đổ đầy vào các nồi chảo.

Rồi lão vừa khoác chiếc áo của người tu khổ hạnh vừa dặn vợ lúc ra đi:

– Từ giờ trở đi, nàng đừng đi ra ngoài những lúc không thích hợp và hãy cẩn thận giữ mình cho đến khi ta về!

Vừa mang giày và đeo bao lương thực lên vai, lão vừa đi vòng quanh vợ về phía hữu rồi ra đi với đôi mắt đắm lệ rờn rờn. Bậc Đạo sư diễn tả việc này qua vần kệ:

1945. Nói này xong, lão La-môn,
Mang giày rồi lại đứng lên tức thì,
Lão khuyên bảo ả nữ nhi,
Nghiêng về phía hữu chia ly vợ mình.

1946. Ra đi dáng vẻ khổ nằn,
Lệ rơi lã chã quanh vành mắt y,
Vội vàng đến nước Sivi,
Kinh đô trù phú để tìm gia nô.

Khi lão đến kinh thành này, lão hỏi đám đông đang tụ tập để biết nơi Vua Vessantara ở. Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả việc này:

1947. Lão đi đến tận nơi xa,
Hỏi thăm dân chúng vào ra quây quần:
“Xin cho tôi biết Đại vương,
Vessantara ấy, tìm phương hướng nào?”

1948. Đáp ngay cho lão đôi câu,
Đám đông tụ họp cùng nhau trả lời:
“Ngài đành phải chịu tàn đời,
Chỉ vì quá cúng các người La-môn,
Ngài vừa bị đuổi đi xong,
Đến Vamka núi, lưu vong nơi này.

1949. Ngài đành phải chịu tiêu ma,
Chỉ vì quá cúng cho Bà-la-môn,
Ngài vừa bị đuổi đi luôn,
Đến Vamka núi, vợ con mang cùng.”

– Thế là các người đã hủy hoại Đại vương của ta, nay còn vác mặt đến đây nữa ư? Người hãy đứng yên đây!

Rồi lấy gậy gộc, sỏi đá, họ đánh đuổi lão ra. Nhưng lão được các vị thần dẫn vào đúng con đường đi đến núi Vamka. Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả việc này:

1950. La-môn bị vợ khiến làm,
Trong lòng có sẵn dục tham tràn trề,
Lão vào rừng lớn kinh ghê,
Các loài thú dữ, báo, tê giác đây.

1951. Gậy bầu nâu gỗ cầm tay,
Muỗng, bình té lửa lão quày quả mang,
Vào rừng lớn bởi nghe rằng,
Nơi này bố thí đúng bằng ước mong.
1952. Đi vào rừng lớn lòng vòng,
Từng bầy chó sói vây tròn quanh y,
Sợ kinh lão thét tức thì,
Rồi đi hốt hoảng nào hay lạc đường.
1953. La-môn dục vọng vẫn vương,
Lòng tham buông thả, dậm trường rồi ren,
Vamka lối núi lạc thêm,
Lão ta nói kệ, ca ngâm theo vần.
1954. “Ai người cho biết anh quân,
Ông hoàng tôi thắng Vessantara,
Ngài ban tịnh lạc, ôn an,
Giúp người sợ hãi vượt qua nỗi niềm?
1955. Ngài an trú kẻ cầu tìm,
Ví như đất đỡ muôn nghìn chúng sinh,
Ai người sẽ nói cho mình,
Vessantara đáng mình quân nào?
1956. Ngài là đích đến kẻ cầu,
Ví như biển cả, sông sâu đổ vào,
Nào ai nói với ta mau,
Vessantara như là đại dương?
1957. Như hồ lạc thú nên thơ,
Nước trong mát lạnh, bến bờ đẹp tươi,
Mặt hồ sen trắng khắp nơi,
Ngó tơ nhụy thắm điểm tô hài hòa,
Nào ai sẽ bảo cho ta,
Vessantara như là hồ trong?
1958. Như cây sung lớn bên đường,
Mọc lên làm chốn nghỉ chân an toàn,
Dành cho lũ khách nhọc nhằn,
Vội vàng đi đến dưới tàng lá xanh,
Nào ai sẽ bảo cho mình,
Vessantara ví hình ảnh đây?
1959. Như bên đường có cây đa,
Mọc lên làm chốn nghỉ qua an toàn,
Dành cho lũ khách nhọc nhằn,

Vội vàng đi đến dưới tàng lá xanh,
 Nào ai sẽ bảo cho mình,
 Vessantara như hình ảnh đây?

1960. Như bên đường có cây xoài,
 Mọc làm thành chốn dậm dài nghỉ chân,
 Dành cho lũ khách nhọc nhằn,
 Vội vàng đi đến dưới tàng lá xanh,
 Nào ai sẽ bảo cho mình,
 Vessantara như hình ảnh đây?

1961. Như bên đường có sālā,
 Mọc lên làm chốn nghỉ qua an toàn,
 Dành cho lũ khách nhọc nhằn,
 Vội vàng đi đến dưới tàng lá xanh,
 Nào ai sẽ bảo cho mình,
 Vessantara như hình ảnh đây?

1962. Như bên đường có cội cây,
 Mọc lên làm chốn dậm dài nghỉ chân,
 Dành cho lũ khách nhọc nhằn,
 Vội vàng đi đến dưới tàng lá xanh,
 Nào ai sẽ bảo cho mình,
 Vessantara như hình ảnh đây?

1963. Nào ai nghe tiếng ta than,
 Chung quanh toàn cả rừng hoang hải hùng,
 Lòng ta xiết đổi vui mừng,
 Nếu ai cho biết vương quân nơi nào.

1964. Chung quanh toàn cả rừng sâu,
 Ai nghe than thở, ta bao muộn phiền,
 Nếu người cho biết được liền,
 Một lời nói ấy phước nhiều lắm thay!”

Bấy giờ, người thợ săn dân Ceta đã được chia phần đi rừng canh giữ nai, nghe lời than vãn này liền suy nghĩ: “Đây là lão Bà-la-môn đang kêu ca tìm nơi trú ẩn của Vua Vessantara, lão đến đây không có mục đích gì tốt đâu. Lão muốn xin nai cho Maddī hoặc hai trẻ kia, chắc chắn thế! Được rồi, ta sẽ giết lão!” Thế là y liền đến gần lão và rút cây cung ra hăm dọa lão:

– Nay lão Bà-la-môn, ta sẽ không tha mạng lão đâu!

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

1965. Thợ săn Ceta đi rừng,
 Lắng nghe lời lão thở than, nói rằng:

“Ngài đành phải chịu tiêu vong,
Chỉ vì quá cứng La-môn các người,
Ngài vừa bị đuổi đi rồi,
Ra ngoài xứ sở đến đòi Vamka!

1966. Ngài đành phải chịu tiêu ma,
Chỉ vì quá cứng cho Bà-la-môn,
Ngài vừa bị đuổi đi luôn,
Đến Vamka núi, vợ con mang cùng.

1967. Thật là vô dụng ngu đần,
Nếu người rời xứ đến rừng nơi đây,
Để tìm vương tử cho ra,
Như con hạc kiếm cá bầy giữa sông.

1968. Thế thì đây, hỡi La-môn,
Mạng kia của lão, ta không tha vầy,
Tên ta sẽ hút máu đây,
Khi ta bắn nó từ cây cung dài.

1969. Mũi tên sẽ giết người ngay,
Xé con tim ấy đứt ngoài khỏi thân,
Ta đem tế lễ cho thần,
Chung cùng thịt lão La-môn tàn đời.

1970. Với phần thịt, mỡ của người,
Và đầu kia của chính người La-môn,
Ta đem tìm đã cắt xong,
Tế dâng tất cả lúc ông lìa đời.

1971. Sau khi cúng tế hợp thời,
Lễ dâng thịt của chính người La-môn,
Từ đây lão chẳng còn mong,
Tìm đường dẫn vợ và con của ngài.”

Nghe những lời này, lão già sợ chết khiếp liền tìm cách trả lời dối trá:

1972. La-môn sứ giả, giết chi!
Dân Ceta hãy nghe đây trình bày,
Đây là quy luật xưa nay,
Thấy người sứ giả không ai giết đành.

1973. Thần dân giờ đã bình tâm,
Vua cha thương nhớ kiếm tầm ước mong,
Mẹ ngài mòn mỏi đợi trông,
Mất bà chóng yếu hiện đang mờ dần.

1974. Họ giao ta chức sứ thần,
Đem về Chúa tể Vessantara,

Dân Ceta hãy nghe ta,
Nếu người có biết, nói ra tỏ tường!

Lúc ấy, người kia hài lòng khi nghe lão đến để tìm Vua Vessantara về nên y vội vàng buộc bầy chó lại, gọi lão Bà-la-môn xuống và mời lão ngồi trên một đồng cũi, đưa cho thức ăn rồi ngâm vản kệ này:

1975. Ta yêu vương tử, sứ thần,
Và ta sẽ đề ông thành công ngay,
Đây là hũ mật, đùi nai,
Ta xin chỉ rõ vùng này cho ông,
Chính nơi ngài sống lưu vong,
Vị hay bố thí theo mong ước người.

Chấm dứt phần *Bà-la-môn Jūjaka*.

VI. MÔ TẢ KHU RỪNG NHỎ

Như vậy, y cho lão Bà-la-môn thức ăn cùng một bầu mật ong và một đùi nai nướng rồi để lão lên đường, vừa đưa tay phải lên chỉ nơi bậc Đại sĩ đang ở, y vừa ngâm kệ:

1976. Đạo sĩ ôi, núi đằng xa,
Gandhamādana là Hương Sơn,
Nơi Vessantara vương,
Hiện đang sinh sống an thường với con.

1977. Mang hình dáng bậc La-môn,
Cán, thìa tế lễ, tóc đan bện vào,
Nằm trên đất, khoác tấm da,
Ngài thường tôn kính châm cao lửa hồng.

1978. Cây đằng xa đó, kia trông,
Trĩu cành sai quả xanh um sườn đồi,
Trong khi đỉnh núi cao vời,
Thăm đen đến tận mây trời ẩn thân.

1979. Keo cao, sālā, cát đằng,
Cùng nhiều cây khác nhẹ nhàng chuyển rung,
Khác nào một đám túy ông,
Lắc lư trong gió, người trông thấy hoài.

1980. Phía trên các nhánh cây cao,
Bầy chim lạnh lót hót ca, nhạc hòa,
Cu gáy, gà najjuha,
Chuyện cành nhảy nhót cây này cây kia.

1981. Lá cành xào xạc lác lư,
Như mời gọi khách, đón mừng hoan nghênh,
Làm vui lòng kẻ dừng chân,
Chính nơi ngai trú giữa rừng hoang sơ,
An vui cùng với con thơ,
Vessantara đại vương xuất trần.
1982. Mang hình dáng bậc La-môn,
Cán, thìa té lể, tóc đan bện vào,
Nằm trên đất, khoác tấm da,
Ngai thường tôn kính châm cao lửa hồng.
- Người này lại nói thêm để ca tụng vùng thảo am ấy:
1983. Nào xoài, nào quách, mít thơm,
Chiêu liêu, hồng táo, lại còn sālā,
Me rừng và mận anh đào,
Thêm cây vả với táo ta trầu cành.
1984. Đây cườm thị ánh màu vàng,
Nào đa, nào táo rừng đang hương nồng,
Có cây cam thảo vị ngon,
Cây sung trái chín ngọt đơm la đà.
1985. Lại thêm cây thị, chuối dài,
Giàn nho tuyệt diệu, chà là đường tươ,
Nơi đây nhiều mật ong thơm,
Tự mình cứ lấy rồi ăn thỏa lòng.
1986. Vài cây xoài mới trở bông,
Vài cây đậu trái đang đong đưa cành,
Vài cây trái chín, trái non,
Trái hai loại tựa ếch con xanh màu.
1987. Người nào đứng dưới cây xoài,
Hái bao nhiêu quả chín rồi nơi đây,
Thật ra dù sống, chín cây,
Sắc, hương, vị cũng đủ đầy, tuyệt ngon.
1988. Ôi! Làm ta phải reo lên,
Khi nhìn cảnh quá ngạc nhiên, phi thường,
Huy hoàng tựa cõi thiên đường,
Như Nandana, tức vườn Lạc Hoan.
1989. Cây dừa, thốt nốt hàng hàng,
Giao nhau tàu lá bạc ngàn rừng hoang,
Khác nào hoa chuối kết giăng,
Lại trông như các cờ tung cao vờ,

- Có hoa thắm đủ màu tươi,
Giống y vạn ánh sao trời điểm tô.
- 1990.** Cây kutaji, mía dò,
Cây quao, nguyệt quế núi bông đang mùa,
Thêm cây nguyệt quế thơm lòng,
Lài tây, ban trắng một vùng đơm bông.
- 1991.** Cây soma, gụ, trầm hương,
Mai dây vàng trĩu, cây thơm nhiều loài,
Cây dâu, cây dẻ, phượng hoa,
Các bông phủ rợp la đà cành cây.
- 1992.** Mai chỉ thiên, salala,
Keo trầm, gạo trắng, sa-kê, cọ phèn,
Sala bông trở đua chen,
Tựa như rom chắt ụ đầy vàng sân.
- 1993.** Gần bên rừng có một vùng,
Cảnh nơi đó đẹp, hài lòng khách nhân,
Xinh xinh hồ nước trong ngần,
Súng, sen xanh trắng tràn bờ phủ lên,
Khác nào vườn các thần tiên,
Chính Nandana, lạc viên trên trời.
- 1994.** Sơn ca, cu gáy hót hoài,
Làm cho khắp cả rừng, đòi âm vang,
Đắm say vì các hoa ngàn,
Nở ra theo đúng mùa màng quanh năm.
- 1995.** Hãy nhìn mật ngọt âm thầm,
Rơi rơi từng giọt trên tàng sen đây,
Và nghe ngọn gió hây hây,
Lướt đi nhẹ nhẹ từ Tây, Nam về,
Đến khi cả phấn, nhụy sen,
Được mang theo gió rắc trên am đây.
- 1996.** Biết bao dâu, lúa chín muối,
Mọc quanh vùng ấy thường rơi xuống hồ,
Tùng đàn cua, cá, trạch, rùa,
Phóng vào tìm kiếm say sưa miệt mài,
Mật tuôn từ củ sen tươi,
Như là bơ sữa tiết từ rễ sen.
- 1997.** Từng làn gió nhẹ đưa ngang,
Cỏ cây đủ loại mùi hương thơm lòng,

Hình như toàn bộ khu rừng,
Đắm say với các hoa, hương rợp đồi,
Bầy ong bay lượn khắp nơi,
Vo ve quanh quẩn những mùi hoa thơm.

1998. Rồi đàn chim tới đông hơn,
Chim kia đủ sắc lượn vờn loanh quanh,
Líu lo ca hát hân hoan,
Nhiều chim theo mái bay vòng đùa vui.

1999. Chim nơi hồ nước bốn loài,
Hót ca các tiếng chúc ngài nơi non:
“Vui yêu”, “vui sống với con”
“Con yêu” cùng “sống với con yêu” này.

2000. Muôn hoa giăng chuỗi viên quanh,
Như khi cò xí tung hoành lượn bay,
Hoa đầy màu sắc đẹp thay,
Hương thơm ngào ngạt thoảng bay xa gần,
Nơi kia cùng với các con,
Vessantara ân thân xuất trần.

2001. Mang hình dáng bậc La-môn,
Cán, thìa tế lễ, tóc đan bện vào,
Nằm trên đất, khoác tấm da,
Ngài thường tôn kính châm cao lửa hồng.

Người dân xứ Ceta miêu tả nơi cư trú của Vua Vessantara như vậy, khiến Jūjaka thích thú đáp lễ và chào y qua vắn kệ:

2002. Nhận đây bánh lúa mạch non,
Thầy đều được nhúng mật ong ngọt ngào.
Nhiều viên bánh mật khéo sao,
Ta nay đem biếu ông nào ăn đi!

Nghe vậy, người dân xứ Ceta đáp:

2003. “Cám ơn, tôi chẳng cần gì,
Giữ phần lương thực mà đi đường dài,
Lấy thêm lương thực tôi mời,
Rồi xin đạo sĩ đến nơi ông cần.

2004. Lối này ông hãy khởi hành,
Thẳng lên là tới thảo am ngay mà,
Ăn nhân là Accuta,
Răng đen, đầu bần, ly gia xuất trần,
Mang hình dáng bậc La-môn,
Cán, thìa tế lễ, tóc đan bện vào.

2005. Nằm trên đất, khoác tấm da,
Ngài thường tôn kính châm cao lửa hồng,
Đến kia và hỏi con đường,
Rồi ngài sẽ chỉ cho tường, Tôn ông.”

2006. Điều này nghe được vừa xong,
Lão quay bên phải đi vòng Ceta,
Rồi đi tìm Accuta,
Con tim rộn rã chan hòa hân hoan.

Chấm dứt phần *Mô tả khu rừng nhỏ*.

VII. MÔ TẢ KHU RỪNG LỚN

2007. Một hồi đi lão tới nơi,
Thấy người ẩn sĩ Accuta kia,
Thấy rồi lão tiến lại gần,
Như vậy lão vội ân cần hỏi thăm.

2008. “Thưa ngài, ngài được mạnh lành,
An khương, vô bệnh, sở hành hanh thông?
Việc thường hái lượm sống còn,
Được nhiều củ quả hay không hỏi ngài?”

2009. Ngài nay có bị quấy rầy,
Bởi bò sát, muỗi, mòng vây nơi rừng?
Hoặc bày dã thú thật hung,
Chúng hay tìm hại, tránh chừng dễ chăng?”

Vị khổ hạnh đáp:

2010. Cảm ơn! Ta vẫn mạnh lành,
An khương, vô bệnh, sở hành hanh thông,
Việc thường hái lượm sống còn,
Được nhiều củ quả, yên lòng thưa ông.

2011. Ta không phải bị quấy rầy,
Bởi bò sát, muỗi, mòng vây nơi rừng,
Hoặc bày dã thú thật hung,
Chúng hay tìm hại, tránh chừng được luôn.

2012. Biết bao nhiêu tháng năm ròng,
Mà ta đã sống trong vùng ẩn cư,
Những gì bệnh tật, ưu tư,
Ta không hề thấy khởi từ nội thân.

2013. Kính mừng ngài đến nơi này,
Một duyên hạnh ngộ, thưa Bà-la-môn,

Xin mời tiến bước vào trong,
Và xin hãy rửa chân xong, thưa ngài!⁸³

2014. Đây là cườm thị, mà-ca,
Đây là xoài trắng, quả nào cũng ngon,
Trái cây như thể mật ong,
Chọn ngay hạng nhất, La-môn ăn nào!⁸⁴

2015. Nước này mát lạnh ngọt ngào,
Chảy từ hang núi rất sâu trong rừng,
Xin mời uống, bậc La-môn,
Nếu như ngài muốn thỏa lòng khát khao.

Jūjaka nói:

2016. Tôi xin nhận vật ngài ban,
Và xin nhận lễ cúng dường, Tôn ông.
Tôi tìm con của vương quân
Saṅjaya bị lưu vong lâu rày,
Dân Sivi phán lệnh đây,
Xin cho tôi biết nơi ngài ẩn thân.

Vị khổ hạnh đáp:

2017. Ông tìm Sivi đại vương,
Mà không có ý thiện lương trong đầu,
Chắc ông cố ý mong cầu,
Chiếm vương phi của ngài đầu khó gì,
Kañhā cùng với Jāli,
Làm gia nô với nữ tỳ nhà ông.

2018. Hay ông tìm mẹ lẫn con,
Rồi ông dẫn họ vòng ra khỏi rừng,
Bởi vì ngài chẳng bạc vàng,
Không tài sản cũng không lương thực gì.

Nghe vậy, Jūjaka nói:

2019. Tôi không có ý xấu chi,
Cũng không đến để cầu xin ơn ngài,
Song nhìn người thiện tuyệt vời,
Vui thay sống với các người thiện lương.

2020. Tôi chưa từng thấy quân vương,
Chính ngài đã bị thân dân lưu đây,

⁸³ Tham chiếu câu kệ 2094, 2273 trong câu chuyện này; J. VI. 77, *Sāmajātaka* (Chuyện hiểu từ Sāma), số §540.

⁸⁴ Câu kệ 2014-15, đối chiếu với câu kệ 2094-95, 2274-75 trong câu chuyện này. Tham chiếu: J. IV. 430, *Sattigumbajātaka* (Chuyện anh vũ Sattigumba), số §503; J. V. 312, *Sona-Nanda-jātaka* (Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda), số §532; J. VI. 68, *Sāmajātaka* (Chuyện hiểu từ Sāma), số §540.

Tôi mong diện kiến vua này,
Xin ông cho biết nơi ngài ẩn cư.

Vị đạo sĩ kia tin lời lão:

– Được rồi, ngày mai ta sẽ nói với ông, chỉ cần ở lại đây với ta hôm nay.

Thế là vị ấy tiếp đãi lão đủ thứ củ quả rừng, và hôm sau, đưa tay phải ra chỉ đường cho lão. Vị ấy lại ngâm các vần kệ như trước:

2021. Đạo sĩ ôi, núi đặng xa,
Gandhamādana là Hương Sơn,
Nơi Vessantara vương,
Hiện đang sinh sống an thường với con.

2022. Mang hình dáng bậc La-môn,
Cán, thìa tế lễ, tóc đan bện vào,
Nằm trên đất, khoác tấm da,
Ngài thường tôn kính châm cao lửa hồng.

2023. Cây đặng xa đó, kìa trông,
Trữu cảnh sai quả xanh um sườn đồi,
Trong khi đỉnh núi cao vời,
Thăm đen đến tận mây trời ẩn thân.

2024. Keo cao, sāla, cát đặng,
Cùng nhiều cây khác nhẹ nhàng chuyển rung,
Khác nào một đám túy ông,
Lắc lư trong gió, người trông thấy hoài.

2025. Phía trên các nhánh cây cao,
Bầy chim lạnh lốt hót ca, nhạc hòa,
Cu gáy, gà najjuha,
Chuyển cảnh nhảy nhót cây này cây kia.

2026. Lá cành xào xạc lắc lư,
Như mời gọi khách, đón mừng hoan nghênh,
Làm vui lòng kẻ dừng chân,
Chính nơi ngài trú giữa rừng hoang sơ,
An vui cùng với con thơ,
Vessantara đại vương xuất trần.

2027. Mang hình dáng bậc La-môn,
Cán, thìa tế lễ, tóc đan bện vào,
Nằm trên đất, khoác tấm da vào,
Ngài thường tôn kính châm cao lửa hồng.

2028. Kareni nở từng chùm,
Tỏa lan vùng đất, um tùm đẹp tươi,

- Cỏ non xanh mọc khắp nơi,
Chốn kia không có bụi rơi đâu nào.
2029. Cỏ xanh tựa cỏ chim công,
Sờ vào êm dịu như bông khác nào,
Mọc không quá bốn tất cao,
Lúc nào cũng vậy, không bao giờ nhiều.
2030. Quách, xoài và mạn hồng đào,
Chùm sung lủng lẳng không cao, chín muồi,
Mọi cây có quả tốt tươi,
Mọc lên trong cánh rừng đồi xinh sao.
2031. Trong thơm dòng suối ngọt ngào,
Xanh như ngọc bích rì rào chảy ngang,
Tung tăng cá lội từng đàn,
Vui đùa lên xuống khe ngàn lượn quanh.
2032. Gần bên rừng có một vùng,
Cảnh nơi đó đẹp, hài lòng khách nhân,
Xinh xinh hồ nước trong ngần,
Súng, sen xanh trắng tràn bờ phủ lên,
Khác nào vườn các thần tiên,
Chính Nandana, lạc viên thiên đàng.
2033. Có ba chủng loại liên hoa,
Trong hồ khoe sắc cho ta thấy nào,
Sắc màu thay đổi biết bao,
Xanh lơ, đỏ thắm, trắng sao trắng ngần.
- Như vậy, vị ấy ca tụng hồ tứ giác kia và kể đó ca tụng hồ Mucalinda:
2034. Hoa kia êm dịu như len,
Hoa sen, súng trắng đua chen phủ đầy,
Điểm hoa cỏ kalamba,
Mucalinda chính tên của hồ.
2035. Ông nhìn sen nở thật to,
Nơi kia vô số lá hoa lục hồng,
Mùa hè hay đầu mùa đông,
Đều cao đến tận gối ông đây này!
2036. Hoa nhiều màu sắc đẹp thay,
Theo làn gió nhẹ hương bay dịu dàng,
Rồi ông nghe tiếng rộn ràng,
Của bầy ong đến theo làn hương đưa.
2037. Chung quanh bên nước bờ hồ,
Đứng thành một dãy cây to theo hàng,

- Kìa quao núi, nọ gáo vàng,
Đó cây ban trắng hoa giăng đầy cành.
- 2038.** Nào là cây cọ, cây quăng,
Pārijañña khoe cùng các hoa,
Cây vayana, phượng hoàng,
Đứng hai phía Mucalinda hồ.
- 2039.** Cỏ cây keo tỏa khí lành,
Thêm setapārisa, paddha,
Chân chim, ngũ thảo sắc tươi,
Lại cùng ban núi rạng ngời những hoa.
- 2040.** Muông hoàng yển, paṅgura,
Chùm ngậy, sela, la đà trĩu hoa,
Rồi cây đậu khấu, keta,
Hòa cùng cây trúc đào hoa đầy cành.
- 2041.** Trâm bầu hai dạng tranh nhau,
Mahānāma hoa màu thắm xinh,
Đầu cành rục rở hoa kìa,
Từ cây lâm vỏ đỏ tươi một vùng.
- 2042.** Nào cây bạch diệp, cây rum,
Nào cây hoa sữa, chuối rừng ở đây,
Dhanu, điền điền bông đầy,
Cây ngư mộc với cấm lai cũng đồng.
- 2043.** Chùm ngậy núi, thiên thảo đồi,
Hợp cùng trâm Ấn thơm ngời các hoa,
Lài tây, setageru,
Cam tùng hương, mía dò, kulāva.
- 2044.** Cả cây cỏ thụ, cây non,
Thả đều thẳng tắp, đơm bông đầy cành,
Mọc hai bên phía thảo am,
Tại nơi thờ lửa chung quanh cũng nhiều.
- 2045.** Và đây từ nước mọc lên,
Cây phaṇijjako chen hồ này,
Muggati, karati,
Hai loài đậu nước, rong, sīsaka.
- 2046.** Gió xô làn nước vào bờ,
Ong ruồi hút mật hingu bụi này,
Kìa là cây dāsima,
Kañjaka, kalamba la đà.

2047. La-môn nhìn các cội cây,
Dây leo elamphura phủ cùng,
Hương thơm tỏa ngát bảy hôm,
Cứ bay theo gió mà không phai tàn.
2048. Đẹp sao Mucalinda,
Hai bên hồ ấy đầy hoa tuyệt vời,
Súng xanh tươi thắm rạng ngời,
Khu rừng xinh xắn, gọi mời dừng chân.
2049. Hương hoa gió thoảng thơm lừng,
Tỏa cùng nửa tháng không ngừng bay xa,
Nào là hoa trắng, hoa xanh,
Nào cây đậu biếc các nhành trĩu hoa,
Rừng này khắp chốn mọc đầy
Kalerukkha, tulsi hoắc hương.
2050. Từng làn gió nhẹ đưa ngang,
Cỏ cây đủ loại mùi hương thơm lừng,
Hình như toàn bộ khu rừng,
Đắm say với các hoa, hương rợp đồi,
Bầy ong bay lượn khắp nơi,
Vo ve quanh quần hoa thơm đậu vào.
2051. Có thêm ba loại bí đao,
Mọc lên ở giữa hồ ao thế này,
Quả bằng bình nước trong tay,
Quả kia thật lớn sánh tày trống canh.
2052. Nhiều hành, hạt cải, xanh um,
Cây gì như dáng cọ dừa xòe ra,
Điểm tô thêm những súng xanh,
Nhiều hoa đến nổi ngát ngay được liền.
2053. Lan hoàng dương kế cây lài,
Hắc chiên-đàn ngát hương bay ngọt ngào,
Hoa nho nhỏ của bí bầu,
Gần vô ưu với cây bồ công anh.
2054. Đây là bụi thắm hoa vàng,
Bụi kia hoa đỏ xen cùng lài tây,
Đây hoa lâm vô loại dây,
Leo lên trên những cành cây rờ ràng.
2055. Bụi đây kàteruha,
Dây vāsantī, dây lài ngát ngây,

- Dây nhu, lải đại, thảo tây,
Padumuttara cây đẹp ngời.
- 2056.** Cây muồng hoàng yến hoa chào,
Cùng bông vải biên và quao núi này,
Đan xen như tấm lưới vàng,
Lại trông như lửa bùng ngang khu rừng.
- 2057.** Bao nhiêu là loại hoa tươi,
Mọc ra trong nước hay trời đất lên,
Chung quanh hồ nước thần tiên,
Hãy nhìn chúng sống đua chen quây quần.
- 2058.** Nơi kia cá sấu vẫy vùng,
Mọi loài thủy tộc ẩn thân hồ này,
Đàn cá chép, naḷapī,
Cá sừng, lợn biển từng bầy tới lui.
- 2059.** Mật ong, cam thảo ngọt thơm,
Kê vàng cùng các cây hương đậm đà,
Hai loài cỏ gấu, bạch hoa,
Lại thêm thảo dược tên lolupā.
- 2060.** Còn nhiều những loại mộc hương,
Cây lải tây với loại cây thân trường,
Paddhaka, loại kim ngân,
Cam tùng thảo, đậu hòa lan, jhāma.
- 2061.** Nghệ vàng và cỏ thạch thơm,
Cỏ hương hai loại vươn chồm lên cao,
Dạ hương, cây cọ lao xao,
Lại cam tùng thảo, si, long não kia.
- 2062.** Nơi kia sư tử, voi rừng,
Cọp vằn cùng với dạ-xoa mặt lù,
Từng bầy hươu đỏ, hươu sao,
Linh dương, nai hoẵng đáng cao lẹ làng.
- 2063.** Chó rừng và chó phốc hươu,
Chồn bay, sóc, chó lông màu cỏ lau,
Ba loài khi tới lao xao,
Linh dương ba loại chậm nhanh từng đàn.
- 2064.** Tê ngưu, gấu với heo rừng,
Hai loài nai lớn, bò rừng nhiều thay,
Sóc đen và cáo cả bầy,
Thật là vô số tụ đây từng đàn.

2065. Chó săn, trâu với dã can,
Tắc kè, beo gấm, cả đàn vượn leo,
Các con nai đốm, kỳ đà,
Cũng đồng có mặt ở trong rừng này.
2066. Thỏ rừng, sư tử, điều hâu,
Gà lôi, chim quạ cùng đàn nai tơ,
Chim công, chim trĩ thiếu chi,
Thiên nga lông trắng, đến đi chốn này.
2067. Gà gô bên phía gà rừng,
Đàn voi cùng cất tiếng kêu đáp lời,
Chim cò, chim diệc, le le,
Kuñja cùng với vādika, hai loài.
2068. Điều hâu đỏ, pampaka,
Các loài chim khác như là đa đa,
Kula, kapiñjara,
Gà lôi tìm tới, chim ưng bay về.
2069. Maddālaka, bhaṇḍu,
Chim piṅgulā, chim loài đa đa,
Chim aṅgahetuka,
Celakedu, celābaka, godhaka.
2070. Chim cu, bò cất đến đây,
Cú mèo, ưng biển, thật là vui thay,
Khu rừng đông đúc đủ loài,
Lú lo giọng hót, miệt mài mê say.
2071. Nơi này xuất hiện thêm loài,
Chim màu lục sẫm, hót lời du dương,
Vui cùng chim mái dễ thương,
Cất lên tiếng hót yêu đương trao lời.
2072. Nơi này có những chim trời,
Du dương âm giọng, là loài noãn sanh,
Lông đuôi nhiều sắc viền quanh,
Có đuôi mắt đẹp với vành trắng xinh.
2073. Nơi này có những con chim,
Du dương âm giọng, là loài noãn sanh,
Chim công vòng cổ lục xanh,
Cất lên tiếng hót, chuyện bàn đôi câu.
2074. Các con chim trĩ, sáo nâu,
Kulīra, gõ kiến, kadamba,

- Pokkharasātaka,
Đại bàng đen, kết, quạ cùng nhau kêu.
- 2075.** Nơi này có rất là nhiều,
Chim nalaka trắng, vàng, đỏ hung,
Diều hâu, chim kết, chim cu,
Kadamba với hiṅgurāja.
- 2076.** Chim ưng, ó biển, thiên nga,
Atibala, pākahamṣa,
Chim parivadantika,
Bồ nông với dạng gà rừng, gà lôi.
- 2077.** Có chim vàng nhật thiên nga,
Bồ câu, hồng hạc, nadīcara,
Uy nghi tinh tế đại bàng,
Ngày đêm cất giọng rộn ràng vang xa.
- 2078.** Nơi này lại có thêm loài,
Chim nhiều màu sắc tới lui rất thường,
Vui cùng chim mái dễ thương,
Cất lên tiếng hót yêu đương trao lời.
- 2079.** Nơi này cũng có một loài,
Chim nhiều màu sắc tới lui rất thường,
Các chim hòa điệu du dương,
Lú lo hai phía Mucalinda.
- 2080.** Nơi này karaviya,
Loài chim cu khác bay qua cũng thường,
Vui cùng chim mái dễ thương,
Cất lên tiếng hót yêu đương trao lời.
- 2081.** Nơi này karaviya,
Loài chim cu khác bay qua cũng thường,
Tất cả hòa điệu du dương,
Lú lo hai phía Mucalinda.
- 2082.** Khu rừng còn có loài voi,
Linh dương, các loại hươu nai thiếu gì,
Lòng thông các loại dây leo,
Thấy loài nai quý lướt vèo đến đi.
- 2083.** Nơi kia hạt cải, mía cây,
Nhiều loài lúa núi mọc dày cao vượn,
Lại thêm loại sắn dây rừng,
Lúa thơm sālī trồng không cần cày.

2084. Đàng kia có lối đường mòn,
Đưa ông đến chốn ẩn thân của ngài,
Nơi kia đói khát không ai,
Cũng không hề thấy mây may chán chường,
Nơi kia cùng với các con,
Vessantara đại vương lánh trần.
2085. Mang hình dáng bậc La-môn,
Cán, thìa tế lễ, tóc đan bện vào,
Nằm trên đất, khoác tấm da,
Ngài thường tôn kính châm cao lửa hồng.
2086. Việc này khi đã nghe xong,
Quanh ngài bên phải, lão vòng bước ra,
Đi tìm Vessantara,
Tâm hồn rộn rã chan hòa niềm vui.
- Chấm dứt phần *Mô tả khu rừng lớn*.

VIII. CHUYỆN VỀ HAI ĐỨA TRẺ

Jūjaka tiếp tục đi theo con đường ẩn sĩ Accuta đã chỉ cho lão và đến tận hồ tứ giác. Lão nghĩ: “Bây giờ là chiều tối rồi. Giờ này Maddī đã trở về từ rừng và đàn bà thường hay cản trở việc thí tặng. Ngày mai, khi bà ấy đã đi vào rừng, ta sẽ đến nơi ẩn cư gặp Vessantara và xin ngài các đứa trẻ kia, rồi trước khi bà trở về, ta phải đem chúng đi ngay.” Thế là lão trèo lên ngọn đồi bằng phẳng không xa mấy và nằm xuống một nơi êm ái.

Bấy giờ, khoảng rạng sáng ngày hôm sau, Maddī nằm mộng thấy như vậy: Một người đàn ông da đen mặc hai y vàng, đeo vòng hoa đỏ, bước vào lều cỏ chụp lấy tóc trên đầu Maddī và lôi nàng ra ngoài, ném nàng nằm ngửa trên đất. Và trong lúc nàng kêu thét, gã móc hai mắt nàng ra, chặt hai tay, cắt xẻ lồng ngực nàng, kéo tim nàng ra máu chảy rùng rùng và đem quả tim nàng đi mất. Nàng kinh hoàng thức dậy và nghĩ: “Ta vừa thấy một cơn ác mộng. Ta không có ai ở đây trừ Vessantara giải thích mộng này, vậy ta phải hỏi ngài việc này.” Rồi nàng đi đến lều của bậc Đại sĩ và gõ cửa.

- Ai đó?
- Tâu Chúa công, thiếp là Maddī đây.
- Này hiền thê, sao nàng đến đây phi thời và phá lời giao kết của chúng ta?
- Tâu Chúa công, thiếp đến đây không phải vì ham muốn gì mà vì thiếp vừa thấy ác mộng.
- Vậy nàng hãy nói cho ta biết, Maddī.

Nàng kể lại giấc mộng đã hiện ra. Bậc Đại sĩ hiểu ngay ý nghĩa giấc mộng này và suy nghĩ: “Sự bố thí của ta sắp thành tựu viên mãn. Hôm nay sẽ có người đến cầu xin các con ta. Ta sẽ an ủi Maddī và để nàng ra về.” Vì thế, ngài bảo:

– Tâm trí nàng chắc hẳn bị xao động vì ngủ không an giấc hay ăn khó tiêu đó thôi. Đừng sợ gì cả!

Ngài giả vờ lấy cơ này an ủi nàng và để nàng đi ra. Khi trời sáng dần, nàng làm tất cả mọi việc xong, ôm hôn đầu các con và nói:

– Hôm qua mẹ gặp cơn ác mộng, các con hãy cẩn thận nhé!

Rồi đem hai con giao cho bậc Đại sĩ, nàng xin ngài chăm sóc các con rồi lấy thúng, cốc, xeng, lau nước mắt và đi vào rừng hái củ quả.

Còn Jūjaka nghĩ lúc ấy nàng đã đi rồi liền từ trên đồi đi xuống theo con đường mòn tiến về phía am lá. Bậc Đại sĩ vừa ra khỏi am và ngồi xuống trên một phiến đá như một bức tượng bằng vàng. Ngài suy nghĩ: “Bây giờ người cầu ân sắp đến rồi”, như một người nghiện rượu đang thêm khát rượu và ngồi ngắm con đường mà kẻ kia sắp đến. Các con ngài đang chơi đùa quanh quần bên chân ngài. Và trong lúc ngài ngắm con đường, ngài thấy lão Bà-la-môn đang đến, như thể trọng trách bố thí trong suốt bảy tháng được đặt xuống nay ngài lại mang lên, ngài reo mừng:

– Này Bà-la-môn, hãy đến đây mau!

Rồi ngài ngấm kệ với bé trai Jāli:

2087. Jāli, hãy đứng lên con,
Ngắm xem kìa lão La-môn đến rồi,
Chính thời xưa đã tái hồi,
Làm ta tràn ngập niềm vui chan hòa.

Nghe vậy, cậu bé đáp:

2088. Vâng vâng, phải đấy thưa cha,
Con đang nhìn thấy lão Bà-la-môn,
Hình như lão đến cầu ân,
Hắn là vị khách đang cần nhà ta.

Cùng với những lời này, cậu muốn bày tỏ lòng cung kính lão liền đứng lên từ chỗ ngồi và đi ra đón lão Bà-la-môn, xin xách giùm hành lý của lão. Lão Bà-la-môn nhìn cậu và nghĩ: “Đây hẳn là Jāli, con trai Vessantara, ngay từ đầu, ta phải nói năng thô lỗ với nó mới được.” Thế là lão búng ngón tay ra phía cậu và hét to:

– Thôi cút đi! Cút đi!

Cậu bé suy nghĩ: “Bà-la-môn này, không biết người đâu mà thô lỗ thế?” Rồi nhìn kỹ thân lão, cậu nhận thấy lão có đủ mười tám dị tật của con người. Lão Bà-la-môn đến gần Bô-tát và vừa cung kính chào ngài vừa nói:

2089. Thừa ngài, ngài được mạnh lành,
An khương, vô bệnh, sở hành hanh thông?
Việc thường hái lượm sống còn,
Được nhiều củ quả hay không hỏi ngài?

2090. Ngài nay có bị quấy rầy,
Bởi bò sát, muỗi, mòng vây nơi rừng?
Hoặc bầy dã thú thật hung,
Chúng hay tìm hại, tránh chừng dễ chăng?

Bồ-tát từ tốn đáp lại:

2091. Cám ơn! Ta vẫn mạnh lành,
An khương, vô bệnh, sở hành hanh thông,
Việc thường hái lượm sống còn,
Được nhiều củ quả, yên lòng thừa ông.

2092. Ta không phải bị quấy rầy,
Bởi bò sát, muỗi, mòng vây nơi rừng,
Hoặc bầy dã thú thật hung,
Chúng hay tìm hại, tránh chừng được luôn.

2093. Sống đây đã bảy tháng trường,
Chúng ta buồn bã trong rừng hoang sơ,
Chẳng hề từ trước đến giờ,
Được trông thấy một vị Bà-la-môn,
Như nay nhìn thấy Tôn ông,
Khác nào thấy được thần nhân thể này,
Gậy bầu nâu gỗ cầm tay,
Đồ dùng tế lửa muông, bình nước đây.

2094. Kính mừng ngài đến nơi này,
Một duyên hạnh ngộ, thừa Bà-la-môn,
Xin mời tiên bước vào trong,
Và xin hãy rửa chân xong, thừa ngài!⁸⁵

2095. Đây là cườm thị, mà-ca,
Đây là xoài trắng, quả nào cũng ngon,
Trái cây như thể mật ong,
Chọn ngay hạng nhất, La-môn ăn nào!⁸⁶

⁸⁵ Xem câu kệ 2013, 2273 trong câu chuyện này. Tham chiếu: J. V. 317, *Sona-Nanda-jātaka* (Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda), số §532; J. VI. 77, *Sāmajātaka* (Chuyện hiểu từ Sāma), số §540.

⁸⁶ Hai câu kệ 2095-96, đối chiếu với câu kệ 2014-15, 2274-75 trong câu chuyện này. Tham chiếu: J. IV. 432, *Sattigumbajātaka* (Chuyện anh vũ Sattigumba), số §503; J. V. 317, *Sona-Nanda-jātaka* (Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda), số §532; J. VI. 77, *Sāmajātaka* (Chuyện hiểu từ Sāma), số §540.

- 2096.** Nước này mát lạnh ngọt ngào,
Chảy từ hang núi rất sâu trong rừng,
Xin mời uống, bậc La-môn,
Nếu như ngài muốn thỏa lòng khát khao.

Nói lời này xong, bậc Đại sĩ suy nghĩ: “Chẳng phải lão Bà-la-môn đến khu rừng rậm này mà không có duyên cớ. Ta phải hỏi lão lý do ngay lập tức.” Rồi ngài ngâm kệ:

- 2097.** Nói cho ta biết nguyên nhân,
Lý do nào khiến Tôn ông lên đường,
Đầy đưa ông tận rừng hoang,
Xin ông hãy nói rõ ràng ta hay!

Jūjaka đáp:

- 2098.** Giống như hồng thủy ngập đầy,
Và không hề có một ngày nào vơi,
Thần nay muốn đến xin ngài,
Ban cho thần được cả hai con nhà.

Nghe điều này, bậc Đại sĩ hân hoan trong lòng như thể người đang tay đưa ra chiếc túi cả ngàn đồng tiền, rồi ngài ngâm kệ vang tới tận chân núi:

- 2099.** Ban ân ta chẳng chần chừ,
Ông là chủ chúng, xin mời dẫn đi,
Sáng nay thì vắng vương phi,
Để tìm thực phẩm, chiều về đến đây.
- 2100.** Xin ông ở lại đêm nay,
Sáng mai, ông sẽ đi ngay lên đường.
Tắm con, bà xúc dầu thơm,
Và quàng cho chúng những tràng hoa tươi.
- 2101.** Đêm nay ở lại, xin ông,
Sáng mai vừa hé vầng đông lên đường,
Hai con sẽ được điểm trang,
Với nhiều hoa đẹp mùi hương ngọt ngào,
Rồi ông đem chúng đi mau,
Cùng nhiều củ quả dồi dào thức ăn.

Jūjaka đáp:

- 2102.** Thừa không, trình tấu Đại vương,
Thần đi, chẳng dám vãn vương nơi này,
E rằng trở ngại gì đây,
Sẽ ngăn cản bước chân ngay trên đường.
- 2103.** Nữ nhân chẳng phải rộng lòng,
Phát ban thường vẫn cản ngăn cố tình,

Biết nhiều mưu kế thông minh,
Thường hay lạc lối, ác hành tạo nên.

2104. Người ban bố với niềm tin,
Đừng cho trẻ gặp mẹ nhìn bản khoãn,
Nếu không bà sẽ cản ngăn,
Tâu Quân vương, tiểu thần mong lên đường.

2105. Xin ban vương tử, công nương,
Đừng cho trẻ thấy mặt vương phi này,
Người ban bố, tín tâm đầy,
Thì công đức ấy càng ngày càng tăng.

2106. Xin ban vương tử, công nương,
Đừng cho trẻ thấy mặt vương phi này,
Người cho kẻ giống thần đây,
Đi lên thiên giới thẳng ngay tức thì.

Vessantara nói:

2107. Nếu không muốn thấy vương phi,
Trung thành tận tụy hiền thê quả là,
Hãy đưa Jāli, Kanhā,
Đi thăm tổ phụ vương gia trên đường.

2108. Khi nhìn đôi trẻ dễ thương,
Nói năng dịu ngọt đến gần vương gia,
Ngài đầy hỷ lạc, chan hòa,
Sẽ ban cho lắm của quả đến ông.

Jūjaka đáp:

2109. Thần e làm hỏng hành trang,
Thần xin ngài, hỡi ông hoàng nghe đây,
Phụ vương trừng trị thần ngay,
Hoặc sai giết, bán thân này còn chi,
Không tiền của, chẳng nô tỳ,
Thì bà nội tướng cười chê trăm đường.

Vessantara nói:

2110. Khi nhìn đôi trẻ dễ thương,
Nói năng dịu ngọt đến gần vương quân,
Vị vua cấp dưỡng toàn dân,
Sivi quốc, vốn công bằng chánh chân,
Ngài sanh hỷ lạc ngập tràn,
Sẽ ban ông lắm bạc vàng khỏi lo.

Jūjaka đáp:

2111. Không, thần không thể nghe lời,
 Làm điều này nợ mà ngài đưa ra,
 Thần mong đem bọn trẻ thơ,
 Để về hầu hạ vợ nhà đó thôi!

Đôi trẻ nghe những lời thô lỗ ấy liền sợ hãi lẫn trốn ra sau lều tranh rồi chạy khỏi lều giấu mình gần một bụi cây. Rồi chúng nghĩ Jūjaka cũng có thể đến chỗ này bắt mình đi. Chúng run sợ không thể đứng yên nơi nào cả mà cứ chạy loanh quanh cho tới khi đến bờ hồ tứ giác kia, chúng quần chặt bộ áo vỏ cây quanh mình và nhảy xuống nước, đứng giấu đầu dưới đám lá sen.

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

2112. Jāli chạy tới chạy lui,
 Cùng Kanhā, chúng đứng ngồi không an,
 Trong niềm đau khổ muôn vàn,
 Khi nghe lời nói hung hăng theo mình.

Và Jūjaka, khi chẳng thấy bóng dáng đôi trẻ đâu liền quở trách Bồ-tát:

– Này Vessantara, khi ngài vừa cho ta đôi trẻ, bây giờ ngay lúc ta bảo ngài là ta không muốn đến thành Jetuttara mà chỉ muốn dẫn đôi trẻ về hầu hạ vợ ta thì ngài ra hiệu cho chúng và khiến chúng chạy trốn mất rồi ngồi đó làm ra vẻ chẳng biết gì! Ta chắc trên đời chẳng có ai dối trá như vậy!

Bậc Đại sĩ thấy lòng xúc động: “Chắc chắn chúng nó đã chạy trốn.” Ngài suy nghĩ và nói to:

– Đừng lo gì việc ấy, này Tôn ông, ta sẽ đem chúng về.

Thế là ngài đứng dậy đi ra sau am lá, nhận thấy chúng có lẽ đã trốn vào rừng, ngài đi theo dấu chân chúng dẫn đến bờ hồ, rồi vừa thấy dấu chân ở nơi chúng bước xuống hồ, ngài nghĩ chắc hẳn chúng đã lặn xuống nước, vì thế ngài gọi to:

– Này Jāli con ơi!

Và ngài ngâm hai vần kệ này:

2113. Con trai yêu, tới đây nhanh!
 Hãy làm đạo hạnh hoàn thành cho cha,
 Đến đây thánh hóa tim ta,
 Hãy theo ý nguyện của cha đến cùng.

2114. Con làm thuyền vững băng dòng,
 Cho cha vượt biển sinh tồn bình yên,
 Đến bờ kia khỏi sự sinh,
 Cha nguyện đưa cả nhân thiên thoát dòng.

Ngài kêu to:

– Này Jāli, hãy đến đây con ơi!

Cậu bé nghe giọng cha nghĩ thầm: “Cứ để lão Bà-la-môn làm gì ta mặc ý, ta không muốn cãi cò với cha ta.” Cậu bé ngẩng đầu lên, rẽ các lá sen và bước ra khỏi nước, nhào đến trên chân phải của bậc Đại sĩ, ôm chặt lấy chỗ mắt cá chân và khóc.

Sau đó, bậc Đại sĩ nói:

– Này con, em gái con đâu?

Cậu đáp:

– Mọi chúng sanh đều biết tự bảo vệ mình lúc gặp hiểm nguy.

Bậc Đại sĩ nhận ra rằng chắc hẳn các con đã giao kết với nhau rồi nên ngài kêu to:

– Đến đây Kanhā!

Và ngài ngâm hai vần kệ:

2115. Này con gái quý, tới nhanh!

Hãy làm đạo hạnh hoàn thành cho cha,

Đến đây thánh hóa tim ta,

Hãy theo ý nguyện của cha đến cùng.

2116. Con làm thuyền vững băng dòng,

Cho cha vượt biển sinh tồn bình yên,

Đến bờ kia khỏi sự sinh,

Cha nguyện kéo cả nhân thiên thoát dòng.

Cô bé cũng suy nghĩ: “Ta không muốn cãi cò với cha ta”, và chỉ chốc lát, cô bước ra khỏi nước, ngã vào chân trái của cha, nắm chặt chỗ mắt cá chân và khóc. Nước mắt hai trẻ thơ nhỏ xuống chân bậc Đại sĩ có màu như hoa sen nở lớn, và nước mắt ngài chảy xuống lưng chúng có màu như phiến vàng. Sau đó, bậc Đại sĩ nâng hai con lên và an ủi chúng:

– Này con trai Jāli, con không biết cha giàu lòng bố thí sao? Hãy làm thế cho ước nguyện của cha được thành tựu!

Và ngay lúc ấy, ngài định giá hai con như thể người ta định giá trâu bò. Ngài bảo con trai:

– Này con Jāli, nếu con muốn được tự do, con phải trả cho đạo sĩ này một ngàn đồng vàng. Còn em gái con đẹp lắm, nếu có người nào thuộc dòng hạ đẳng đưa cho đạo sĩ này một số tiền nhiều độ như thế, như thế để trả tự do cho em con thì người ấy sẽ phá hủy quyền quý tộc của nó. Không ai trừ nhà vua mới có thể ban tặng tất cả vật theo số trăm. Vì vậy, nếu em con muốn được tự do, phải trả cho đạo sĩ một trăm nô tài, một trăm nữ tỳ và voi, ngựa, bò đực, tiền vàng, mỗi thứ đều một trăm.

Ngài định giá hai con như vậy xong rồi an ủi vỗ về chúng và đưa chúng trở lại am tranh. Sau đó, ngài lấy nước trong bình ra, gọi đạo sĩ đến gần, vừa rót nước vừa cầu nguyện cho ngài đạt thành Chánh giác:

– Này Bà-la-môn, còn đáng quý hơn con trai ta cả trăm, cả ngàn, cả trăm ngàn lần là quả vị Chánh giác!

Ngài kêu lớn làm cho cối đất vang dội rồi ngài đem hai con làm tặng vật quý báu cho lão Bà-la-môn. Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm kệ:

2117. Bậc làm hưng thịnh xứ Sivi,
Bèn dẫn con Kanhā, Jāli,
Ngài tặng cả hai con trẻ ấy
Cho La-môn đạo sĩ mang đi.

2118. Bậc làm hưng thịnh xứ Sivi,
Bèn dẫn con Kanhā, Jāli,
Ngài tặng con, tài sản quý nhất,
Cho La-môn đạo sĩ mang đi.

2119. Việc này thật sự khiến bàng hoàng!
Và việc này làm rụng tóc lông!
Vào lúc các con được tặng thí,
Đất bằng bỗng rung động âm vang!⁸⁷

2120. Việc này thật sự khiến bàng hoàng!
Và việc này làm rụng tóc lông!
Khi bậc làm hưng thịnh Sivi,
Đại vương khởi chấp tay dâng ban,
Các con đang sống an vui ấy,
Đến trực tiếp cho Bà-la-môn.

Khi bậc Đại sĩ đã bố thí xong, ngài đầy hân hoan, nghĩ rằng tặng vật ngài ban thật tuyệt hảo làm sao trong khi ngài đứng nhìn hai con. Còn lão Jūjaka đi vào rừng, dùng răng cắn đứt một nhánh cây leo, lấy buộc tay bên phải cậu bé vào tay trái cô bé và vừa xua chúng đi vừa đánh chúng bằng đầu dây leo ấy.

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

2121. Lão đạo sĩ kia độc ác thay,
Dùng răng cắn đứt dây leo dài,
Buộc dây vào cánh tay đôi trẻ,
Lấy một đầu dây đánh chúng đi.

2122. Rồi đạo sĩ kia, gậy dưới tay,
Cầm dây leo ấy chặt trong tay,
Đánh bầy con trẻ và xua chúng,
Trước mắt nhìn theo của chính ngài.

⁸⁷ Xem câu kệ 1672, 1807, 2280 trong câu chuyện này. Tham chiếu: D. II. 72, *Mahāparinibbānasutta* (Kinh Đại Bát-niết-bàn), số 16; S. I. 157, *Parinibbānasutta* (Kinh Bát-niết-bàn); Thag. v. 1018, *Ānandattheragāthā* (Kệ ngôn của Trưởng lão Ānanda).

Nơi nào lão đánh chúng, da đều bị tép ra và chảy máu, chúng lão đảo dựa lưng nhau mà đi, nhưng đến một chỗ gồ ghề, lão vấp té nhào. Bàn tay yếu mềm của đôi trẻ tuột ra khỏi sợi dây trời và chúng vừa khóc vừa chạy về phía bậc Đại sĩ. Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

- 2123.** Đôi trẻ như vậy được thoát thân,
Chạy bay khỏi lão Bà-la-môn,
Bé trai nhìn mặt cha khi ấy,
Đôi mắt đong đầy dòng lệ tuôn.
- 2124.** Bé trai lễ chân cha mà run,
Như gió thổi lay động lá sung,
Vừa lúc lễ cha xong, cậu ấy,
Nói cùng với vị cha lời rằng.
- 2125.** “Sao cha muốn bỏ lũ con thơ,
Trong lúc mẹ đang phải vắng nhà?
Cha đợi đến khi gặp được mẹ,
Lúc này cha hãy quyết lòng cho!
- 2126.** Sao cha muốn bỏ lũ con thơ,
Trong lúc mẹ đang phải vắng nhà?
Đừng bỏ chúng con, cha kính quý,
Đợi khi mẹ trở lại, con chờ,
Rồi tùy ý đạo sĩ kia muốn,
Mặc lão bán hay giết trẻ thơ!
- 2127.** Chân lão to dày, móng xin dơ,
Thịt u xệ xuống tựa bao da,
Môi trên dài trớt ra run rẩy,
Mũi gãy, đen sì thật khó ưa!
- 2128.** Bụng như cái chậu, chiếc lưng còng,
Đôi mắt nhìn sao lé đứng tròn,
Đầy vết nhăn nheo và lốm đốm,
Râu màu hung đỏ, tóc hoe vàng.
- 2129.** Mắt vàng đỏ lảo liên như mèo,
Chân dị, dáng người gập quắt queo,
Thô lớn, áo da dê bó sát,
Không như người, khiến hãi kinh ghê!
- 2130.** Lão là người hay quý dạ-xoa,
Máu uống, thịt ăn, giết chúng sanh,
Con quý tới làng, rừng vắng vẻ,
Xin cha bố thí của, ban ân?

2131. Khi quỹ dữ kia dắt chúng con,
 Sao cha nhìn ngó dừng dưng lòng?
 Phải chăng cha có tim bằng đá,
 Buộc thêm sợi thép chặt mấy vòng?
2132. Người chẳng biết con bị La-môn,
 Rất hung tợn, thấy của cầu mong,
 Trói gô rồi đánh chúng con mãi,
 Như trâu bò phải chạy long rong?
2133. Ít nhất, con xin cầu khẩn cha,
 Cho em ở lại, bé Kạnhã,
 Em như nai nhỏ đang còn bú,
 Chẳng biết gì, khóc do lạc nhà.”

Nghe những lời này, bậc Đại sĩ không đáp lại tiếng nào. Sau đó, cậu bé lại khóc than vì cha mẹ mình:

2134. Con chẳng cho đây là khổ thân,
 Vì là số phận mọi thường nhân,
 Nhưng không thấy bóng hình từ mẫu,
 Quả thật là điều đáng khổ buồn.
2135. Con chẳng cho đây là khổ thân,
 Vì là số phận mọi thường nhân,
 Nhưng không nhìn thấy hình thân phụ,
 Quả thật là điều đáng khổ buồn.
2136. Chắc hẳn mẹ đây sẽ rất sầu,
 Khóc than trong suốt thời gian lâu,
 Khi không gặp Kạnhājina,
 Con gái dễ thương, đáng quý yêu.
2137. Chắc hẳn cha đây sẽ rất sầu,
 Khóc than trong suốt thời gian lâu,
 Khi không gặp Kạnhājina,
 Con gái dễ thương, đáng quý yêu.
2138. Chắc hẳn mẹ đây sẽ rất sầu,
 Khóc than suốt ở nơi am tranh,
 Khi không gặp Kạnhājina,
 Con gái dễ thương, đáng quý yêu.
2139. Chắc hẳn cha đây sẽ rất sầu,
 Khóc than suốt ở nơi am tranh,
 Khi không gặp Kạnhājina,
 Con gái dễ thương, đáng quý yêu.

2140. Chắc hẳn mẹ đây sẽ rất sầu,
Khóc than trong suốt thời gian lâu,
Nửa đêm hoặc lúc không an giấc,
Tương tự dòng sông sẽ cạn khô.
2141. Chắc hẳn cha đây sẽ rất sầu,
Khóc than trong suốt thời gian lâu,
Nửa đêm hoặc lúc không an giấc,
Tương tự dòng sông sẽ cạn khô.
2142. Những cây hồng táo, vedisa,
Cây ngũ trảo thường mọc ở đây,
Ôi! Cả rừng cây đủ loại cả,
Từ nay giã biệt ta đi xa!
2143. Cây sung, cây mít với cây đa,
Lại có tra bồ-đề tỏa ra,
Ôi! Cả rừng cây đủ loại quả,
Từ nay giã biệt ta đi xa!
2144. Đứng kia như một vườn nên thơ,
Dòng suối mát trôi thật lặng lẽ,
Nơi chốn ngày xưa đùa giỡn ấy,
Ngày nay giã biệt ta đi xa!
2145. Và có bao nhiêu là loại hoa,
Trổ đơm trên núi đồi gần xa,
Các hoa ta trước đây thường đội,
Nay giã biệt ta đi khỏi mà!
2146. Và có bao nhiêu loại quả ngon,
Kết trên đồi núi chín ngọt giòn,
Quả này ta trước đây hay thọ,
Nay giã biệt ta vượt núi non!
2147. Xinh xinh, nhỏ nhắn các đồ chơi,
Ngày trước ta đùa giỡn chúng hoài,
Bầy ngựa, trâu bò, voi đủ thứ,
Ngày nay ta cũng phải xa rời!

Mặc dù cậu than khóc như vậy, lão Jūjaka vẫn đến xoa đánh đem cậu đi cùng em gái. Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm kệ:

2148. Hai con trẻ nói với người cha,
Trong lúc bị đưa đẩy thật xa:
“Mong mẹ hiền con được mạnh khỏe,
Và mong hạnh phúc đến cho cha!

VIII. ĐOẠN GIỮA

Ba ngày trôi qua, bậc Đại sĩ thuyết giáo như vậy cho vợ con, thân tộc, bạn hữu cùng nhiều người khác đã xong. Khi biết thời hạn đã mãn, từ tinh sương, sau khi tắm và dùng bữa ăn đầy cao lương mỹ vị, ngài bảo:

– Ta sẽ tạ từ đức vua và ra đi cùng chàng thiếu niên này.

Rồi ngài đi đến cung vua cùng với đám quyến thuộc vây quanh, đánh lễ vua rồi đứng sang một bên, nhún nhủ đôi lời cần thiết, thích đáng.

Bậc Đạo sư tả cảnh ấy như sau:

- 1518.** Khi đã khuyên răn, nhún nhủ vậy,
Đến thân bằng, quyến thuộc cùng hay,
Bậc Hiền trí bước cùng bằng hữu,
Tiến thẳng hoàng cung của đức ngài.
- 1519.** Đê đầu đánh lễ dưới chân vua,
Vai phải nghiêng nghiêng hướng đức vua,
Vidhura hai tay chấp lại,
Bậc Hiền trí tấu những lời sau.
- 1520.** “Thiếu sinh này sẽ dẫn thần đi,
Sử dụng thần theo ý của y,
Thần muốn tâu trình vì quyến thuộc,
Cúi xin đáng chiến thắng nghe bày.
- 1521.** Mong ngài trông đến các con thần,
Và của cải đang có tại gia,
Để lúc thần đi xa biệt dạng,
Không lo tổn quyến thuộc, người thân.
- 1522.** Giống đi trên đất trượt bàn chân,
Người phải tựa đất mà đứng lên,
Cú trượt của thần đây cũng vậy,
Xin thừa nhận lỗi này nơi thần!”

Vua nghe vậy liền bảo:

– Nay bậc Trí giả, trẫm không muốn khanh ra đi chút nào cả. Trẫm sẽ tìm cách triệu chàng thiếu sinh ấy đến rồi giết gã đi và lấy chiếu bó giầu xác.

Vua giải thích việc này qua vắn kệ:

- 1523.** Nay khanh, không thể bước đi ra,
Đây chính điều cương quyết của ta.
Khi đã giết xong chàng trẻ ấy,
Khanh cần ở lại chốn này mà.

Dầu đó gia nô nam hoặc nữ,
Hay người hầu hạ khác cho ta.

- 2157.** Ta cũng tựa như con cá rôi,
Bị giam cầm giữa bầy giăng môi,
Ta không thể thấy con yêu dấu,
Bị lão mắng và đánh chằng thôi.

Vì thương con, những tư tưởng này hiện ra trong trí bậc Đại sĩ, ngài không thể chịu được nỗi đau khổ khi nghĩ đến lão Bà-la-môn đánh đập tàn nhẫn con ngài như thế nào nên ngài định đi tìm lão và giết lão rồi đem các con về. Nhưng không, ngài lại nghĩ: “Làm thế là sai lầm. Bố thí rồi lại hối tiếc vì nỗi khổ của con trẻ quá lớn lao thì đó không phải là cách của người chân chánh.”

Hai vần kệ sau đây chứa đựng những suy tư trên, soi sáng vấn đề này:

- 2158.** Ô, ta sẽ lấy theo cây cung,
Bên trái buộc thanh kiếm cạnh sườn,
Ta dẫn các con mình trở lại,
Cực hình con trẻ thật bi thương!

- 2159.** Việc nghĩ rằng con sẽ mạng vong,
Ta mang khổ ấy là sai không,
Sau khi biết cách của người thiện,
Ai lại cho rồi tiếc của công?

Trong lúc có mặt bậc Đại sĩ, lão Jūjaka cũng đánh đập đôi trẻ kia khi lão dẫn chúng đi đường. Cậu bé lại than khóc:

- 2160.** Lời thế này nghe được đúng thay,
Người đời một số nói như vậy,
“Người nào không mẹ mình bên cạnh,
Cha thế này, như chẳng có ai!”

- 2161.** Đến đây em hỡi, bé Kanhā!
Rồi chúng ta đây sẽ chết mà,
Đời chẳng còn gì ý nghĩa nữa,
Khi vua tặng lão chúng ta vầy,
Bà-la-môn thật quá hung ác,
Xem tựa trâu bò, lão đánh ta.

- 2162.** Những cây hồng táo, vedisa,
Cây ngũ trảo thường mọc ở đây,
Ôi! Cả rừng cây đủ loại cả,
Từ nay giã biệt ta đi xa!

- 2163.** Cây sung, cây mít với cây đa,
Lại có tra bồ-đề tỏa ra,

Ôi! Cả rừng cây đủ loại quả,
Từ nay già biệt ta đi xa!

2164. Đứng kia như một vườn nên thơ,
Dòng suối mát trôi thật lặng lẽ,
Nơi chốn ngày xưa đùa giỡn ấy,
Ngày nay già biệt ta đi xa!

2165. Và có bao nhiêu là loại hoa,
Trổ đơm trên núi đồi gần xa,
Các hoa ta trước đây thường đội,
Nay già biệt ta đi khỏi mà!

2166. Và có bao nhiêu loại quả ngon,
Kết trên đồi núi chín ngọt giòn,
Quả này ta trước đây hay thọ,
Nay già biệt ta vượt núi non!

2167. Xinh xinh, nhỏ nhắn các đồ chơi,
Ngày trước ta đùa giỡn chúng hoài,
Bầy ngựa, trâu bò, voi đủ thứ,
Ngày nay ta cũng phải xa rời!

Lần nữa, lão Bà-la-môn lại ngã vào một nơi gồ ghề và sợi dây sút ra khỏi tay lão, hai đứa trẻ run rẩy như đôi chim bị thương chạy một mạch về phía cha. Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

2168. Lúc ấy Kanhā với Jālī,
Được La-môn nọ dẫn đường đi,
Thoát thân chúng vội vùng lên chạy,
Mãi miết chúng bay biến tức thì.

Nhưng lão Jūjaka vội đứng lên ngay và đuổi theo chúng với dây và gậy trong tay, lão gầm thét như lửa phun vào ngày tận thế:

– Chúng bây có tài chạy khôn lanh thật đấy!

Rồi lão buộc tay chúng lại và đưa chúng đi đường như cũ.

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

2169. Rồi đạo sĩ kia, gậy dưới tay,
Cầm dây leo ấy chặt trong tay,
Đánh đàn con trẻ và xua chúng,
Trước mắt nhìn theo của chính ngài.

Trong lúc bị dẫn đi xa, Kanhājīnā quay lại nhìn và than khóc với cha.

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

2170. Cô bé Kanhā nói thế này,
“Cha ơi, xem lão La-môn đây,

Coi con nô lệ xuất thân ấy,
Lấy gậy đánh con rất mạnh tay!

2171. Thường các La-môn sống chánh chân,
Lão này không phải Bà-la-môn,
Quý ma đội lột La-môn đó,
Lão dẫn đi, ăn thịt chúng con,
Cha có thể ngồi yên ngắm nghía,
Chúng con bị quý bắt đi chẳng?”

Trong khi con gái bé bỏng than khóc run rẩy bước đi, nỗi đau đớn xót xa bùng dậy trong lòng bậc Đại sĩ, tim ngài nóng bừng, mũi ngài không đủ sức đề thờ, vì thế từ miệng ngài thoát ra tiếng thở hỗn hển và dòng lệ như những giọt máu tuôn ra từ mắt ngài. Rồi ngài suy nghĩ: “Tất cả nỗi đau đớn này đều do tình thân yêu chứ không vì có gì khác, ta phải xoa dịu tình cảm này và giữ bình thân.” Như vậy là nhờ trí lực, ngài dứt được nỗi đau buồn sâu sắc này và ngồi yên như cũ. Trước khi đi đến lối vào trong ngọn núi, cô bé lại tiếp tục than khóc:

2172. Đau nhức đôi chân của trẻ thơ,
Đường dài thật khó bước đi qua,
Đạo nhân cứ giục đàn con trẻ,
Vàng nhật lặn dần ở phía xa.
2173. Chúng con tha thiết cầu thần linh,
Ở các núi đồi, rừng thẳm xanh,
Và cúi lễ nơi hồ nước ấy,
Cùng ao có bên bờ xinh xinh.
2174. Thừa các cô, dây leo nói chung,
Các cây thuốc, ngọn núi, khu rừng,
Xin chur vị nói mẹ luôn khỏe,
Chúng con bị bắt bởi La-môn.
2175. Mong các ngài thông báo mẹ hay,
Maddī là mẹ chúng con đây,
Bảo rằng nếu mẹ muốn theo trẻ,
Thì hãy theo nhanh dấu vết này.
2176. Nơi này có một lối đi riêng,
Thẳng hướng đi thì am đến liền,
Mẹ hãy men theo đúng lối ấy,
Nhanh tìm gặp chúng con bình yên!
2177. Hỡi ơi! Mẹ tóc bện thường khi,
Mang vác củ rừng với trái cây,
Khi trở lại am nhìn trống vắng,
Mẹ con sẽ khôn khổ, sầu bi.

2178. Hình như mẹ mất thời gian lâu,
 Để kiếm cho được quả, củ, rau,
 Chẳng biết chúng con đã bị trối,
 Bởi La-môn hám của, tham sâu.
2179. Lão ta quá độc ác đi thôi,
 Đánh đập chúng con như lũ bò,
 Mong ước làm sao nay gặp mẹ,
 Khi chiều tối mẹ về đem đồ.
2180. Thế nào mẹ cũng cho La-môn,
 Những củ quả rừng trộn mật ong,
 Khi đã được ăn no thỏa thích,
 Lão không quá thúc ép gì con.
2181. La-môn thúc ép nhiều vô cùng,
 Nên khiến chân con trẻ rất sưng,
 Vì ngóng mẹ hiền lâu quá đổi,
 Các con đã thảm thiết kêu than!
- Chấm dứt phần *Chuyện về hai đứa trẻ*.

IX. NÀNG MADDĪ

Bấy giờ, ngay lúc vua ban các con yêu quý cho lão Bà-la-môn, cõi đất chấn động vang rền dữ dội đến tận cõi trời Phạm thiên và thấu suốt tâm các vị thần cư ngụ ở Tuyết Sơn. Các vị này nghe tiếng đôi trẻ than khóc trong lúc lão kia dẫn chúng đi liền suy nghĩ: “Nếu Maddī về kịp tới lều tranh lúc này mà không thấy các con đâu, nàng sẽ hỏi Vessantara về chuyện này và nàng sẽ nôn nóng biết bao khi nghe chúng đã bị đem thí cho lão Bà-la-môn. Nàng sẽ chạy đi tìm chúng và sẽ gặp nhiều gian truân vất vả.” Vì thế, các vị ấy căn dặn ba vị thần giả dạng sư tử, cọp và báo để cản đường nàng, không để nàng đi trở lại tìm con cho đến khi mặt trời lặn. Như vậy, nàng chỉ có thể đi về tới am dưới ánh trăng và giữ cho nàng bình an khỏi bị sư tử hay các dã thú khác tấn công.

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

2182. Vừa nghe lời trẻ thơ than van,
 Các vị thần bèn căn dặn rằng,
 Ba vị biến thành loài mãnh thú,
 Là sư tử, cọp, báo rừng hoang.
2183. “Đừng cho trở lại vị công nương,
 Chiều tối sau khi kiếm thức ăn,
 Đừng để thú hoang kia sát hại,
 Ở trong lãnh địa của rừng hoang.

- 2184.** Nếu cọp, báo, sư tử hại nàng,
Sát tàn bà mẹ đẹp hiền lương,
Thì sao Vương tử Jālī ấy,
Cùng với Kanhā sẽ sống nương?
Rồi mẹ đẹp hiền sẽ bị mất,
Người chồng cùng các con yêu thương.”

Các vị ấy đồng ý và vâng lệnh các thần linh, hóa thành sư tử, hổ, báo nằm cạnh con đường mà nàng phải đi qua.

Bấy giờ, Maddī tự nghĩ: “Hôm qua ta mơ thấy ác mộng. Ta phải thu lượm củ quả và về lều cho kịp giờ.” Nàng run rẩy đi tìm củ quả, làm cái cuốc rơi khỏi tay nàng, cái dây đeo thúng từ trên vai rớt xuống, mất bên phải của nàng giật mạnh. Các cây đầy quả dường như chẳng có quả nào, còn cây không quả thì lại giống như đầy quả, nàng không còn biết đầu đuôi ra sao nữa. Nàng nghĩ thầm: “Không biết chuyện lạ gì đây, trước giờ chưa từng có nay ta lại gặp, điềm gở gì sắp xảy ra cho ta, hoặc cho các con của ta, hoặc cho Vessantara.” Và nàng ngâm kệ:

- 2185.** Cuộc ta rơi xuống đất rồi,
Ta nghe mắt phải giật hoài giờ đây,
Cây đầy trái hóa không này,
Chung quanh vạn vật như quay như cuồng.

Sau khi than thở như vậy, nàng lại đi tiếp.

- 2186.** Mỗi khi trời trở chiều hôm,
Là ta đã đến thảo am xong rồi,
Lúc vàng nhạt khuất chân đồi,
Đường nhiều dã thú rình mồi kiếm ăn.

- 2187.** Giờ vàng nhạt xuống thấp dần,
Mà sao am ấy chẳng gần, còn xa,
Đồ ta mang vác đây ra,
Chính là những thức ăn gia đình dùng.

- 2188.** Chắc là vương tử đang ngồi,
Một mình chờ đợi trong chòi lá tranh,
Con thơ chàng phải dỗ dành,
Ta chưa trở lại, con đành đói meo.

- 2189.** Các con bé bỏng của ta,
Ôi! Ta khốn đốn, khổ đau vô cùng!
Giờ này bữa tối phải dùng,
Chắc con như uống sữa xong, ngoan chờ.

- 2190.** Các con bé bỏng của ta,
Ôi! Ta khốn đốn, khổ đau vô cùng!

Giờ này bữa tối phải dùng,
Chắc con như uống nước xong, ngoan chờ.

- 2191.** Các con bé bỏng của ta,
Ôi! Ta khôn đồn, khổ đau vô cùng!
Chắc con ra đứng đón trông,
Như bê nhỏ dại đang mong mẹ về.
- 2192.** Các con bé bỏng của ta,
Ôi! Ta khôn đồn, khổ đau vô cùng!
Chắc con ra đón mẹ trông,
Như thiên nga đậu bên hồ nhỏ xinh.
- 2193.** Các con bé bỏng của ta,
Ôi! Ta khôn đồn, khổ đau vô cùng!
Chắc con ra đứng đón trông,
Cách khu vực ẩn cư không xa nhiều.
- 2194.** Con đường độc nhất là đây,
Chung quanh hang hổ rầy đầy hồ ao,
Ta không tìm thấy đường nào,
Bây giờ ta phải làm sao về nhà?
- 2195.** Các ngài chúa thú rừng già,
Ta xin kính lễ chúa vua đại hùng,
Theo như lý, nghĩa đệ huynh,
Nên xin ngài hãy nhường đường cho ta!
- 2196.** Ta là chánh hậu vương gia,
Vinh quang thái tử bị đưa đi đây,
Ta thờ chồng, chẳng chê bai,
Như Sitā trước thờ ngài Rāma.
- 2197.** Buổi chiều tối trở về nhà,
Các ngài lại thấy con ra đón chờ,
Như Jālī với Kanhā,
Xin cho gặp mẹ khi ta quay về!
- 2198.** Đây dồi dào củ quả tươi,
Có nhiều thực phẩm ta mời ngài ăn,
Ta đem một nửa xin dâng,
Để cho ta được an thân về nhà.
- 2199.** Các con chúng được sanh ra,
Cha là thái tử, mẹ là con vua,
Theo như lý, nghĩa đệ huynh,
Nên xin ngài hãy nhường đường cho ta.

Khi ba vị thần này thấy đã đến giờ để nhường đường cho nàng về liền đứng lên và chạy khỏi. Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

2200. Thú rừng kia đã lắng nghe,
Lời nàng than khóc nào nề thảm thương,
Âm thanh êm ái dịu dàng,
Chúng liền chạy mất để nàng đi ngay.

Khi bấy đã thú đã đi rồi, nàng trở về lều lá. Bấy giờ là đêm trăng tròn, khi nàng vừa đến cuối lối đi có mái che, nơi nàng thường gặp các con, nay không thấy chúng đâu, nàng kêu to:

2201. Thường ngày khu vực chỗ này,
Trẻ thơ lấm bụi ra đây chờ mà,
Chúng ra đứng đón trông ta,
Như bê con đợi mẹ xa trở về.

2202. Thường ngày khu vực chỗ này,
Trẻ thơ lấm bụi ra đây chờ mà,
Chúng ra đứng đón trông ta,
Như bên hồ nhỏ thiên nga quây quần.

2203. Thường ngày khu vực chỗ này,
Trẻ thơ lấm bụi ra đây chờ mà,
Chúng ra đứng đón trông ta,
Cách khu vực ẩn cư xa không nhiều.

2204. Như nai bé vênh tai ra,
Chúng thường vội đến đón ta trên đường,
Tràn đầy hạnh phúc vui mừng,
Lú lo, chạy nhảy tung bừng quanh ta.
Nhưng Jāli với Kaphā,
Hôm nay ta chẳng thấy ra đón đường.

2205. Như con nai cái, sơn dương,
Như chim sỏ cánh tự vượn khỏi lồng,
Như sư tử cái tìm mồi,
Ta vào rừng rậm và rời con thơ,
Nhưng Jāli với Kaphā,
Hôm nay ta chẳng thấy ra đón đường.

2206. Gần nhà đây những dấu chân,
Giống như loài tượng ở trên núi đồi,
Đó đây những đồng cát bồi,
Vẫn còn nằm đó cách chòi không xa,
Nhưng Jāli với Kaphā,
Hôm nay ta chẳng thấy ra đón mừng.

2207. Các con thường chạy tung tăng,
 Phủ đầy bụi bặm đến gần mẹ đây,
 Lấm lem đất cát mặt mày,
 Nhưng ta chẳng thấy giờ đây đứa nào.
2208. Trẻ thơ thường vẫn đón chào
 Mẹ mình, chúng chạy lao xao từ nhà,
 Khi ta về từ rừng già,
 Ta không thấy chúng đón ta giờ này.
- 2209.⁸⁹ Tựa như các loại thú con,
 Sơn dương, nai mẹ về lon ton mừng,
 Đón từ xa cứ ngó chừng,
 Trẻ thơ vắng bóng, không ngừng dạ lo.
2210. Đây là đồ chúng chơi thường,
 Trái bầu nâu sắc nhạt vàng lẫn đây,
 Nhưng Jāli với Kanhā,
 Ta không thấy chúng đón ta giờ này.
2211. Vú ta căng sữa đã đầy,
 Ngực ta như muốn vỡ ngay bây giờ,
 Nhưng Jāli với Kanhā,
 Hôm nay không thấy đón ta ở nhà.
2212. Chúng thường bám chặt bên hông,
 Mỗi con đeo một vú căng tươi cười,
 Nhưng Jāli với Kanhā,
 Hôm nay không thấy chạy ra đón tìm.
2213. Giờ này trời đã về đêm,
 Chúng đầy bụi đất lấm lem hết rồi,
 Chúng ra lẻo đẻo bên hông,
 Giờ không thấy chúng ra trông đón đường.
2214. Trước đây am thảo rộn ràng,
 Cứ như chốn hội vui an mỗi ngày,
 Nhưng giờ chẳng thấy con đây,
 Chốn này như thể cứ xoay vòng tròn.
2215. Tại sao am thảo lặng lẽ,
 Ít nghe tiếng động như tờ im vậy,
 Quạ kia cũng chẳng kêu bầy,
 Các con chắc đã chết hay sao rồi?

⁸⁹ Bản tiếng Anh thiếu kệ 2209.

2216. Tại sao am thảo lặng lẽ,
Ít nghe tiếng động như tờ im vậy,
Chim kia cũng chẳng kêu bầy,
Các con chắc đã chết hay sao rồi?

Than khóc như vậy xong, nàng đến gần bậc Đại sĩ và đặt thúng trái cây xuống. Thấy ngài ngồi yên lặng và không có hai con bên cạnh, nàng nói:

2217. Sao chàng cứ lặng yên ngồi,
Thế mà ác mộng tái hồi trong tâm,
Quạ kia cũng bật thanh âm,
Các con chắc đã vong thân mất rồi!
2218. Sao chàng cứ lặng yên ngồi,
Thế mà ác mộng tái hồi trong tâm,
Chim kia cũng bật thanh âm,
Các con chắc đã vong thân mất rồi!
2219. Thiếp đây nghi ngại, chàng ôi,
Các con bị thú săn mồi bắt ăn,
Hay người nào chốn rừng hoang,
Dẫn con của thiếp đi lang thang rồi?
2220. Các con nói tiếng dễ thương,
Có làm sứ giả, hay đường ngủ say,
Chúng đi ra tận phía ngoài,
Mãi mê chơi giỡn đùa hoài hay không?
2221. Thiếp không thấy bóng trẻ con,
Tay chân mặt mũi cùng là tóc tai,
Hay là chim chụp mất người?
Kẻ nào mang chúng đi rồi phải chăng?

Nghe vậy, bậc Đại sĩ vẫn không đáp lại. Sau đó, nàng hỏi:

– Này phu quân, sao chàng không nói gì với thiếp? Thiếp có lỗi gì chăng?
Và nàng ngâm kệ:

2222. Giống như tên bắn bị thương,
Và còn đau xót muôn vàn hơn xa,
Khi Jālī với Kanhā,
Cả hai không thấy có nhà hôm nay.
2223. Đây là tên mũi thứ hai,
Mà chàng bắn thiếp xuyên ngay vào lòng,
Thiếp không nhìn thấy các con,
Mà chàng lại chẳng nói năng một lời.
2224. Vậy thì vương tử, chàng ôi!
Đêm nay chàng chẳng đáp lời thiếp chăng?

Thiếp xem đời thiếp đã xong,
Sáng mai chàng thấy thiếp vong thân mà.

Bậc Đại sĩ nghĩ rằng ngài sẽ làm dịu nỗi đau mắt con bằng cách nói năng gay gắt nên ngài ngâm vần kệ:

2225. Maddī, công chúa vương gia,
Tiếng danh nàng quả thật là lớn thay,
Đi tìm thực phẩm sáng nay,
Cớ sao trở lại giờ đây muộn màng?

Nàng đáp:

2226. Chàng nghe sư tử, hồ chẳng?
Chúng vừa gầm thét vọng vang xa gần,
Khi đi uống nước hồ bên,
Chim muông nhón nháo kêu lên tung bừng.

2227. Thiếp đang rào bước rừng hoang,
Bỗng nhiên dấu hiệu rõ ràng hiện ra,
Cuốc từ tay thiếp rơi xa,
Trên vai dây thừng kia đà rớt luôn.

2228. Trong lòng hoảng sợ, đau thương,
Thiếp liền lễ lạy các phương lần lần,
Mong sao mọi sự bình an,
Đôi tay của thiếp chấp ngang nguyện cầu.

2229. Đừng loài sư tử, báo nào,
Giết đi thái tử của ta lúc này,
Các con ta đó cả hai,
Sói, linh cầu, gấu chó vầy bắt gì!

2230. Con sư tử, cọp, báo kia,
Là ba dã thú đang đi trong rừng,
Chúng ngăn cản thiếp giữa đường,
Cho nên thiếp đến nhà đường tối khuya.

Bậc Đại sĩ chỉ nói bấy nhiêu lời với nàng từ đó cho đến tảng sáng. Vì thế, nàng Maddī lại than vãn đủ cách:

2231. Phu quân và các con thơ,
Thiếp thường tận tụy chăm lo đêm ngày,
Như trò săn sóc ông thầy,
Thiếp hành Phạm hạnh, tóc hay bện thường.

2232. Tắm thân thiếp khoác da nai,
Vào rừng kiếm quả củ, vai mang về,
Đi đây đi đó ngày đêm,
Chỉ mong con trẻ được thêm no lòng.

2233. Mẹ mang củ nghệ vàng này,
Quả bầu nâu nhạt, trái cây chín đều,
Mẹ mang mẹ vác thật nhiều,
Để con thỏa dạ và tiêu khiển đùa.
2234. Củ sen, sủng, đám ngó tợ,
Và đây củ ấu từ hồ ngọt ngon,
Thiếp thêm một ít mật ong,
Trộn rồi, chàng với các con dùng liền.
2235. Cho con gái sủng trắng kia,
Sen xanh để tặng Jāli của chàng,
Rồi xem chúng múa ca vang,
Vòng hoa tô điểm, xin chàng gọi ngay!
2236. Đại vương ơi, hãy lắng tai,
Âm thanh thích thú tuyệt vời biết bao!
Kanhā nói giọng ngọt ngào,
Và con đang bước gần vào lều ta.
2237. Từ khi bị đuổi đây xa,
Buồn vui chàng thiếp chung hòa với nhau,
Ôi, chàng hãy trả lời mau,
Kanhā, Jāli, thấy đâu hỡi chàng?
2238. Hẳn bao nhiêu vị đạo nhân,
Thiếp đà xúc phạm lỗi lầm nặng sao,
Các ngài đức hạnh thanh cao,
Trí đầy kiến thức nhiệm mầu sâu xa,
Nên Jāli với Kanhā,
Thiếp không còn thấy ở nhà hôm nay!

Nghe nàng than thở như vậy, bậc Đại sĩ vẫn không đáp một lời. Vì ngài không nói gì, nàng run rẩy đi tìm các con dưới ánh trăng, hể những nơi chúng thường tới chơi đùa, dưới các cây hồng táo, nàng đều đến vừa tìm chúng vừa khóc than:

2239. Cây hồng táo, vedisa,
Và cây ngũ trảo hài hòa mọc đây,
Cả rừng đủ các loại cây,
Mà sao không thấy được hai con này.
2240. Cây sung, cây mít, cây đa,
Gần bên lại có cây tra bồ-đề,
Cả rừng đủ quả sum suê,
Mà sao không thấy con về với ta.
2241. Đứng kia như một vườn hoa,
Và kia suối mát trôi qua lặng lẽ,

Nơi xưa chúng vẫn đùa chơi,
Nhưng nay không có trẻ thơ nữa rồi.

2242. Hoa rừng có đủ các loài,
Đơm đầy khoe sắc trên đồi gần xa,
Chúng thường kết đội các hoa,
Mà nay không thấy con ta nữa rồi.

2243. Quả ngon có đủ các loài,
Kết trên đồi núi đầy cây trĩu cành,
Quả này chúng trước hay ăn,
Mà nay con trẻ biệt tăm nơi nào.

2244. Các đồ chơi bé tí ti,
Chúng thường đùa giỡn là kia cả rồi,
Bầy bò, bầy ngựa, bầy voi,
Con thơ không thấy ở nơi chốn nào.

Nghe tiếng của tiếng bước chân, tiếng động của muông thú, chim chóc,
nàng ngâm kệ rằng:

2245. Đây nhiều thỏ đế, cú mèo,
Nai đen cùng với hươu sao cả bầy,
Các con cùng giỡn thường ngày,
Giờ không thấy chúng ở đây nữa rồi.

2246. Thiên nga, cò diệc, chim trời,
Bầy công đuôi thắm đẹp tươi bung xòe,
Các con cùng giỡn chơi đùa,
Nhưng không thấy bóng trẻ thơ đây mà!

Không nhìn thấy các con thân yêu trong lều tranh, nàng đi vào khóm cây
hoa, vừa tìm chúng quanh quần vừa ngâm kệ:

2247. Này đây các khóm rừng già,
Với muôn hoa trở nở ra theo mùa,
Nơi con thơ vẫn chơi đùa,
Nhưng không còn chúng bây giờ ở đây.

2248. Các hồ khả ái lắng tai,
Khi đàn ngỗng đỏ gọi dài âm thanh,
Biết bao sen trắng sen xanh,
Và nhiều cây mọc như cành san hô,
Nơi con thơ vẫn chơi đùa,
Nhưng không còn chúng bây giờ ở đây.⁹⁰

⁹⁰ Tham chiếu: J. IV. 355, *Sādhinajātaka* (Chuyện Đại vương Sādhina), số §494; J. VI. 35, *Mahājanakajātaka* (Chuyện Đại vương Mahājanaka), số §539.

Nhưng nàng cũng không thấy các con thân yêu đâu cả. Rồi trở lại bên bậc Đại sĩ, nàng thấy ngài ngồi mặt buồn rười rượi, nàng bảo:

- 2249.** Sao chàng không bỏ củi to,
Nước chàng không xách về cho từ hồ,
Lửa chàng không đốt không thờ,
Sao chàng ngồi đó đần đờ miên man?
- 2250.** Mỗi khi gặp được người thương,
Bao nhiêu nhọc mệt kia dường biến đi,
Nay Kaphā với Jālī,
Thiếp không thấy chúng mọi khi nô đùa.

Nhưng bậc Đại sĩ vẫn ngồi im lặng, và nàng đau khổ vì sự im lặng ấy nên run rẩy như con chim bị thương, nàng lại đi quanh những nơi nàng đã tìm kiếm trước kia rồi trở về nói:

- 2251.** Bệ hạ ôi, con chúng ta,
Bị ai đã hại chết mà biệt tăm,
Quạ kia cũng chẳng kêu vang,
Chắc con thơ chết, mọi đàn vắng hoe!
- 2252.** Bệ hạ ôi, con chúng ta,
Bị ai đã hại chết mà biệt tăm,
Chim kia cũng chẳng kêu vang,
Chắc con thơ chết, mọi đàn vắng hoe!

Bậc Đại sĩ vẫn không nói lời nào. Còn nàng nóng lòng đi tìm con, lần thứ ba trở lại tìm con ở những nơi nàng đã tìm, nàng chạy nhanh như gió. Trong một đêm nàng đã đi qua một khoảng đường tìm con dài mười lăm do-tuần. Rồi bóng đêm nhường chỗ cho ánh bình minh, vừa lúc rạng đông, nàng lại đến trước bậc Đại sĩ và đứng than khóc.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này:

- 2253.** Khi nàng vội vã băng qua,
Đi tìm khắp chốn rừng già, núi non,
Trở về bên cạnh phu quân,
Nàng liền đứng lại khóc than từng hồi.
- 2254.** “Bệ hạ ôi, con chúng ta,
Bị ai đã hại chết mà biệt tăm,
Quạ kia cũng chẳng kêu vang,
Chắc con thơ chết, mọi đàn vắng hoe!
- 2255.** Bệ hạ ôi, con chúng ta,
Bị ai đã hại chết mà biệt tăm,
Chim kia cũng chẳng kêu vang,
Chắc con thơ chết, mọi đàn vắng hoe!

2256. Bệ hạ ôi, con chúng ta,
Rõ ràng ai hại chết mà còn đâu,
Thiếp đây đã kiếm hang sâu,
Đi bao núi, gốc cây, sâu tìm con.”

2257. Maddī, vương hậu cao ngôi,
Công nương quý tộc buông lời khóc than,
Vớ đôi tay ấy vừa dang,
Nàng liền ngã xuống đất bằng mê man.

Bậc Đại sĩ run rẩy nghĩ thầm: “Ôi, Maddī chết! Đây không phải là nơi để cho Maddī chết! Nếu nàng chết ở thành Jetuttara thì tang lễ sẽ linh đình biết bao, vì cả hai vương quốc đều chấn động. Nhưng ở đây ta chỉ một mình trong rừng, ta biết làm gì bây giờ?” Nỗi lo âu tràn ngập lòng ngài, rồi cổ trần tỉnh đôi chút, ngài quyết định làm hết sức mình.

Ngài đứng lên đặt tay trên ngực nàng và thấy nó vẫn còn ấm, ngài liền lấy nước trong bình đến, và mặc dù bảy tháng qua ngài không đụng chạm thân nàng, nay gặp lúc nguy khốn, ngài không thể giữ giới hạnh mà nước mắt tuôn trào, ngài nâng đầu nàng lên đặt trên lòng mình, rảy nước và ngời xoa mặt nàng cùng chỗ tim nàng.

Một lát sau, Maddī tỉnh dậy, bối rối vừa đứng lên vừa kính lễ bậc Đại sĩ và hỏi:

– Tâu Chúa thượng Vessantara, các con đi đâu rồi?

Ngài đáp:

– Hoàng hậu, ta đã đem chúng cho một Bà-la-môn nọ.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

2258. Ngài liền rảy nước cho nàng,
Trong khi nàng ngã mê man lịm dần,
Vừa khi nàng mới tỉnh hồn,
Ngài liền cất tiếng khuyên lơn vỗ về.

Nàng hỏi ngài:

– Này phu quân, nếu chàng đem hai con cho một Bà-la-môn, tại sao chàng để thiếp than khóc đi tìm quanh quẩn suốt đêm mà không nói một lời?

Bậc Đại sĩ đáp lại:

2259. Ta không thể nói tức thì,
Vì ta không muốn hiện phi đau buồn.
Một người già yếu, đạo nhân,
Đến đây xin được cầu ân toại lòng.

2260. Ta đem bỏ thí con ngoan,
Maddī đừng sợ, bình tâm lại liền,
Xin nàng đừng quá ưu phiền,
Xin nàng ngược mắt nhìn lên ta này,

Ta đem con trẻ về ngay,
Rồi ta mạnh khỏe sum vầy sống an!

- 2261.** Sau khi thấy kẻ cầu ân,
Thiện nhân ban tặng vật dâng đủ đồ,
Các con, thóc lúa, trâu bò,
Cùng tài sản khác trong kho trong nhà,
Maddī, xin hãy hân hoan,
Không gì hơn lễ cúng dường các con.

Maddī đáp lại:

- 2262.** Thiếp nay quả thật hân hoan,
Không gì hơn lễ cúng dường các con,
Nhờ đây tâm trí bình an,
Xin chàng cứ mãi phát ban cúng dường.

- 2263.** Vì chàng là vị đại vương,
Bậc làm Sivi giang sơn oai hùng,
Giữa đời ích kỷ nhân quần,
Riêng chàng đã thí La-môn rộng lòng.

Nghe vậy, bậc Đại sĩ đáp:

– Tại sao nàng nói thế, Maddī? Nếu ta đã không thể giữ tâm thanh thản sau khi bố thí các con thì những việc thần kỳ hy hữu kia đã không xảy ra.

Rồi ngài kể cho nàng nghe tất cả các con địa chấn cùng các sự kiện khác. Thế là Maddī ngâm kệ hân hoan, tùy hỷ việc thí tặng lúc nghe kể xong các việc thần kỳ ấy:

- 2264.** Đất bằng đã phải chuyển rung,
Âm thanh tràn ngập mọi tầng trời cao,
Chớp lòe sáng chói biết bao,
Sấm rền vang vọng đồi cao bấy giờ.

- 2265.** Nārada, Pabbata,
Cả hai thiên chúng cùng hòa niềm vui,
Mọi thiên thần cõi Ba Mươi,
Inda Thiên chủ cùng ngài Phạm thiên,
Vua Soma ở cõi tiên,
Cùng ngài Diêm chúa ở miền Dạ-ma,
Thiên vương Vessavaṇa,
Khi nghe tiếng vọng, đồng hòa niềm vui.

- 2266.** Vậy là công chúa cao ngôi,
Maddī danh tiếng ngâm lời hân hoan,
Nàng tùy hỷ với đại vương,
Không gì hơn lễ cúng dường các con.

Bậc Đại sĩ mô tả việc bố thí của ngài như vậy và Maddī cũng lặp lại chuyện ấy, công nhận ngài đã ban một thí vật cao quý. Nàng ngồi đó hoan hỷ về việc bố thí kia.

Vì vậy, bậc Đạo sư đã ngâm lại vần kệ: “Vậy là công chúa cao ngời...”
Chấm dứt phần *Nàng Maddī*.

X. SAKKA THIÊN CHỦ

Trong lúc hai vị đàm đạo cùng nhau như vậy, Thiên chủ Sakka suy nghĩ: “Hôm qua, Vua Vessantara đã cho Jūjaka cả hai con mình nên quả đất đã rung động. Bây giờ, giả sử một kẻ xấu xa nào khác xuất hiện và xin ngài chính nàng Maddī, bậc đức hạnh vô song ấy, rồi đem nàng đi, để vua ở lại một mình, ngài sẽ bơ vơ khổ sở. Thôi được, thế thì ta sẽ giả dạng một Bà-la-môn đến xin Maddī. Như thế ta sẽ có thể giúp ngài đạt công hạnh tối thượng và do vậy nàng không thể bị đem cho bất cứ ai khác, rồi ta sẽ trả nàng về.” Vậy là vào lúc rạng đông, Thiên chủ Sakka đến gặp ngài.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

- 2267.** Vậy khi đêm đã tàn xong,
Và trời vừa rạng hừng đông sáng dần,
Sakka giả dạng đạo nhân,
Lên đường thật sớm đến thăm thảo đường.
- 2268.** “Thưa ngài, ngài được mạnh lành?
An khương, vô bệnh, sở hành hanh thông?
Việc thường hái lượm sống còn,
Được nhiều củ quả hay không hỏi ngài?”
- 2269.** Ngài nay có bị quấy rầy,
Bởi bò sát, muỗi, mòng vây nơi rừng?
Hoặc bày dã thú thật hung,
Chẳng hay tìm hại, tránh chùng dễ chẳng?”

Bậc Đại sĩ đáp:

- 2270.** Cảm ơn! Ta vẫn mạnh lành,
An khương, vô bệnh, sở hành hanh thông,
Việc thường hái lượm sống còn,
Được nhiều củ quả, yên lòng thưa ông.
- 2271.** Ta không phải bị quấy rầy,
Bởi bò sát, muỗi, mòng vây nơi rừng,
Hoặc bày dã thú thật hung,
Chúng hay tìm hại, tránh chùng được luôn.

2272. Sống đây đã bảy tháng trường,
 Chúng ta buồn bã trong rừng hoang sơ,
 Chẳng hề từ trước đến giờ,
 Được trông thấy một vị Bà-la-môn.
 Như nay nhìn thấy Tôn ông,
 Khác nào thấy được thần nhân thế này,
 Gậy bầu nầu gỗ cầm tay,
 Đồ dùng tế lửa muông, bình nước đây.

2273. Kính chào ngài đến nơi này,
 Một duyên hạnh ngộ, thừa Bà-la-môn,
 Xin mời tiến bước vào trong,
 Và xin hãy rửa chân xong, thừa ngài!⁹¹

2274. Đây là cườm thị, mà-ca,
 Đây là xoài trắng, quả nào cũng ngon,
 Trái cây như thể mật ong,
 Chọn ngay hạng nhất, La-môn ăn nào!⁹²

2275. Nước này mát lạnh ngọt ngào,
 Chảy từ hang núi rất sâu trong rừng,
 Xin mời uống, bậc La-môn,
 Nếu như ngài muốn thỏa lòng khát khao.

Trong khi hai vị chào hỏi ân cần như vậy, ngài hỏi lý do vị kia đến đây:

2276. Nói cho ta biết nguyên nhân,
 Lý do nào khiến Tôn ông lên đường,
 Đầy đưa ông tận rừng hoang,
 Xin ông hãy nói rõ ràng ta hay!

Thiên chủ đáp:

– Tâu Đại vương, thần già rồi, nhưng thần đến đây xin ngài ban cho thần Vương hậu Maddī. Mong ngài ban nài cho thần!

Và Thiên chủ ngâm vãn kệ này:

2277. Giống như dòng nước ngập đầy,
 Và không hề có một ngày nào vơi,
 Đại vương thần đến van nài,
 Xin ban vương hậu của ngài, thần mong!

Nghe vậy, bậc Đại sĩ không đáp: “Hôm qua ta đã cho một Bà-la-môn cả hai con ta rồi. Nay làm sao ta cho ông nàng Maddī để rồi phải ở lại một mình trong

⁹¹ Xem câu kệ 2013, 2094 trong câu chuyện này. Tham chiếu: J. V. 317, *Sona-Nanda-jātaka* (Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda), số §532; J. VI. 77, *Sāmajātaka* (Chuyện hiền từ Sāma), số §540.

⁹² Hai câu kệ 2274-75, đối chiếu với câu kệ 2014-15, 2095-96 trong câu chuyện này. Tham chiếu: J. IV. 432, *Sattigumbajātaka* (Chuyện anh vũ Sattigumba), số §503; *Sona-Nanda-jātaka* (Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda), số §532; J. VI. 77, *Sāmajātaka* (Chuyện hiền từ Sāma), số §540.

rừng hoang?” Không, ngài như thể đang cầm cái túi đựng một ngàn đồng tiền đưa ra, bình thản, không tham luyến, không chút vướng mắc trong tâm tư, ngài làm cho núi rừng vang dội với lời kệ này:

2278. Ta ban ngay chẳng phiền lòng,
 Điều ông cầu khẩn muốn mong bây giờ,
 Ta không cất giấu, chần chừ,
 Tâm ta hoan hỷ khi đưa dâng người.

Nói lời này xong, ngài nhanh chóng lấy nước trong bình ra đổ lên tay rồi trao Maddī yêu quý cho vị Bà-la-môn. Ngay lúc ấy, mọi việc thần kỳ đã xảy ra trước kia lại được nghe thấy lần nữa.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

2279. Bậc làm hưng thịnh Sivi,
 Vua cầm tay của Maddī hậu hoàng,
 Lấy thêm bình nước vôi vàng,
 Vua trao tặng phẩm cho Bà-la-môn.

2280. Kinh hoàng khiến dựng tóc lông,
 Đất dày chuyển động ngay trong lúc này,
 Ngài đem trao tặng Maddī,
 Vợ hiền cho khách viếng miền thảo am.⁹³

2281. Maddī chẳng chút mảy nhăn,
 Nàng không khó chịu, khóc than bây giờ,
 Lặng yên nhìn, dạ suy tư,
 “Hắn chàng biết rõ việc này quý cao.”
 “Khi dâng Jāli, Kaphā,
 Và Maddī vợ hiền hòa thủy chung,
 Ta không suy tính lợi cùng,
 Chỉ vì Tuệ giác bồi vun thôi mà.
 Vợ hiền ta chẳng khó ưa,
 Và hai đứa trẻ con nhà cũng không,
 Nhưng vì Tuệ giác viên thông,
 Với tâm ta, thật bội phần thiết thân.”⁹⁴

Lúc ấy, bậc Đại sĩ nhìn lên mặt Maddī để xem nàng có thái độ như thế nào thì nàng liền hỏi ngài tại sao nhìn nàng như thế và thét to với giọng sư tử hống: “Chúa công, sao chàng nhìn thiếp?” rồi ngâm các lời kệ sau:

⁹³ Xem câu kệ 1672, 1807, 2119 trong câu chuyện này. Tham chiếu: D. II. 72, *Mahāparinibbānasutta* (Kinh Đại Bát-niết-bàn), số 16; S. I. 157, *Parinibbānasutta* (Kinh Bát-niết-bàn); Thag. v. 1018, *Ānandattheragāthā* (Kệ ngôn của Trưởng lão Ānanda).

⁹⁴ Xem Miln. 114, *Pathavicalanapañha* (Câu hỏi về tính chất của đất); Miln. 275, *Vessantarapañha* (Câu hỏi về Vua Vessantara).

- 2282.** Vợ chàng từ thuở thanh xuân,
Chính chàng là chủ nhân ông suốt đời,
Tùy chàng muốn biếu cho ai,
Bán đi hoặc giết thân này được thôi.

Lúc ấy, Thiên chủ Sakka nhận thấy quyết định cao cả của nàng liền ca ngợi nàng. Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

- 2283.** Sakka khi ấy đáp lời,
Thấy bao nguyện ước họ vừa hướng tâm,
“Mọi điều chướng ngại dẹp xong,
Ngài đây đã thắng khắp trong trời, người!
- 2284.** Đất bằng đã phải chuyển rung,
Âm thanh tràn ngập mọi tầng trời cao,
Chớp lòa sáng chói biết bao,
Sấm rền vang vọng đời cao bấy giờ.
- 2285.** Nārada, Pabbata,
Cả hai thiên chúng cùng hòa niềm vui,
Mọi thiên thần cõi Ba Mươi,
Inda Thiên chủ cùng ngài Phạm thiên,
Vua Soma ở cõi tiên,
Cùng ngài Diêm chúa ở miền Dạ-ma,
Thiên vương Vessavaṇa,
Khi nghe tiếng vọng, đồng hòa hân hoan.
- 2286.** Khó ban mà họ đã ban,
Họ làm được việc khó làm biết bao,
Kẻ không thánh thiện khó theo,
Pháp nào của bậc thiện sao khó hành!⁹⁵
- 2287.** Vậy khi thiện, ác lìa trần,
Giã từ cuộc sống cõi phàm nơi đây,
Ác nhân vào ngục chịu đày,
Thiện nhân đến cõi thiên thần tái sinh.
- 2288.** Cỗ xe này thật cao minh,
Ở rừng mà hiển thê nhi cúng dường,
Nên không còn đọa bước đường,
Việc này mang phước quả trong cõi trời.”

Khi Thiên chủ Sakka bày tỏ sự tán đồng như vậy xong, ngài nghĩ: “Bây giờ ta không được trì hoãn nữa mà phải trao trả lại nàng và ra đi.” Rồi ngài ngâm kệ:

⁹⁵ Hai câu kệ 2286-87, tham chiếu: *J. II. 86, Duddaḍḍajātaka (Chuyện khó cho)*, số §180; *J. IV. 64, Bīḷārikosiyajātaka (Chuyện phú ông keo kiệt Bīḷāri)*, số §450; *S. I. 18, Maccharisutta (Kinh Xan tham)*.

2289. Nay ta trả lại cho ngài,
Maddī hiền phụ tuyệt vời đẹp xinh,
Chỉ ngài xứng với vợ mình,
Và Maddī với ngài tình thanh cao.
2290. Y như sữa với vỏ sò,
Cả hai cùng có sắc màu trắng tươi,
Cũng vậy ngài với Maddī,
Đồng tâm hòa ý phu thê sắt cầm.
2291. Cả hai Sát-đế-ly dòng,
Đôi bên cha mẹ cũng đồng gia môn,
Nơi đây trong chốn thảo am,
Các ngài chung sống rừng hoang một mình,
Để rồi tiếp tục làm lành,
Cúng dường bố thí phước sanh thêm nhiều.

Nói vậy xong, ngài tiếp tục ban một điều ước:

2292. Ta là Thiên chủ Sakka,
Đến đây thăm viếng ngôi nhà Hiền nhân,
Chọn ngay điều ước, Minh quân,
Ta ban tám ước nguyện phần Hiền vương.

Ngài vừa nói vừa bay lên không, sáng ngời như ánh triều dương. Lúc ấy, Bồ-tát chọn các điều ước qua các vân kệ:

2293. Sakka, Chúa tể chúng sanh,
Nếu ngài có ý ban phần thưởng ta,
Mong vương phụ chóng giải hòa,
Mong cha hãy sớm gọi ta về nhà,
Cho ta bảo tọa vương gia,
Đầu tiên nguyện ước ta mong đạt thành.
2294. Ta không kết án tử hình,
Dù ai có phạm tội tình ra sao,
Mong ta cứu tử người nào,
Bị tù đầy, ấy nguyện cầu thứ hai.
2295. Mong toàn dân chúng mọi người,
Khi cần giúp đỡ đến nơi ta liền,
Trẻ già, lớn bé, trung niên,
Và đây là chính ước nguyện thứ ba.
2296. Ta không tìm vợ người ta,
Chỉ vừa lòng với vợ nhà thiết thân,
Không chiều theo ý nữ nhân,
Thứ tư ước nguyện ta mong mỗi hoài.

2297. Sakka Thiên chủ, xin ngài,
Ban cho quý tử sống đời dài lâu,
Chánh chân chinh phục toàn cầu,
Thứ năm nguyện ước ân sâu xin ngài.
2298. Mỗi khi vừa hết đêm dài,
Vàng đông vừa hé, ban mai tiếp liền,
Mong sao thực phẩm thần tiên,
Cũng vừa xuất hiện, ước nguyện sáu đây.
2299. Mong sao thí vật đủ đầy,
Tín tâm ban phát rộng tay không ngừng,
Thí rồi không tiếc trong lòng,
Đây nguyện thứ bảy ta mong ước hoài.⁹⁶
2300. Mong sau khi thoát nơi này,
Ta đi thẳng đến cõi trời vùng riêng,
Từ đây không phải tái sinh,
Đây nguyện thứ tám ta xin cầu ngài.
2301. Sakka Thiên chủ cõi trời,
Đã nghe ngài nói, đáp lời như sau:
“Phụ vương ngài chẳng bao lâu,
Sẽ đi đến gặp con dẫu rất xa.”
- Vừa nói lời này xong, Sakka trở về cõi của ngài.
Bậc Đạo sư diễn tả việc này qua vần kệ:
2302. Sakka, Thiên chủ hùng oai,
Sujā phu tướng nói lời này xong,
Sau khi ban đủ đặc ân,
Trở về thẳng cõi thiên thần trú an.
- Chấm dứt phần *Thiên chủ Sakka*.

XI. VỊ ĐẠI VƯƠNG

Bấy giờ, Bô-tát và Maddī sống hạnh phúc cùng nhau trong thảo am mà Thiên chủ Sakka đã ban cho hai vị. Còn Jūjaka cùng đôi trẻ tiếp tục cuộc hành trình dài sáu mươi do-tuần. Các thần linh vẫn chăm sóc đôi trẻ.

Mỗi khi mặt trời lặn, Jūjaka thường lấy cây liễu gai buộc chúng lại và để chúng nằm trên mặt đất, còn chính lão lại sợ thú dữ nên trèo lên cây ngồi giữa các cành chĩa ba. Rồi một vị thần giả dạng Vessantara và một nữ thần giả dạng Maddī đến với đôi trẻ, mở dây cho chúng được tự do, xoa bóp tay chân, tắm

⁹⁶ Tham chiếu: J. IV. 239, *Akittijātaka* (Chuyện Hiền giả Akitti), số §480.

rửa, mặc quần áo cho chúng. Rồi họ cho chúng ăn món của thần tiên và ngủ trên chiếc giường thần tiên. Đến lúc rạng đông, họ lại đặt chúng nằm trong dây trói và biến mất. Như vậy, do sự giúp đỡ của thần linh nên đôi trẻ đi đường không bị thương tích gì. Jūjaka cũng được các vị thần dẫn đường, vì thế lão dự định đi đến vương quốc Kāliṅga, nhưng trong vòng mười lăm ngày, lão đến kinh thành Jetuttara.

Cùng đêm ấy, Vua Sañjaya của nước Sivi nằm mộng một giấc mơ như vậy: Trong khi ngài đang dự một buổi triều kiến quan trọng, có một người da đen đến đặt vào tay ngài hai đóa hoa. Ngài đeo chúng vào mỗi bên tai và phấn hoa rơi xuống ngực ngài. Sáng hôm sau, ngài thức dậy và hỏi các Bà-la-môn ý nghĩa giấc mơ ấy. Các vị đáp:

– Tâu Đại vương, các thân vương của ngài xa cách đã lâu, nay sắp trở về.

Thế là sáng hôm sau, khi đã thọ hưởng đủ thứ cao lương mỹ vị, chỉnh trang uy nghi, ngài ngự ra thiết triều, các vị thân nọ đưa lão Bà-la-môn này đến đặt trước sân châu của cung điện. Trong chốc lát, vua nhìn thấy đôi trẻ và hỏi:

2303. Mặt ai đây chiếu ánh vàng,
Khác nào vàng khối chảy trong lửa bùng,
Như tiền vàng sáng đang nung,
Ở nơi miệng của lò lung linh này?

2304. Cả hai đều giống dáng người,
Cả hai có nét mười mười giống y,
Một người thì tựa Jāli,
Người kia Kaṇhā, chẳng gì khác nhau.

2305. Tựa đôi sư tử hang sâu,
Bước ra bệ vệ đồng nhau vẹn toàn,
Ôi trông hai trẻ đứng gần,
Khác nào được đúc từ vàng thế kia.

Sau khi khen ngợi chúng như thế qua ba vắn kệ, vua phái một triều thần đến dẫn lão Bà-la-môn và bọn trẻ vào cho ngài. Vị ấy nhanh chóng mang chúng vào và vua hỏi lão Bà-la-môn:

2306. Hiền nhân Bhāradvāja,
Từ đâu đem lũ trẻ thơ đến vậy,
Hôm nay đã tới xứ này,
Định đi đâu đó, hỡi Bà-la-môn?

Jūjaka đáp:

2307. Tâu Vua, lũ trẻ của thân,
Được cho với sự hân hoan hài lòng,
Từ ngày có lũ trẻ con,
Đến giờ nửa tháng đã tròn, Đại vương!

Vua hỏi:

- 2308.** Nhờ tài dịu ngọt nói năng,
Hay lời chân thật khiến ông được lòng,
Ai cho ông các nhi đồng,
Thí tài đệ nhất Tôn ông nhận vậy?

Jūjaka đáp:

- 2309.** Chính Vua Vessantara,
Sống trong rừng đã cho thần con ngoan,
Ngài luôn hộ kẻ cầu ân,
Tựa như đất mẹ đỡ nâng muôn loài.
- 2310.** Chính Vua Vessantara,
Sống trong rừng đã cho thần con đây,
Kẻ cầu ân đến tìm ngài,
Như muôn sông đổ biển khơi ngàn trùng.

Nghe vậy, các triều thần chê bai Vessantara:

- 2311.** Khi còn ở tại vương cung,
Vua kia quả thật hay làm điều sai,
Giờ sao cho cả con ngài,
Trong khi đang bị lưu đày rừng sâu?
- 2312.** Hãy nghe ta, cả quần thần,
Thầy đang tề tựu ở trong cung đình,
Sao vua ban chính con mình,
Trong khi đang phải mưu sinh nơi rừng?
- 2313.** Cứ cho nô lệ nữ, nam,
Ngựa, la và cỗ xe ban cho rồi,
Hoặc là thí cả bầy voi,
Sao đem con trẻ cả đôi dâng người?

Nhưng cậu bé nghe vậy, không chịu nhận lỗi của cha mình mà vùng tay lên như thể nâng lấy núi Sineru bị cuồng phong đánh ngã, và cậu ngâm vãn kệ này:

- 2314.** Xin tâu đến Tổ phụ vương,
Người không sẵn có nô nam, nữ tỳ,
Xe, la, ngựa với voi bầy,
Làm sao có thể cho gì đến ai?

Vua đáp:

- 2315.** Ta khen cha cháu ban ân,
Không lời chê trách lỗi lầm gì đâu,
Nhưng lòng vương phụ thế nào,
Khi cha trao các con vào kẻ xin?

Nghe vậy, cậu bé đáp:

- 2316.** Lòng ngài nặng trĩu sầu bi,
Và nung nấu chẳng khác chi lửa nòng,
Mắt ngài đỏ tựa cá hồng,
Không ngăn lệ thảm đôi dòng tuôn rơi.

Lúc ấy, cậu ngâm kệ giải thích:

- 2317.** Cô bé Kanhā nói thế này:
“Cha ơi, xem lão La-môn đây,
Coi con nô lệ xuất thân ấy,
Lấy gậy đánh con thật mạnh tay!
- 2318.** Thường các La-môn sống chánh chân,
Lão này không phải Bà-la-môn,
Quý ma đội lột La-môn đó,
Lão dẫn đi, ăn thịt chúng con,
Cha có thể ngồi yên ngắm nghĩa,
Chúng con bị quý bắt đi chẳng?”

Vua thấy lão Bà-la-môn không để cho chúng đi liền ngâm kệ:

- 2319.** Mẹ thì công chúa cao sang,
Cha là thái tử huy hoàng trong cung,
Cháu xưa trèo bám lòng ông,
Sao bây giờ đứng xa trông, chẳng gần?

Cậu bé đáp:

- 2320.** Mẹ là công chúa cao sang,
Cha là thái tử huy hoàng trong cung,
Cháu giờ tôi tớ La-môn,
Cho nên cháu đứng trông chừng xa xa.

Vua đáp:

- 2321.** Cháu yêu đừng nói vậy mà,
Tim ta bị đốt cháy lan thiêu lòng,
Thân ta như lửa trên giàn,
Đang ngồi bảo tọa bất an bây giờ.
- 2322.** Cháu yêu đừng nói vậy mà,
Làm ta thêm nổi xót xa buồn rầu,
Ta mua lại cháu giá cao,
Thoát thân nô lệ, hãy mau cháu à.
- 2323.** Nói cho ta rõ thật thà,
Rồi ta sẽ trả cho Bà-la-môn,
Giá nào cha đã định phần,
Khi cha đem cháu ban ân cúng dường?

Cậu bé đáp:

2324. Một ngàn đồng giá của con,
Phần em con muốn thoát thân nô tỳ,
Trăm voi và mọi thứ kia,
Một trăm mỗi thứ cha đà định luôn.⁹⁷

Vua ra lệnh trả giá chuộc hai cháu:

2325. Cận thần, mau trả đạo nhân,
Đúng theo giá được định phần cháu ta,
Một trăm nam nữ gia nô,
Một trăm voi với đàn bò trăm con,
Một trăm con ngựa trong chuồng,
Một ngàn đồng chẵn tiền vàng đúng cân.

2326. Cận thần liền trả đạo nhân,
Ngay khi giá được định phần rõ ra,
Một trăm nam nữ gia nô,
Một trăm voi với đàn bò trăm con,
Một trăm con ngựa trong chuồng,
Một ngàn đồng chẵn tiền vàng đúng cân.

Sau đó, vua ban cho lão một cung thất bảy tầng, lão Bà-la-môn được đại vinh hiển. Lão đem cất mọi thứ tài sản rồi đi vào cung, đặt mình xuống sàng tọa sang trọng và hưởng cao lương mỹ vị.

Khi đôi trẻ được đem đi tắm rửa, ăn uống và mặc áo quần xong, tổ phụ liền ôm vào lòng một cháu và tổ mẫu ôm một cháu.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này:

2327. Sau khi chuộc lại cháu thơ,
Đại vương xuống lệnh bảo người chăm lo,
Tắm rồi, ăn uống đủ đầy,
Điểm trang mọi thứ, đặt ngay vào lòng.

2328. Khi hai trẻ đã gọi đầu,
Thay quần áo mới, mang nhiều phục trang,
Đức vua, tổ phụ vội vàng,
Bế hai cháu nhỏ vào lòng hoi han.

2329. Hai trẻ đã được điểm trang,
Bằng nhiều trang sức với tràng hoa thơm,
Hoa tai vang tiếng leng keng,
Đức vua nói với Jālī lời rằng.

⁹⁷ Tham khảo: *Miln. 275, Vessantarapañha (Câu hỏi về Vua Vessantara).*

2330. “Jālī, phụ mẫu yêu thương,
Thấy đều vô bệnh, an khương vẹn toàn?
Việc thường hái lượm sống còn,
Được nhiều củ quả hay không cháu này?”

2331. Song thân có bị quấy rầy,
Bởi bò sát, muỗi, mòng vây nơi rừng?
Hay bày dã thú thật hung,
Có đi tìm hại, tránh chừng dễ chẳng?”

Cậu bé đáp:

2332. Cháu xin tâu Tổ phụ vương,
Song thân vô bệnh, an khương vẹn toàn,
Việc thường hái lượm sống còn,
Được nhiều củ quả, yên lòng nơi đây.

2333. Song thân không bị quấy rầy,
Bởi bò sát, muỗi, mòng vây nơi rừng,
Hoặc bày dã thú thật hung,
Chúng đi tìm hại, tránh chừng được luôn.

2334. Mẹ đào khoai, củ cải, hành,
Đi tìm củ takkala, táo ta,
Mang về hạt dẻ, bầu nẫu,
Mẹ thường kiếm để cả nhà dành ăn.

2335. Và khi nào mẹ cưu mang,
Dù là củ quả rừng hoang loại gì,
Cả nhà đều đến tựu tề,
Và cùng ăn uống no nê đêm ngày.

2336. Mẹ con vàng võ, ốm gầy,
Bởi vì mang vác trái cây suốt ngày,
Dãi dầu mưa nắng gió lay,
Như hoa sen nọ trong tay tiêu điều.

2337. Tóc kia mỏng, xác xơ nhiều,
Vì lang thang giữa đìu hiu rừng già,
Nhưng con thú dữ ngang qua,
Nào là tê giác, báo ra từng đàn.

2338. Dưới tay bám đất ướt đen,
Tóc bà bện lại kết đan gọn gàng,
Bà chăm nom ngọn lửa thiêng,
Áo y da thú nằm trên đất dày.

Sau khi miêu tả mọi nỗi gian lao nhọc nhằn của mẹ mình như vậy, cậu bé trách móc tổ phụ qua các lời kệ này:

2339. Thối thường ở thế gian này,
Mọi người yêu quý con trai trong nhà,
Nhưng trừ trường hợp này ra,
Hình như Tổ phụ bỏ qua việc này.

Vua liền công nhận lỗi của mình:

2340. Việc này ta thật trái sai,
Khi ta làm hại con trai từ đầu,
Ta nghe dân Sivi sầu,
Mà đành đày ải con vô tội tình.
2341. Vậy thì tài sản của mình,
Bạc vàng lúa thóc giữ gìn trong tay,
Thuộc quyền Vessantara,
Ta trao Sivi cho vua trị vì.

Cậu bé đáp:

2342. Không vì lời của ấu nhi,
Mà vương phụ sẽ chịu đi tái hồi,
Đích thân Tổ phụ mà thôi,
Thân hành ban phát của, ngôi con ngài!

Vua Sañjaya liền ra lệnh cho vị đại tướng như sau:

2343. Rồi Sañjaya đức vua,
Truyền cho đại tướng làm nhanh việc này:
“Tượng, xa, mã, bộ binh đây,
Binh đoàn nghiêm chỉnh đón ngài hồi cung,
Thị dân, quan tể La-môn,
Sẽ theo ta để đến cùng chỗ kia.
2344. Chiến binh có sáu mươi nghìn,
Dáng trông oai vệ, hãy trình diện mau,
Quân trang mang đủ các màu,
Cả đoàn chỉnh đốn giáp bào nghiêm trang.
2345. Nhiều binh mang giáp bào xanh,
Nhiều binh giáp trắng, giáp vàng cũng đông,
Có người khăn đội đỏ hồng,
Quân trang đủ sắc, chỉnh xong, mau trình!
2346. Tựa Gandhamādana,
Ngọn cao núi tuyết hương bay ngạt ngào,
Phủ nhiều cây cối đủ loài,
Là nơi trú của các thần, dạ-xoa.
2347. Những thiên thảo được sanh ra,
Sáng ngời, thơm ngát tỏa hòa muôn phương,

- Binh đoàn nghiêm gấp lên đường,
Rực ngời tỏa khắp các phương như vậy.⁹⁸
- 2348.** Và rồi binh tượng sắp bày,
Thắng yên mười bốn nghìn ngay tượng hùng,
Cân đai toàn thể bằng vàng,
Bộ yên, khăn phủ cũng vàng thật xinh.
- 2349.** Chở quan điều tượng trên mình,
Tay cầm móc giáo, khiển binh thật tài,
Sẵn sàng nghiêm chỉnh như vậy,
Mau mau hãy đến nơi đây để trình!
- 2350.** Và rồi hãy sắp mã binh,
Kỹ càng một vạn bốn nghìn thắng yên,
Chọn con thuần chủng ngựa Sindh,
Vốn luôn mạnh mẽ và phi tốc hành.
- 2351.** Mỗi con chở một kỵ binh,
Hiên ngang cung kiếm bên mình sẵn mang,
Đoàn binh nghiêm chỉnh đàng hoàng,
Xong rồi liền đến đây nhanh để trình!
- 2352.** Xa binh một vạn bốn nghìn,
Điểm tô thật đẹp đủ đầy yên cương,
Bánh bằng sắt khéo đúc khuôn,
Có viền vàng óng, sắc luôn sáng bùng.
- 2353.** Phurôn, cò xe ấy sẵn giăng,
Phủ treo da mãnh thú rừng uy nghiêm,
Binh đeo giáp, giữ cung tên,
Bắn nhanh mạnh mẽ, gấp lên xe này!”

Vua phác họa việc điều binh của ngài như vậy xong, rồi ra lệnh san bằng đường sá từ thành Jetuttara đến núi Vamka có chiều rộng tám *usabha*⁹⁹ và trang hoàng đường ấy theo cách này cách nọ như sau. Ngài bảo:

- 2354.** Hoa nhiều sắc với lāja,
Để dành tung rải, cùng hoa kết tràng,
Bột, dầu nước xúc thơm hương,
Cột hoa lá dọc các đường vua qua.
- 2355.** Mỗi thôn để rượu trăm vò,
Rượu men, rượu nấu, rót cho thật đầy,
Trăm bình rượu ấy đặt ngay,
Bên đường vương tử mai này hồi loan.

⁹⁸ Xem Ap. I. 162, *Padumapūjakattheraapadāna* (Ký sự về Trưởng lão Padumapūjaka).

⁹⁹ 8 *usabha* tức khoảng 512m.

- 2356.** Hãy đem bánh, thịt, sữa đông,
Bánh đường, món cá ăn cùng thơm ngon,
Đem ra đặt ở vệ đường,
Ở ngay trên lối quân vương đi về.
- 2357.** Bơ, dầu, sữa, rượu hạt kê,
Sữa chua, rượu các hạt men nhẹ nhàng,
Đem ra đặt chúng bên đường,
Ở ngay trên lối quân vương đi về.
- 2358.** Hòa dầu quân hãy tự tề,
Người làm bánh mứt, làm hễ, hát rong,
Người nhào lộn, các vũ công,
Những người đánh trống, đóng tuồng giải khuây.
- 2359.** Các cây đàn luyến trỗi ngay,
Hòa thêm trống lớn cùng vài trống con,
Thổi tù và ốc miệng to,
Làm vang lên tiếng líu lo sáo huyền.
- 2360.** Đàn tỳ trỗi giọng lên ngay,
Tù và, chũm chọe đủ đầy âm thanh,
Trống con, trống lớn khua rân,
Khắp nơi nhạc cụ thùng thùng dậy vang.

Vua phát họa cách chuẩn bị trang hoàng đường xá như vậy. Còn Jūjaka ăn uống quá nhiều, không tiêu hóa nổi nên chết ngay lập tức. Vua ra lệnh tổ chức tang lễ, gióng trống thông báo truyền đi khắp kinh thành nhưng không tìm ra thân quyến của lão nên tài sản của lão lại trở về tay vua!

Vào ngày thứ bảy, tất cả đạo quân tụ họp đầy đủ. Vua long trọng làm lễ xuất hành cùng với Jāli làm người dẫn đường.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

- 2361.** Đạo quân hùng hậu lên đường,
Đạo quân Sivi nước non quê nhà,
Đi về phía núi Vamka,
Jāli hướng dẫn đoàn ra trước liền.
- 2362.** Voi già đã sáu mươi niên,
Rống lên một tiếng như kèn dậy vang,
Voi này găm thét rộ rạng,
Trong khi được buộc dây cương chặt vào.
- 2363.** Rồi bày ngựa hí giọng cao,
Bánh xe dòn dập xôn xao lăn tròn,
Đại quân thẳng tiến miền non,
Mịt mù tung đám bụi hồng như mây.

2364. Nhu cầu cung cấp đủ đầy,
Đạo quân quyết chí đi ngay hàng hàng,
Jālī hướng dẫn cả đoàn,
Tiến về đồi núi bạt ngàn Vamka.
2365. Đi vào rừng rậm bao la,
Uốn quanh dòng nước, cỏ hoa muôn loài,
Với bao hoa nở nụ cười,
Với bao trái chín làm người mừng vui.
2366. Khi rừng đang độ hoa tươi,
Chim ca ngọt dịu, dễ thương, trong ngần,
Véo von hòa nhịp xa gần,
Đàn chim đủ sắc chuyền cành bay ngang.
2367. Ngày đêm thẳng tiến lên đường,
Cuối cùng chấm dứt đường trường nơi đây,
Tiến vào chốn núi rừng này,
Vessantara lâu rày ân thân.
- Chấm dứt phần *Vị Đại vương*.

XII. SÁU VỊ SÁT-ĐẾ-LÝ

Trên bờ hồ Mucalinda, Vương tử Jālī bảo cả đoàn cắm trại, cậu đặt mười bốn ngàn cỗ xe hướng ra phía con đường họ vừa đến, vệ binh đứng rải rác canh phòng sư tử, cọp, báo và các loài dã thú khác. Lúc ấy, có tiếng voi rống to cùng nhiều tiếng ồn khác, bậc Đại sĩ nghe vậy sợ mất vía, nghĩ thầm: “Không lẽ kẻ thù đã giết phụ vương và đến đây tìm ta.” Ngài liền đưa Maddī cùng leo lên một ngọn đồi và quan sát đoàn quân.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

2368. Đoàn quân rầm rộ đến gần,
Vessantara nghe tiếng rần rần âm vang,
Ngài trèo lên ngọn đồi hoang,
Nhìn đoàn quân ấy, kinh hoàng lắm thay.
2369. “Maddī, hãy lắng nghe này,
Âm thanh gầm thét tràn đầy rừng hoang,
Tiếng bày ngựa hí nghe vang,
Nhìn cờ phấp phới bay ngang ngọn đồi.
2370. Phải chăng bọn thợ săn mồi,
Với lao, lưới bày quanh nơi hổ hằm,
Dồn xua dã thú trong rừng,
Và gào thét để giết, lòng mồi ngon?

2371. Chúng ta, những kẻ lưu vong,
Mặc dù vô tội ở trong rừng già,
Rơi vào tay giặc xấu xa,
Nàng nhìn họ giết kẻ cô sức hèn!”

Khi nàng nghe lời này, nàng nhìn đạo quân và tin rằng đó chính là quân đội của nước mình, nàng liền ngâm vắn kệ an ủi ngài:

2372. Thấy đều tốt đẹp với ta,
Quân thù không hại vương gia đâu nào,
Không hề có ngọn lửa cao,
Đủ năng lực để tràn vào đại dương.

Do vậy, bậc Đại sĩ được an lòng cùng Maddī bước xuống đồi và ngồi trước lều cỏ. Bậc Đạo sư diễn tả việc này:

2373. Vessantara đại vương,
Nghe vậy bước xuống từ vườn đồi hoang,
Và ngồi ngay trước thảo am,
Sau khi ngài đã an tâm vững vàng.

Lúc ấy, Vua Sañjaya truyền đưa hoàng hậu đến và bảo bà:

– Nay Ái hậu, nếu tất cả chúng ta đều đến đó sẽ gây chấn động lớn, vì vậy trăm sẽ đi trước một mình. Khi nào bà cảm thấy các con đã lắng dịu và an lòng thì bà có thể đến với một đoàn tùy tùng nhé.

Một lát sau, ngài bảo Jāli và Kaphājina đến. Ngài quay cổ xe hướng về con đường sắp đi, đặt quân canh phòng nơi này nơi nọ xong rồi ngự lên mình voi được trang hoàng đẹp đẽ, đi đến chỗ vương tử.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

2374. Điều hành quân đội sẵn sàng,
Cho xe hướng đến con đường sắp đi,
Phụ vương vào chốn rừng kia,
Nơi vương tử sống một mình ẩn cư.

2375. Và rồi vua ấy xuống voi,
Đại thần hộ tống, một vai y choàng,
Tay kia chấp lại nghiêm trang,
Ngài đi trao lại ngai vàng cho con.

2376. Nơi này ngài thấy con ngoan,
Dáng uy nghi đẹp, trong lòng bình an,
Ngồi ngay ở trước thảo am,
Không gì sợ hãi, thâm trầm tư duy.

2377. Vessantara, Maddī,
Thấy vua cha đến, dạ thì mong con,

Cả hai ra đón phụ vương,
Vội vàng thi lễ kính cung chào mừng.

- 2378.** Khi Maddī lễ phụ vương,
Thành tâm đầu đặt nơi chân của ngài:
“Đại vương, con chính Maddī,
Hoàng phi xin lễ chân này của cha.”
Ngài ôm choàng chặt cả hai,
Vỗ về, ve vuốt bằng tay ân cần.

Sau khi khóc than vì buồn tủi, vua cha bình tâm trở lại và thân mật hỏi thăm các con:

- 2379.** Nay con trai quý, thân thương,
Thấy đều tốt đẹp, an khương vẹn toàn?
Việc thường hái lượm sống còn,
Được nhiều củ quả hay không nơi này?
- 2380.** Con nay có bị quấy rầy,
Bởi bò sát, muỗi, mòng vây nơi rừng?
Hoặc bầy dã thú thật hung,
Có đi tìm hại, tránh chùng dễ chẳng?

Bậc Đại sĩ đáp lời phụ vương:

- 2381.** Chúng con sống, tấu phụ thân,
Món gì cũng được uống ăn qua ngày,
Việc kiếm sống khổ cực đây,
Chúng con thu nhặt trái cây, củ rừng.
- 2382.** Nghịch duyên thường luyện con người,
Như quan điều mã luyện loài ngựa hoang,
Chúng con trước chẳng rõ rành,
Giờ thuần thực bởi khó khăn trui rèn.
- 2383.** Nhưng vì xa vắng song thân,
Chúng con cũng có đôi phần gầy đi,
Đại vương, cuộc sống lưu đầy,
Nơi rừng hoang vắng sầu buồn bữa vầy.

Sau đó, ngài hỏi cha về số phận của các con:

- 2384.** Nhưng Jāli với Kanhā,
Vương tôn bất hạnh của cha nói dòng,
Cha thời là một quân vương,
Sivi một cõi quê hương hôm nào,
Thế mà hai trẻ thành nô,
Phục tùng cho vị La-môn bạo tàn,

Lão ta đánh đuổi con ngoan,
Y như hành hạ một đàn bò non.

- 2385.** Nếu cha biết chút gì chẳng,
Về đôi trẻ nhỏ, con công chúa này,
Như y sư chữa khéo thay,
Một người bị rắn cắn ngay tức thì.

Vua cha đáp:

- 2386.** Cả Kaṇhā với Jāli,
Giờ đây đã được chuộc về hoàng cung,
Ta đem tiền trả La-môn,
Vậy đừng sợ, hãy yên lòng, con thương!

Bậc Đại sĩ được an tâm khi nghe điều này và vui vẻ đàm luận với vua cha:

- 2387.** Phụ vương có được an khương,
Và thường vô bệnh, hanh thông vẹn toàn?
Phải chăng vương mẫu của con,
Mất kia chẳng bị mờ trông kém dần?

Vua cha đáp:

- 2388.** Phụ vương vẫn được an khương,
Vẫn thường vô bệnh, hanh thông vẹn toàn,
Và còn vương mẫu của con,
Mất kia chẳng bị mờ trông kém dần.

Bậc Đại sĩ nói:

- 2389.** Thú kia còn kéo vương xa?
Chúng đều mạnh mẽ, ôn an như thường?
Thần dân quốc độ thịnh cường?
Mùa mưa có đủ, tuôn tràn chẳng ngưng?

Vua cha đáp:

- 2390.** Thú kia vẫn kéo vương xa,
Chúng đều mạnh mẽ, ôn an như thường,
Thần dân quốc độ thịnh cường,
Mùa mưa có đủ, tuôn tràn chẳng ngưng.

Trong khi hai vị nói chuyện với nhau như vậy, Hoàng hậu Phusatī cảm thấy tất cả mọi người hẳn đã trút hết lo âu nên bà đến thăm con trai cùng với một đoàn tùy tùng rầm rộ.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

- 2391.** Trong khi hai vị luận bàn,
Bấy giờ lại thấy mẫu thân đến gần,
Bước vào lối núi lên am,
Dù là hoàng hậu, chân trần sá chi.

- 2392.** Vessantara, Maddī,
Thấy thân mẫu đến, dạ thì mong con,
Cả hai ra đón hậu vương,
Vội vàng thi lễ kính cung chào mừng.
- 2393.** Khi Maddī lễ mẫu thân,
Thành tâm đầu đặt nơi chân mẹ hiền:
“Hậu vương, con chính Maddī,
Hoàng phi xin lễ dưới chân mẹ hiền.”
- 2394.** Maddī bất chợt nhìn lên,
Thấy hai con trẻ bình yên sò sò,
Như bê con thấy mẹ bò,
Từ xa chúng hét la to chạy mừng.
- 2395.** Maddī thấy chúng bình an,
Như người quý ám và nàng run run,
Khiến cho bầu ngực phòng căng,
Hai dòng sữa tiết ra dâng tuôn trào.

Ngay lúc ấy, núi đồi vang động, quả đất rung chuyển, đại dương nổi sóng, núi Sineru, chúa tể của núi đồi cúi mình xuống, sáu cõi trời của chư thiên đồng vọng một âm thanh vĩ đại. Thiên chủ Sakka nhận thấy cả sáu vị trong hoàng gia cùng đoàn tùy tùng đều nằm bất tỉnh trên mặt đất và không ai có thể đứng lên rảy nước cho các người kia, vì vậy ngài quyết định đổ một cơn mưa lớn. Ngài làm mưa rơi xuống. Kẻ nào muốn ướt đều được ướt, kẻ nào không muốn thì không có một giọt mưa nào rớt xuống người họ mà nước lăn ra như thể từ ngọn lá sen. Cơn mưa ấy thật giống mưa rơi trên cụm lá sen.

Sáu người trong hoàng gia đã hồi tỉnh và tất cả mọi người đều reo to trước sự kiện diệu kỳ là mưa rơi trên những người trong hoàng tộc như thế nào, quả đất lớn chấn động ra sao.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

- 2396.** Ngay khi thân tộc tương phùng,
Âm thanh vĩ đại liên bùng nổ ra,
Các đồi núi vọng vang xa,
Đất bằng rung chuyển thật là mạnh thay.
- 2397.** Trời liền đem một vầng mây,
Từ trên giáng xuống mưa đầy tuôn ra,
Khi Quân vương Vessantara,
Vừa cùng tái ngộ hoàng gia của ngài.
- 2398.** Phụ vương, mẫu hậu, con trai,
Con dâu, các cháu đồng thời nơi kia,

Khi vừa sum họp một nhà,
Tóc lông dựng đứng, thịt da rợn người.

- 2399.** Thần dân đồng chấp tay hoài,
Khóc, nêu nguyện ước một lời với vua,
Thỉnh cầu Vessantara,
Và Maddī, thầy cùng la vang lừng,
“Hãy làm chúa tể chúng thần,
Quốc vương, hoàng hậu, trị giang sơn này!”
Châm dứt phần *Sáu vị Sát-đế-lỵ*.

XIII. VỀ LẠI KINH THÀNH

Lúc ấy, bậc Đại sĩ nói với vua cha:

- 2400.** Phụ vương, quần chúng lâu nay,
Dân quê, thành thị lưu đầy thần nhi,
Khi con đang ngự ngai kia,
Và đang theo cách trị vì chánh chân.

Vua cha đáp lời để xoa dịu nỗi giận hờn của con:

- 2401.** Việc này ta thật trái sai,
Khi ta làm hại con trai từ đầu,
Khi nghe dân Sivi tâu,
Ta đành đầy ải con vô tội tình.

Ngâm vắn kệ này xong, ngài thêm một vắn nữa để mong con xoa dịu nỗi sầu riêng của mình:

- 2402.** Nỗi sầu của mẹ cùng cha,
Hoặc là em gái, muốn xoa dịu dần,
Nam nhi không chút ngập ngừng,
Cho dù ta phải hiến dâng cuộc đời.

Bồ-tát đã mong muốn trở lại vương vị, nhưng tránh nói nhiều để tạo niềm kính trọng đối với ngài, bây giờ mới đồng ý. Lập tức, sáu mươi ngàn quần thần, các bạn thân của ngài từ bé, đồng la lớn:

Đại vương, tắm rửa đến thời,
Tẩy cho sạch hết trần ai bấy giờ!

Nhưng bậc Đại sĩ đáp:

– Hãy đợi một lát!

Rồi ngài bước vào trong thảo am, cởi bộ áo ản sĩ ra và cất đi. Kế đó, ngài bước ra khỏi am và nói:

– Đây là nơi ta đã sống chín tháng rười tu tập khổ hạnh và đã đạt pháp tối thượng về bố thí viên mãn khiến quả đất chấn động.

Ngài đi quanh am lá ba lần về phía hữu và quỳ lạy trước am với năm phần thân sát đất.¹⁰⁰ Rồi quần thần chải chuốt râu tóc ngài và rảy nước lên thân ngài để làm lễ Quán đánh phong vương trong khi ngài sáng rực trong vẻ uy nghi như một vị Thiên đế. Vì vậy, chuyện kể:

2403. Thế rồi Vua Vessantara,
Tẩy cho thật sạch đất dơ, bụi trần,
Tẩy xong dơ bẩn bụi trần,
Vua mang sắc sáng, trắng ngần thanh cao.

Uy lực vinh quang của ngài thật vĩ đại! Ngài nhìn đến nơi nào thì nơi ấy rung động, những ai khéo nói lời chúc lành đều lên tiếng phát biểu, dân chúng đem đến đủ loại nhạc cụ đàn sáo. Trong lòng đại dương có tiếng vang dậy như sấm sét. Quần thần đưa vào con voi báu đã được tô điểm cân đai rực rỡ. Ngài vừa đeo thanh bảo kiếm vào mình vừa ngự lên bảo tượng trong khi sáu mươi ngàn quần thần vây quanh ngài thành một cuộc dàn binh thật hùng tráng, huy hoàng và rảy nước làm lễ tấn phong hoàng hậu cho Maddī sau khi nàng đã được các tỳ nữ tắm gội, trang điểm thật đẹp. Họ vừa rảy nước vừa kêu to:

– Cầu mong Chúa tể Vessantara bảo vệ hoàng hậu!

Họ còn nói thêm nhiều lời chúc lành khác nữa.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

2404. Đầu vừa được gội sạch xong,
Xiêm y lộng lẫy, trang hoàng oai phong,
Đeo vào thanh kiếm vô song,
Ngự lên bảo tượng, bạn đồng hành xưa.

2405. Sáu mươi ngàn bạn ấu thơ,
Đồng sanh một lượt, đáng người đẹp thanh,
Họ cùng nhau đến vây quanh,
Mang niềm hoan hỷ cho anh quân này.

2406. Cung nga tắm gội Maddī,
Và đồng câu chúc vương phi vang lừng,
“Vessantara, hai con,
Sañja thái thượng bảo toàn nương nương!”

2407. Thế là mọi sự phục hoàn,
Và hồi tưởng nỗi đau buồn đã qua,
Trong lòng ngọn núi Vamka,
Họ cho mở hội, hát ca vui mừng.

2408. Thế là mọi sự phục hoàn,
Và hồi tưởng nỗi đau buồn đã qua,

¹⁰⁰ Năm phần thân (五體, ngũ thể) gồm có đầu, 2 tay và 2 đầu gối.

Maddī hạnh phúc chan hòa,
Gặp lại hai trẻ, hân hoan rạng ngời.

- 2409.** Thế là mọi sự phục hoàn,
Và hồi tưởng nỗi đau buồn đã qua,
Maddī hạnh phúc chan hòa,
Vui cùng hai trẻ, hân hoan rạng ngời.

Trong niềm hạnh phúc ấy, nàng nói với các con:

- 2410.** Mẹ ăn một bữa mỗi ngày,
Mẹ nằm ngủ mặt đất này trống trơn,
Đó là nguyện ước yêu thương,
Đến khi con được vuông tròn tìm ra.
- 2411.** Lời nguyện đã đạt bấy giờ,
Mẹ nay hội ngộ con thơ nhiệm mầu,
Điều lành gì tạo bấy lâu,
Ước mong bảo hộ ngày sau con nhờ,
Và mong Tổ phụ Sañja,
Luôn che chở các con nhà từ đây.
- 2412.** Điều lành gì tạo bấy nay,
Bởi thân phụ hoặc chính tay mẹ mà,
Ước mong con trẻ không già,
Nhờ chân chính, các con thơ trường tồn.

Mẫu hậu Phusatī cũng bảo:

– Kể từ nay, vương phi sẽ mặc những xiêm áo này và mang các nữ trang này.
Và bà bảo người trao cho nàng các thứ ấy đựng đầy trong nhiều hộp.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

- 2413.** Vải bông, tơ lụa, áo quần,
Len Khoma, lụa Kodumbara,
Mẫu hoàng trao tặng dâu này,
Mặc vào sắc đẹp vương phi sáng bừng.
- 2414.** Tay trên có lắc ánh vàng,
Cổ thì vòng quý làm bằng ngọc sang,
Được trao tặng bởi mẫu hoàng,
Đeo vào sắc đẹp của nàng sáng hơn.
- 2415.** Tay trên đeo lắc ánh vàng,
Cổ tay cũng vậy, đai bằng ma-ni,
Mẫu hoàng gửi tặng Maddī,
Đeo vào sắc đẹp vương phi sáng bừng.

- 2416.** Các đồ trang sức trán nàng,
Đủ nhiều màu sắc, làm bằng ma-ni,
Mẫu hoàng gửi tặng Maddī,
Đeo vào sắc đẹp vương phi sáng bừng.
- 2417.** Gửi vài trang sức cổ chân,
Cùng vòng đai thắt thêm phần đẹp xinh,
Mẫu hoàng gửi tặng dẫu mình,
Đeo vào sắc đẹp vương phi sáng ngời.
- 2418.** Nào dây chuỗi, lắc, vòng, đai,
Ngắm nhìn công chúa tuyệt vời vẻ vang,
Rõ ràng, nàng chiếu ánh quang,
Khác nào các vị nữ thần Lạc viên.¹⁰¹
- 2419.** Với đầu tắm ướt tóc tiên,
Nữ trang, xiêm áo ngắm nhìn đẹp tươi,
Vương phi tỏa ánh sáng ngời,
Như là thiên nữ cõi trời Băm Ba.
- 2420.** Trong vườn thiên giới Citta,¹⁰²
Cây ba tiêu ngọn gió lửa nhẹ rung,
Đôi môi công chúa tuyệt trần,
Dáng nàng khả ái như thân cây trời.
- 2421.** Như chim lông đẹp sáng ngời,
Lượn bay khắp mọi nẻo trời trên không,
Môi nàng xinh tựa đoá hồng,
Dung nhan làm ngẩn ngơ lòng thế nhân.

Sáu mươi ngàn quần thần mang lại cho nàng cưới một con voi ít tuổi, trưởng thành không bao lâu nhưng chịu được các lần tên mũi giáo, được phục trang tô điểm rất đẹp. Chuyện kể rằng:

- 2422.** Họ dâng voi đẹp còn xuân,
Con voi dũng mãnh oai phong hùng cường,
Không hề biết ngại tên, thương,
Ngà dài, chẳng sợ chiến trường ba quân.
- 2423.** Nàng lên voi nọ còn xuân,
Con voi dũng mãnh, oai phong hùng cường,
Không hề biết ngại tên, thương,
Ngà dài, chẳng sợ chiến trường giao tranh.

¹⁰¹ Nandana (歡喜園): Vườn Hoan Hỷ, tên gọi một khu vườn trên cõi trời Tāvātimsa (Tam Thập Tam). Tham chiếu: S. I. 11; J. V. 392; *Tap. 雜* (T.02. 0099.576. 0153c05).

¹⁰² Cittatāvāna là tên gọi của một khu vườn ở cõi trời Tāvātimsa (Tam Thập Tam). Tham chiếu: D. III. 716; *DhA.* I. 271f; *Vv.* 37, 65; *VvA.* 94; *ThagA.* I. 365; J. I. 202; III. 250.

Như vậy, cả hai vị tiến về doanh trại trong cảnh đại huy hoàng. Vua Sañjaya và đoàn tùy tùng đông vô số bày đủ trò tiêu khiển cho hai vị ở trên núi và trong rừng suốt một tháng. Suốt thời gian ấy, nhờ uy danh của bậc Đại sĩ, không một dã thú hay chim muông nào gây hại gì trong khu rừng bao la ấy.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

2424. Nhờ Vessantara chúa vang danh,
Xuyên qua suốt dải rừng xanh bạt ngàn,
Không loài dã thú đi hoang,
Làm gì hại chúng bạn, luôn làm lành.

2425. Nhờ Vessantara chúa vang danh,
Xuyên qua suốt dải rừng xanh bạt ngàn,
Không loài nào thuộc chim muông,
Làm gì hại chúng bạn, luôn làm lành.

2426. Và khi ngài phải đăng trình,
Thú rừng tề tựu đồng tình tiễn đưa,
Nơi này muông thú nhìn vua,
Bậc làm Sivi giang sơn hùng cường.

2427. Và khi ngài phải đăng trình,
Các chim tề tựu đồng tình tiễn đưa,
Nơi này chim chóc nhìn vua,
Bậc làm Sivi giang sơn hùng cường.

2428. Lặng im khung cảnh khu rừng,
Nơi này muông thú đã ngừng xôn xao,
Chúng không kêu một tiếng nào,
Khi ngài rời chốn rừng sâu lên đường.

2429. Lặng im khung cảnh khu rừng,
Nơi này chim chóc đã ngừng xôn xao,
Chúng không ca hát tiếng nào,
Khi ngài rời chốn rừng sâu lên đường.

Sau một tháng hội hè vui chơi, Vua Sañjaya triệu tập vị đại tướng quân vào bảo:

– Ta đã ở trong rừng này lâu rồi, thế con đường chuẩn bị cho vương nhi của ta trở về đã trang hoàng xong chưa?

Ông đáp:

– Tâu Chúa thượng, đã đến lúc ra đi.

Ngài liền nhắn lời đến Vua Vessantara và cùng quân đội khởi hành, theo sau là đoàn tùy tùng trên con đường sáu mươi do-tuần đã được trang hoàng từ lòng núi Vamka đến kinh thành Jetuttara.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

2430. Đường vua đi mới được làm,
Với muôn hoa lá trang hoàng đẹp xinh,
Từ nơi ngài ở rừng xanh,
Xuôi dần đến Jetuttara thành.
2431. Chiến binh có sáu mươi ngàn,
Dáng người cao đẹp, quây quần vua đây,
Bạc làm hưng thịnh Sivi,
Vua Vessantara khi lên đường.
2432. Các vương tử, các phi tần,
Thương gia cùng với La-môn quanh ngài,
Bạc làm hưng thịnh Sivi,
Vua Vessantara khi đăng trình.
2433. Nhiều đoàn tượng, mã, xa binh,
Cùng đoàn vệ sĩ bộ binh quanh ngài,
Bạc làm hưng thịnh Sivi,
Vua Vessantara khi lên đường.
2434. Đám đông dân chúng, thị dân,
Thảy đều đoàn kết quây quần vua này,
Bạc làm hưng thịnh Sivi,
Vua Vessantara khi lên đường.
2435. Chiến binh mang mào áo da,
Quân mang bào giáp sáng lòe kiếm thương,
Tiên phong bảo vệ quân vương,
Vessantara thẳng đường về kinh.

Nhà vua trải qua cuộc hành trình dài sáu mươi do-tuần trong hai tháng. Sau đó, ngài vào thành Jetuttara được trang hoàng để mừng đón ngài và ngài bước vào hoàng cung.

Bạc Đạo sư diễn tả việc này:

2436. Đoàn quân vào đến thành đô,
Đẹp xinh hào lũy, cửa ô cao vầy,
Đàn ca múa hát vui thay,
Thức ăn, thức uống đủ đầy luôn luôn.
2437. Thần dân toàn thể hân hoan,
Từ nông dân đến thị dân mọi nhà,
Chào mừng trở lại quê cha,
Bạc làm Sivi quốc gia thịnh cường.
2438. Mọi người đều vẫy chiếc khăn,
Hoan nghênh chào đón ân nhân đến gần,

Ngài vào thành thị hân hoan,
Lệnh truyền đại xá ban ân muôn loài.

Như vậy, Vua Vessantara ban ân xá mọi sinh vật cho đến loài mèo. Và hôm ấy, ngài vào thành về buổi chiều tối, ngài suy nghĩ: “Khi vừa tảng sáng, những kẻ cầu ân nghe tin ta trở về sẽ đến đây. Vậy ta lấy gì cho họ đây?” Ngay lúc ấy, chiếc ngai của Thiên chủ Sakka bỗng nóng rực lên. Ngài xem xét và thấy rõ lý do, ngài liền đổ xuống một trận mưa gồm bảy báu vật chẳng khác gì trận mưa đông, tràn ngập cả mặt tiền lẫn hậu cung đến tận thất lưng và khắp cả kinh thành ngập đến tận đầu gối.

Hôm sau, vua phân chia các phần đất này nọ cho nhiều gia đình và cho phép họ thu lượm châu báu, phần còn lại ngài truyền quân góp nhặt và cất vào kho tàng trong cung thất của ngài. Như vậy, ngài có sẵn các kho báu để phân phát trong tương lai.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

- 2439.** Vessantara tái hồi,
Đại vương bảo hộ mọi người Sivi,
Trời cho mưa báu tràn trề,
Ở trên đất nước là quê hương này.
- 2440.** Vessantara rộng tay,
Phát ban tặng vật đủ đầy toàn dân,
Cuối cùng ngài đã mạng chung,
Tràn đầy trí tuệ, thiên cung ngài về.

Chấm dứt phần *Về lại kinh thành*.

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại *Chuyện Đại vương Vessantara* với gần cả ngàn bài kệ này, Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, Jūjaka là Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), Amittatāpanā là nàng Ciñcā, Cetaputta là Channa (Xa-nặc), vị khỏ hạnh Accuta là Sāriputta (Xá-lợi-phất), Sakka là Anuruddha (A-na-luật), Vua Sañjaya là Vua Suddhodana (Tịnh Phạn), Phusatī là Vương hậu Mahāmāyā (Ma-da), Vương hậu Maddī là mẫu thân của Rāhula, Vương tử Jāli là Rāhula, Kaphājina là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc), thần dân là các đệ tử đức Phật và Đại vương Vessantara chính là Ta, bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

- HẾT -

CHUYỆN TIỀN THÂN